



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

Người Việt hải ngoại tiến tới đồng thuận và phối hợp

Dịp kỷ niệm hai mươi năm ngày 30-4-1975 đã là cơ hội để người Việt hải ngoại nghĩ lại mình vào giữa lúc mà một chiến dịch lấy lòng được chính quyền cộng sản đang tung ra nhằm vào cộng đồng người Việt hải ngoại và chúng tỏ một mức độ trưởng thành mới.

Hai mươi năm tuy chỉ là một thời gian ngắn trong lịch sử của một quốc gia, nhưng cũng là một thời gian dài cho một đời người, một thời gian đủ để những đam mê lắng xuống. Các cuộc biểu tình rầm rộ và quyết liệt ngày 30-4 không còn nữa. Ngày 30-4 đã trở thành một mốc thời gian, đánh dấu một giai đoạn mới, giai đoạn vận động dân chủ và nhân quyền.

Từ hơn sáu tháng nay, những lời tuyên bố hòa dịu liên tiếp được tung ra từ các nhà lãnh đạo cao nhất của chế độ. Lần đầu tiên cả ba ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, cũng như mọi cấp lãnh đạo cộng sản khác, đều đồng thanh kêu gọi xóa bỏ hận thù, đoàn kết trong và ngoài nước, hòa hợp dân tộc, quên quá khứ để hướng về tương lai, cùng xây dựng đất nước. Dù ẩn ý là sao đi nữa thì ngôn ngữ này cũng dễ nghe hơn ngôn ngữ trước đây. Mọi người đều muốn lắng nghe với tất cả nghiêm chỉnh và sẵn sàng hưởng ứng.

Người Việt hải ngoại hiện nay hướng về đất nước, muốn góp phần xây dựng đất nước ngay lập tức mà không cần đợi đến lúc chế độ cộng sản đã được thay thế. Những ủy ban "chống kinh tài Việt cộng", "chống du lịch Việt cộng" không còn nữa. Những chủ trương kháng chiến võ trang cũng đã chấm dứt. Một cuộc đối thoại và hợp tác có thể có được nếu mọi người đều biết điều.

Chúng ta có thể tin rằng cả hai bên đều muốn.

Người Việt hải ngoại, sau hai mươi năm lưu lạc, đều muốn nối kết lại với quê hương, muốn tìm lại những kỷ niệm xưa, muốn gặp lại họ hàng, bè bạn, muốn giữ cội nguồn cho con cái và muốn tiếp tay xây dựng đất nước.

Chính quyền cộng sản cũng rất mong muốn sự hợp tác của người Việt hải ngoại, họ bắt đầu nhận ra trọng lượng, ít nhất là trọng lượng kinh tế, của cộng đồng người Việt hải ngoại. Mỗi năm người Việt hải ngoại gửi về nước dưới nhiều hình thức khác nhau khoảng 700 triệu USD, cao hơn hẳn viện trợ của bất cứ quốc gia nào. Nếu quan hệ giữa trong và ngoài nước được bình thường hóa một cách tốt đẹp và việc huy động tiết kiệm của người Việt được tiến hành một cách đúng đắn, người Việt hải ngoại có thể đầu tư vào Việt Nam ít nhất 500 triệu USD mỗi năm, một con số cũng hơn hẳn khối lượng đầu tư vào Việt Nam của bất cứ quốc gia nào. Chính quyền cộng sản càng mong muốn sự hợp tác của người Việt hải ngoại hơn khi chính họ đang rất cần sự hợp tác đó hơn bao giờ hết. Họ đang rất bối rối. Tất cả mọi chỉ số về lạm phát, xã hội, giáo dục, y tế, môi

Trong số này

- | | |
|---|------------------|
| 1. <i>Vấn đề trong tháng</i> | |
| 3. <i>Chính trị quốc tế:</i>
TNP và Đông Nam Á | Huỳnh Hùng |
| 4. Một cách nhìn cuộc chiến | Nguyễn Gia Kiểng |
| 6. Hiện tình đất nước | Bùi Tấn |
| 10. Thư góp ý với Phan Đình Diệu... | Lý An Sinh |
| 11. Thư ngỏ gửi Bùi Minh Quốc... | Nguyễn Thu |
| 12. Hai mặt tình động của quyền... | Trần Thanh Hiệp |
| 15. Ngày nhân quyền và dân chủ | Võ Xuân Minh |
| 17. Vị trí Việt Nam trong ASEAN | Diệp Tường Bảo |
| 20. Nói chuyện với nhà thơ Lê Đạt | Thụy Khuê |
| 22. Tài liệu về vụ chống đối phe bảo thủ... | Vũ Thiện Hân |
| 25. <i>Thời sự - Tin tức</i> | |
| 30. Truyện cổ tích | Đồ Gàn |
| 31. <i>Tạp bút:</i> Bệnh viện Từ Dũ... | Nam Long |
| 32. <i>Sổ tay:</i> Về người và chó | Phù Du |

sinh đều đã bật đèn đỏ. Cộng đồng hải ngoại có thể là một bình dương khí rất quý báu.

Cả hai bên đều muốn, nhưng trở ngại là chính sách "chống diễn biến hòa bình". Người Việt hải ngoại muốn đóng góp để phát triển đất nước và để đất nước chuyển hóa về dân chủ trong khi chính quyền cộng sản muốn họ đóng góp để giúp duy trì chính sách độc tài đảng trị vô thời hạn. Chính quyền cộng sản muốn cộng đồng người Việt hải ngoại đầu hàng và họ chỉ sẵn sàng để tạo điều kiện cho một cuộc đầu hàng lịch sử.

Hơn thế nữa, càng chao đảo họ càng ra sức đàn áp. Hàng chục ngàn tù nhân chính trị vẫn mòn mỏi trong các nhà tù. Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Đan Quế vẫn ở tù và điều kiện giam cầm còn nghiệt ngã hơn. Sang đầu năm nay chính quyền cộng sản còn bắt giam hòa thượng Quảng Độ, người lãnh đạo tinh thần của Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam. Họ cũng bắt nốt những người còn lại của Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ. Song song với những lời lẽ hòa dịu được tung ra, không khí đàn áp chính trị đang tăng lên một cách ngột ngạt ở trong nước. Những anh em tranh đấu cho dân chủ ở trong nước đang sống những ngày bấp bênh.

Nhưng lần này cộng đồng người Việt hải ngoại đã chứng tỏ một bản lĩnh mới. Đã có được đồng thuận để lên án một cách ôn hòa nhưng quyết liệt chính sách nói một đằng làm một nẻo của chính quyền cộng sản. Cũng đã có một yếu tố rất mới là các tổ chức và hội đoàn hải ngoại và còn đả kích và đánh phá nhau nữa, trái lại còn liên kết trong thái độ và hành động. Các tổ chức và hội đoàn hải ngoại đã tự tin hơn và tin nhau hơn. Đó là một yếu tố rất tích cực mà chính quyền cộng sản không thể không chú ý.

Thời gian cũng đã gạn lọc các tổ chức tranh đấu, và chỉ để lại một số các tổ chức hoặc có thực lực, hoặc có lập trường lành mạnh. Quan sát kỹ hơn, người ta có thể thấy là tiến trình gạn lọc và tập trung này đang tiếp tục một cách khả quan.

Đã có và hiện đang có nhiều cố gắng kết hợp và phối hợp. Ý thức cần chấm dứt tình trạng chia rẽ và rời rạc càng ngày càng rõ rệt. Vẫn còn những cố gắng cố hữu muốn mau chóng thành lập một định chế đại diện và lãnh đạo cộng đồng người Việt hải ngoại, nhưng cũng đã có những cố gắng - thực tế và khả thi hơn - muốn tìm đồng thuận và phối hợp. Tất cả, nói chung, đều được thực hiện trong một thái độ hòa nhã. Cho nên ngay cả khi không tán thành lập trường và phương pháp, người ta vẫn có thể ghi nhận thái độ trưởng thành.

Người Việt hải ngoại trải rộng trên nhiều quốc gia, với những nếp sống và thể chế khác nhau, với những quan hệ khác nhau với Việt Nam cho nên chủ trương muốn thống nhất cộng đồng người Việt hải ngoại trong một tập hợp duy nhất là điều không thể thực hiện được. Chủ trương muốn có một tiếng nói duy nhất, đại diện cho cộng đồng cũng mâu thuẫn với tinh thần đa nguyên mà chúng ta đề cao. Điều mà chúng ta có thể mong muốn là bớt đi những chia rẽ không cần thiết, giữa những người và những tổ chức cùng lập trường và cùng nhạy cảm chính trị.

Trên thực tế, chúng ta đang chứng kiến một xu hướng

lượng cực hóa trong sinh hoạt chính trị hải ngoại. Các tổ chức đang có khuynh hướng kết hợp lại thành hai khối.

Một khối gồm các tổ chức chống cộng quyết liệt. Các tổ chức này, trước đây đã từng hô hào kháng chiến vô trang, đã từng nỗ lực vận động yêu cầu Hoa Kỳ tiếp tục cấm vận đối với Việt Nam, đã từng mở ra các chiến dịch "chống kinh tài Việt Cộng", "chống du lịch Việt Cộng", đã từng lên án gay gắt lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc. Ngày nay thái độ của họ đã ôn hòa hơn nhiều. Họ đã công khai chấp nhận lập trường dân chủ đa nguyên và tuyên bố sẵn sàng xóa bỏ hận thù do quá khứ để lại. Một cách thâm lặng họ cũng đã từ bỏ bạo lực như là phương thức đấu tranh duy nhất. Tuy vậy những ràng buộc của các tổ chức này với quá khứ vẫn còn mạnh.

Một khối khác, gồm các tổ chức thẳng thắn chủ trương tranh đấu để xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, bằng phương thức bất bạo động. Khối này chủ trương quay lưng lại với quá khứ, kết hợp mọi người thuộc mọi quá khứ chính trị, kêu gọi hiện diện tích cực trong mọi sinh hoạt tại Việt Nam để thúc đẩy diễn tiến hòa bình về dân chủ.

Một sự tình cờ đã khiến hai hoạt động phối hợp của hai khuynh hướng diễn ra cùng một lúc. Tại Washington DC, trong ba ngày 14, 15 và 16-4-1995, một "Hội nghị liên kết người Việt quốc gia" đã qui tụ một số các tổ chức thuộc khuynh hướng thứ nhất, trong khi tại Paris "Ngày Dân Chủ và Nhân Quyền", 16-4-1995, qui tụ một số tổ chức thuộc khuynh hướng thứ hai.

Cả hai khuynh hướng đều cần thiết để phản ánh nhạy cảm chính trị của cộng đồng người Việt hải ngoại hiện nay. Điều quan trọng là dù khác nhau trong nhạy cảm chính trị, họ đã đồng ý trên một mẫu số chung tối thiểu: cùng hướng về một tương lai dân chủ cho đất nước và không chống phá lẫn nhau.

Điều đáng lưu ý là trước chiến dịch ve vãn của nhà cầm quyền cộng sản, lập trường của các tổ chức, dù thuộc khuynh hướng nào, đều rất gần nhau. Tất cả đều khẳng định rằng phóng thích các tù nhân chính trị và tôn trọng các quyền tự do căn bản là điều kiện tiên quyết cho một hợp tác bình thường giữa cộng đồng người Việt hải ngoại và chính quyền trong nước. Tất cả đều đồng loạt lên án chính sách gia tăng đàn áp ở trong nước. Tất cả đều tích cực bênh vực các tù nhân chính trị. Tất cả đều khẳng định rằng không phải vì muốn đóng góp xây dựng đất nước mà phải chấp nhận luật chơi do chính quyền cộng sản áp đặt.

Chính quyền cộng sản sẽ nhận ra rằng lần này họ gặp một cộng đồng người Việt hải ngoại bình tĩnh và trưởng thành hơn nhiều, với một lập trường chung. Họ sẽ phải chấp nhận để người Việt ở nước ngoài hiện diện một cách xứng đáng trong sinh hoạt đất nước, nghĩa là hiện diện mà không cần giấu giếm lập trường dân chủ.

Đó sẽ có thể là khởi điểm của một giai đoạn mới.

Thông Luận

TNP và Đông Nam Á

Tổng thống Pháp, François Mitterrand, là người rất ưa thích các biểu tượng. Một tháng trước khi trao quyền cho một tổng thống mới - Jacques Chirac hay Lionel Jospin? - ông là nguyên thủ quốc gia đầu tiên đã quyết định đem hài cốt một người đàn bà - vì chính sự nghiệp của mình - vào điện Panthéon, nơi dành riêng cho các "vĩ nhân, tổ quốc ghi ơn". Đó là bà Marie Curie, mà hài cốt, trong một buổi chiều mưa gió tháng Tư 1995, đã già từ nghĩa trang Sceaux vào điện Panthéon với tất cả nghi lễ trang nghiêm mà không thiếu phần long trọng. Sự nghiệp của Marie Curie là đã cùng chồng, Pierre Curie, khám phá ra sự hiện hữu của polonium và radium, hai chất phóng xạ mới và sau đó, vào năm 1911, đã cô lập được 16g chlorure de radium. Bà Marie Curie đã hai lần đoạt giải Nobel.

Kỷ nguyên hạch tâm bắt đầu. Ngày 16-7-1945, cuộc thử nghiệm hạch tâm Hoa Kỳ thành công, tiếp theo là vụ thả bom Hiroshima ngày 6-8-1945, sau đó ba ngày, đến phiên Nagasaki.

Sau thế chiến thứ hai, chiến tranh lạnh bắt đầu với cuộc chạy đua hạch tâm.

Trước hiểm họa lan tràn vũ khí hạch tâm, Điều Ước Không Lan Tràn (vũ khí hạch tâm) - *Traité de Non-Prolifération (TNP)* - được thỏa thuận vào ngày 1-7-1968 giữa Anh, Mỹ và Liên Xô. Ba cường quốc này cùng 60 quốc gia khác ký kết Điều Ước trên và cam kết tôn trọng trong thời hạn 25 năm kể từ ngày 5-3-1970, ngày Điều Ước có hiệu lực.

Ba điểm chính của Điều Ước này là:

- Cấm các quốc gia có vũ khí hạch tâm đã ký kết Điều Ước không được chuyển nhượng cho các quốc gia khác (kể cả các quốc gia đã có vũ khí hạch tâm) các cơ phận nổ hạch tâm - ngay cả khi nó không phải là một vũ khí - hoặc sự kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp các cơ phận này, không được khuyến khích hay giúp đỡ các quốc gia không hạch tâm tậu các cơ phận hay kiểm soát trên. Các quốc gia không hạch tâm đã ký kết không được tiếp thu những cơ phận hay kiểm soát trên, không được chế tạo, cũng không được tìm kiếm hay nhận các trợ giúp để chế tạo chúng.

- Đề ra một hệ thống bảo vệ có tính đồng thuận bởi một tổ chức thanh tra quốc tế.

- Đề nghị những biện pháp bảo vệ cho những nước không hạch tâm đã ký kết Điều Ước: Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc cam kết can thiệp tức khắc khi an ninh của các quốc gia này bị đe dọa bởi một quốc gia hạch tâm không ký kết Điều Ước.

Khi Điều Ước ra đời, đã có nhiều kẻ hở. Trước hết, nó đã không được tất cả các quốc gia có vũ khí hạch tâm, vì lý do này hay lý do khác, tham gia. Pháp đã không ký kết, tuy rằng có vai trò quan trọng trong cuộc buôn bán uranium. Trung Quốc, lúc ấy chưa phải là hội viên của Liên Hiệp Quốc, đã bị gạt ra ngoài. Mặt khác, các quốc gia có thể chế tạo vũ khí hạch tâm nhưng chưa chế tạo được vào thời điểm này, rơi vào một tình trạng khó xử nếu họ hạ bút ký Điều Ước, nhất là khi các nước này không có một mảy may bảo đảm nào đối với một cường quốc hạch tâm láng giềng. Đó là trường hợp của Ấn Độ và Nhật Bản đối với Trung Quốc. Do đó, hai nước này đã ký kết Điều Ước nhưng với điều kiện là họ vẫn được chế tạo vũ khí hạch tâm. Một điều khá chua chát cho các nước không có vũ khí hạch tâm là một tháng sau khi điều ước được Liên Xô thỏa thuận thì năm quốc gia của khối hạch tâm Varsovie, vào tháng 8-1968, đã tràn qua chiếm Tiệp Khắc.

Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã không có một phản ứng nào cả.

Hai mươi lăm năm sau, ngày 6-4-1995, tại hội nghị về giải giới hạt ở Genève, bốn đại cường quốc Mỹ, Nga, Anh và Pháp, đã đưa ra một số đề nghị mới về Điều Ước Không Lan Tràn (vũ khí hạch tâm). Những đề nghị này sẽ được trình cho Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc vào tuần sau đó. 175 nước hội viên của LHQ sẽ họp suốt bốn tuần lễ, từ ngày 17-4-1995, để quyết định xem những đề nghị mới này sẽ được áp dụng vô hạn định hoặc trong một hay nhiều thời hạn cố định.

Hai đề nghị quan trọng đưa ra, được các chuyên gia gọi là đề nghị "tích cực" và "tiêu cực", bảo đảm an ninh cho các nước không có vũ khí nguyên tử.

Trong đề nghị "tích cực", các cường quốc nguyên tử cam kết đem ra trước Hội Đồng Bảo An để yêu cầu trợ giúp các quốc gia không nguyên tử, đã ký kết Điều Ước và tôn trọng nó, khi các nước này là nạn nhân những gây hấn ngoại bang.

Trong đề nghị "tiêu cực", các cường quốc nguyên tử cam kết không được dùng vũ khí nguyên tử để hăm dọa các quốc gia không nguyên tử đã ký kết Điều Ước và tôn trọng nó, trừ trường hợp các cường quốc này hoặc các đồng minh của họ bị chính các quốc gia này cùng đồng minh nguyên tử của họ gây hấn.

Hai đề nghị mới này, xét cho cùng, không khác gì ba điều khoản ký kết vào năm 1970. Điểm khác biệt quan trọng trên thực tế là vào năm 1970, Trung Quốc không phải là hội viên của LHQ nên đã bị gạt khỏi TNP, ngày nay, ngược lại Trung Quốc, một cường quốc hạch tâm và là thành viên của Hội đồng Bảo an, lại không muốn triển hạn Điều Ước Không Lan Tràn (vũ khí hạch tâm).

Thái độ này không những đã làm cho các quốc gia lân cận có thể chế tạo vũ khí hạch tâm như Nhật Bản và Ấn Độ vô cùng lo ngại, mà các quốc gia khác như Việt Nam, Đài Loan, Thái Lan, Phi Luật Tân, Đại Hàn... lo sốt vó. Trung Quốc đã tăng gấp đôi ngân quỹ quốc phòng trong khoảng thời gian từ 1988 đến 1993, và vào năm 1994 đã tăng ngân quỹ này lên đến 25%. Trước đây, vào năm 1992, Trung Quốc đã không giấu giếm tham vọng bành trướng của mình tại Đông Nam Á khi Quốc hội Nhân dân đã thông qua nghị quyết đòi chủ quyền của Trung Quốc trên 85% diện tích biển Nam Hải, bao gồm hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, cùng một phần thêm lục địa Việt Nam.

Để chống trả tham vọng này, Việt Nam đã xin gia nhập ASEAN, cũng như đề ra một số chương trình xây dựng vi đại để thu hút sự tham gia, ít nhất trên mặt đầu tư vốn, của Nhật Bản và Hoa Kỳ. Chẳng hạn chương trình xây dựng tại Chu Lai, cách Đà Nẵng 100 km về phía Nam, một khu kỹ nghệ gồm các nhà máy lọc dầu, hóa học dầu hỏa, luyện thép, thủy tinh trị giá hàng tỷ Mỹ kim. Các quốc gia khác của ASEAN cũng chỉ đưa ra một số biện pháp cục bộ để mong mỏi đối phó với tham vọng bành trướng của Trung Quốc. Hải quân Thái Lan mua một tàu ngầm mới, trọng tải 1.760 tấn; Singapore cho hạ thủy 12 tuần dương hạm, trọng tải 500 tấn mỗi chiếc; Mã Lai mua 18 máy bay phản lực Mig 29 của Nga.

Các chương trình này không có tầm vóc liên minh quân sự vùng hoặc liên vùng cần thiết để có một trọng lượng nào đó đối với Trung Quốc. Gần đây, liên minh quân sự giữa năm nước Mã Lai, Singapore, Tân Tây Lan, Úc và Anh Quốc sẽ phát động một cuộc hành quân thao dượt không-thủy chung. Sáng kiến này cần được các nước trong vùng nghiên cứu để có thể đi đến một liên minh rộng lớn hơn, từ Úc đến Nhật Bản. Được như thế mới hy vọng phát động một đối trọng đáng kể với Trung Quốc, từ ngày Hoa Kỳ rút lui khỏi Thái Bình Dương và Liên Bang Xô Viết sụp đổ.

Huỳnh Hùng

Một cách nhìn cuộc chiến

Đến nay nước ta đã thống nhất được hai mươi năm. Dù đó chỉ mới là sự thống nhất về hành chính, nhưng cũng là một yếu tố tích cực cần được đánh giá đúng tầm quan trọng. Nếu đọc thật kỹ lịch sử thì trong bốn thế kỷ qua kể từ ngày miền Nam được mở ra, chúng ta chẳng có được bao nhiêu năm thống nhất.

Nhưng chúng ta đã phải trả cho sự thống nhất này một cái giá quá đắt. Quá đắt và vô lý, vì chúng đã có thể tránh khỏi cuộc chiến 30 năm, làm bốn triệu người chết, đất nước tan hoang và còn để lại nhiều thương tật có thể kéo dài cả thế kỷ. Hậu quả của nó là chúng ta đã trở thành một nước lạc hậu và vẫn còn phải chịu đựng một chế độ độc tài khắc nghiệt.

Đã có vô số nghiên cứu, phân tích và nhận định về cuộc chiến tranh này. Nhưng cho tới nay, hình như chưa ai nhận định về một đặc tính quan trọng: cuộc chiến ô nhục này đã có, đã tàn phá như thế và đã kéo dài như thế bởi vì chúng ta thiếu lòng yêu nước.

Lòng yêu nước của người Việt có thể chỉ là một ngộ nhận.

Nếu để tâm quan sát người cộng sản và có dịp tâm tình với nhiều người cộng sản ở nhiều trình độ, ta có thể quả quyết rằng đại bộ phận người cộng sản đã theo đảng cộng sản vì chủ nghĩa chứ không phải vì lòng yêu nước. Lòng yêu nước chỉ đóng một vai trò thứ yếu trong chọn lựa của họ. Có thể họ nghĩ rằng họ yêu nước, nhưng động cơ đã khiến họ phấn đấu và hy sinh là chủ nghĩa.

Ai đã có dịp vào thăm Viện Bảo Tàng Cách Mạng đều có thể nhìn thấy lá cờ lịch sử của Phong Trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, cái nói tình cảm của đảng cộng sản Việt Nam. Là cờ màu đỏ này chỉ có tám chữ: "Vạn Tuế Xô Nga, Xô Nga Vạn Tuế". Chỉ có thể. Ngay cái tên Xô Viết Nghệ Tĩnh cũng rất ý nghĩa. Khẩu hiệu của Phong Trào này là "Trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ". Không có gì là quốc gia dân tộc. Phong Trào này đã bị đàn áp trong một cuộc tắm máu sau khi đã là tác giả của một cuộc tắm máu mà các nạn nhân đều là người Việt. Từ đó và sau này, người cộng sản đã hy sinh một cách rất đùng cảm. Nhưng cái gì đã làm nức lòng họ, đã khiến họ chấp nhận những hy sinh rất phi thường, không phải là lòng yêu nước mà là giấc mơ cộng sản, giấc mơ được giải phóng khỏi sự áp bức và chà đạp. Trong quá trình tranh đấu đạt đến thắng lợi của họ, người cộng sản đã dẫm đạp lên hàng ngàn hàng vạn tử thi của những người mà họ biết rất là yêu nước. Trong chiến dịch cải cách ruộng đất, họ không ngần ngại tàn sát cả hàng trăm ngàn người, không phải vì **chống** lại họ mà vì thuộc giai cấp xấu, kể cả những người đã **có công** với đảng. Một đảng yêu nước không hành động như thế. Họ cũng đã không do dự phát động cuộc chiến chinh phục miền Nam, thách thức cả cường quốc số một trên thế giới, chấp nhận cho đất nước tan hoang ("sông có thể cạn, núi có thể mòn" theo lời ông Hồ Chí Minh) để chủ nghĩa cộng sản được toàn thắng. Họ không hề ngần ngại trước những đổ vỡ mà đất nước có thể phải gánh chịu. Chiếm được

miền Nam, họ cư xử như một đội quân chiếm đóng, hạ nhục tập thể và bỏ tù cả nước. Không có gì là tình dân tộc, nghĩa đồng bào. Ghê gớm hơn nữa, họ tự nghĩ là đã rất nhân đạo, bởi vì những người thua trận đều đáng tội chết vì đã dám chống lại chủ nghĩa cộng sản. Người ta không thể yêu nước Việt Nam mà không hề xót thương người Việt Nam và đất nước Việt Nam như thế.

Trong phe quốc gia, lòng yêu nước cũng không có chỗ đứng. Các chính phủ quốc gia đều không phải do những người yêu nước lãnh đạo mà do những người đã hợp tác một cách rất thành thật với chính quyền thuộc địa Pháp. Họ không hề yêu nước và không đặt vấn đề yêu nước. Trường hợp Ngô Đình Diệm rất điển hình. Ông có một quá khứ dài hợp tác với người Pháp, và cả với người Nhật. Dầu vậy ông không hề có mặc cảm về quá khứ ấy khi lãnh đạo đất nước. Trái lại ông hách dịch và khinh miệt đối với những người đã tranh đấu giành độc lập. Với các tướng lãnh sau này, vấn đề yêu nước không đặt ra. Họ chỉ là những người lính chuyên nghiệp dưới tất cả mọi chế độ. Bài diễn văn từ chức của ông Thiệu cuối tháng 4 năm 1975 là một dẫn chứng. Ông Thiệu nói rằng trước đây người Mỹ chi cho cuộc chiến Việt Nam hơn hai mươi tỷ đô-la mỗi năm, nay họ chỉ cấp cho ông một tỷ mỗi năm, như vậy ông chỉ đủ để "đánh" được mười lăm ngày. Rõ ràng là ngôn ngữ của một tên lính đánh thuê.

Một dân tộc có một lịch sử dài như dân tộc Việt Nam, tất nhiên phải có một tình cảm quốc gia nào đó. Nhưng tình cảm đó không mạnh vì không được bảo trọng và nuôi dưỡng. Hậu quả là lòng yêu nước của chúng ta tuy có, nhưng rất mờ nhạt. Nó luôn luôn ở dưới một cái gì khác, chủ nghĩa, chính kiến, tôn giáo hay địa vị cá nhân.

Người Việt Nam không yêu nước như ta tưởng. Có lẽ vì vậy mà các đảng phái quốc gia thuần túy dựa trên lòng yêu nước như Việt Nam Quốc Dân Đảng và một số hệ phái Đại Việt đã không được hưởng ứng. Ban lãnh đạo đảng cộng sản ngày nay bị chán ghét vì họ hủ lậu, tham nhũng chứ không phải vì họ không yêu nước. Những người lãnh đạo các chính quyền quốc gia đã thất bại vì họ lười dờ chứ không phải vì họ không yêu nước. Những người yêu nước có trong cả hai phe, nhưng họ đã không có chỗ đứng nào đáng kể. Yêu nước chưa bao giờ là là một yếu tố quyết định.

Tôi không bài xích người Việt, trái lại tôi nghĩ rằng người Việt không yêu nước là đúng bởi họ thiếu lý do để yêu nước.

Người ta có thể yêu nước vì một niềm hãnh diện. Người Mỹ yêu nước vì hãnh diện là công dân của cường quốc số một trên thế giới. Người Nhật hãnh diện vì những thành công vượt bực của nước họ. Người Pháp, người Anh, người Đức hãnh diện về những thành tựu văn hóa, khoa học. Người Thụy Sĩ, người Hòa Lan hãnh diện vì họ là những dân tộc rất nhỏ mà vẫn cạnh tranh thắng lợi được với các dân tộc đông người và giàu tài nguyên. Người Việt Nam có lý do nào để hãnh diện?

Người ta cũng có thể yêu nước vì quyền lợi. Đối với các dân tộc tiến bộ, tổ quốc là bảo đảm an ninh và nhân phẩm, là công ăn việc làm, là công lý, là an sinh xã hội, là trường học cho con cái. Đối với người Việt Nam, tổ quốc là chiến tranh, là nghèo đói, là công an, là mối đe dọa có thể bị bắt bớ bắt cứ lúc nào.

Người ta cũng có thể yêu nước mặc dầu không có niềm hân diện nào và quyền lợi nào mà chỉ vì đất nước là của mình. Như người ta có thể yêu cha mẹ nghèo khó, yêu đứa con tật nguyền vì đó là cha mẹ mình, là con cái mình. Nhưng tổ quốc Việt Nam cũng không phải là của người Việt Nam, mà luôn luôn bị chiếm đoạt làm của riêng một nhóm người.

Người Việt Nam hay nhắc lại một cách máy móc câu nói của J.F. Kennedy: "đừng hỏi đất nước đã làm gì cho bạn, hãy tự hỏi bạn đã làm gì cho đất nước". Họ quên rằng Kennedy là công dân của cường quốc số một trên thế giới, và là một trong những con người đã được đất nước phồn vinh ấy tặng cho tất cả.

Chúng ta khó yêu nước vì thiếu truyền thống yêu nước, nếu hiểu yêu nước - theo định nghĩa duy nhất chấp nhận được - là tình cảm tự nguyện của một con người có chọn lựa, do sự gắn bó mật thiết và hài hòa với đất nước. Trước đây, dưới các chế độ quân chủ, nước là của vua. Sau đó chúng ta mất nước và không có quyền yêu nước. Kế đến là một cuộc chiến khốc liệt, trong đó tổ quốc được lấy làm lý do để tàn sát lẫn nhau. Cuối cùng là một chế độ độc tài trong đó một đảng bắt chấp người dân chiếm đoạt đất nước làm của riêng mình.

Chúng ta cũng khó yêu nước vì thiếu văn hóa. Yêu nước là một hiện tượng văn hóa. Xét cho cùng thì mọi quốc gia đều được xây dựng trên những cuốn sách. Chúng ta thiếu sách. Chúng ta thiếu những triết gia và những nhà tư tưởng, và vì thế thiếu đồng thuận dân tộc, và khó có thể yêu nước.

Lòng yêu nước cũng cần được phát triển bằng một cố gắng bền bỉ, trong một bối cảnh lành mạnh và trang trọng. Lòng yêu nước của chúng ta không những không được nuôi dưỡng mà còn bị lỗ bịch hóa. Người cộng sản không coi lòng yêu nước là gì cả, họ đã chỉ lặp lại quan niệm của thời quân chủ chuyên chính trong đó ái quốc đồng nghĩa với trung quân khi họ quả quyết "yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội". Chúng ta cũng đã từng được nghe chán tai các danh xưng "Trí thức yêu nước", "Công giáo yêu nước", "Phật giáo yêu nước". Bao giờ cũng thế, hai chữ "yêu nước" luôn luôn có tác dụng làm nhảm nhí hóa ý niệm mà nó đi kèm.

Vì những lý do lịch sử và văn hóa đó, lòng yêu nước nơi người Việt Nam không thể mạnh. Chúng ta thường nghĩ mình yêu nước. Nhưng đó có thể chỉ là một ngộ nhận máy móc do ảnh hưởng của một nền giáo dục trong đó lòng yêu nước đã được áp đặt như một giá trị phải chấp nhận chứ không được bàn cãi. Nhưng thực ra chúng ta không yêu nước, hay ít nhất không yêu nước như mình tưởng. Muốn yêu nước Việt Nam phải làm một cố gắng rất lớn.

Nhưng dầu sao thì chúng ta cũng vẫn là người Việt Nam, và trừ trường hợp của những người có thể chọn lựa và đã chọn lựa một tổ quốc khác, chúng ta vẫn phải gắn bó với đất nước Việt Nam. Tương lai của chúng ta gắn liền với tương lai của Việt Nam. Chúng ta đã rất khổ vì đất nước nhưng chúng ta vẫn chưa đau khổ bằng những dân tộc đã mất nước. Hãy nhìn

người Kurd, người Palestine, người Somalia... Không ai biết rồi đây nhân loại sẽ chuyển hóa như thế nào, nhưng trong ít nhất vài thế kỷ nữa đất nước vẫn cần cho một đời người. Như khu rừng cần cho con cọp để vùng vẫy, như cái hôn cần cho đứa trẻ để lớn lên.

Chúng ta không có chọn lựa nào khác hơn là xây dựng một tương lai Việt Nam chung. Và để xây dựng tương lai chung đó, lòng yêu nước vẫn là mẫu số chung bắt buộc. Chính vì thiếu lòng yêu nước mà chúng ta đã chịu nhiều tai họa. Chính vì thiếu lòng yêu nước chúng ta đã không thỏa thuận được với nhau và đã không tránh được cuộc chiến khốc liệt vừa rồi. Không có lòng yêu nước chúng ta sẽ còn phải chịu nhiều khổ đau khác nữa.

Điều kiện tiên quyết của cuộc đấu tranh cứu nước - khỏi họa độc tài và nguy cơ thua kém vĩnh viễn - là phải phục hồi và phát huy lòng yêu nước. Nhưng lòng yêu nước là một ý niệm cần phát minh lại.

Trước hết nhìn nhận rằng chúng ta chưa yêu nước đúng mức cũng đã là bắt đầu yêu nước.

Sau đó cần phải ý thức rằng trong thời đại này, yêu nước không còn là một bổn phận. Người dân không bị bắt buộc phải yêu nước, trái lại chính tổ quốc phải tranh thủ tình cảm của người dân. Phải thay thế cái tổ quốc hạch sách và khắc nghiệt bằng một tổ quốc bao dung và hiền hòa.

Cũng cần phải định nghĩa lại quốc gia. Lãnh thổ, lịch sử và những con người không còn là những yếu tố đầy đủ để định nghĩa một quốc gia nữa. Vào thời đại này, quốc gia trước hết là sự chấp nhận chia sẻ một tương lai chung. Không có đồng thuận ấy thì người dân không thể yêu nước và quốc gia sẽ tan rã chắc chắn. Và đồng thuận chỉ có thể có trong một đất nước có chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho tất cả mọi người. Đó là điều kiện sống còn của đất nước Việt Nam, vì chỉ có nước Việt Nam đó mới đáng yêu và đáng xây dựng, chỉ có nước Việt Nam đó mới tồn tại lâu dài được. Cuộc tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền vẫn còn dài và cam go, nhưng ngay từ bây giờ điều mà đối lập dân chủ có thể làm được là - bằng lập trường, bằng thái độ và bằng hành động - vẽ ra chân dung của một tổ quốc Việt Nam mới.

Tổ quốc đó sẽ là tổ quốc của mọi người, một tổ quốc có trái tim chứ không phải chỉ có nanh vuốt. Một tổ quốc quyến rũ thay vì một tổ quốc bắt chẹt. Một tổ quốc đáng yêu thay vì một tổ quốc đáng sợ. Tổ quốc ấy biết rằng người dân đã rất chán mình, và biết đó là lỗi của mình. Tổ quốc ấy biết ăn năn.

Tôi biết chuyện một gia đình bi đát. Người cha vô tích sự và hung bạo. Gia đình là một địa ngục. Một ngày kia đứa con đã lớn và quyết định bỏ đi. Người cha sảm hối, im lặng nhìn con xếp hành lý. Đến khi nó đã ra tới ngưỡng cửa, ông bảo nó: "Con bỏ ra đi là đúng, tất cả là lỗi của bố. Bố xin lỗi con và chỉ còn biết chúc con may mắn". Một thời gian sau, đứa con trở về.

Tổ quốc Việt Nam cũng thế. Tổ quốc Việt Nam cũng phải biết ăn năn. Tổ quốc ăn năn thì tổ quốc lại đáng yêu. Tổ quốc đáng yêu thì tổ quốc lại sẽ mạnh. Và mọi người sẽ được tạ nguyện. Cọp lại có rừng để vùng vẫy, con trẻ lại có mẹ để hôn.

Nguyễn Gia Kiểng

Hiện tình đất nước

Chính quyền độc đoán giữa thời điểm hiểm nghèo: tiến lui đều khó

Bùi Tín

Ly rượu đắng 10 năm đen tối và 10 năm đổi mới ngập ngừng Những điều chưa từng có Hai cuộc khám phá lịch sử Dòng chảy của cuộc sống

30/4/1995 - 30/4/1995: vừa tròn 20 năm. Ở trong nước chính quyền độc đoán bày vẽ lăm chuyện: treo cờ, khai trống; mở hội chợ, triển lãm và hội nghị; ca hát và nhảy múa; khen thưởng và ăn uống liên hoan... nhằm khoe thành tích của đảng cộng sản, trấn an nhân dân. Họ bày ra lăm trò, chỉ thiếu một điều nghiêm chỉnh là *bàn luận công khai, ngay thật về thành tích và sai lầm cùng khuyết điểm* trong 20 năm qua để rút kinh nghiệm cho hiện tại và tương lai.

Ly rượu đắng

Hồi 1986-1988, những người lãnh đạo của đảng cộng sản có nói khá nhiều đến: nhìn thẳng vào sự thật, nói thật, nói thẳng, nói hết, do học theo glasnost (trong sáng, transparence) của đảng cộng sản Liên Xô. Liên sau đó, họ biết là "hớ", co vòi lại, vì đã quá quen với che dấu, thổi phồng và bóp méo tùy theo nhu cầu chính trị. Họ chưa tiến lên đã quay lui và chủ trương đi hai chân, chân kinh tế đi trước, bước dài, nhưng chân chính trị thì "sè" bước sau, từ từ, chậm chậm, rất cẩn thận dò từng bước, thậm chí cần thì lùi lại. Hiện nay, những cái đầu bảo thủ trong Bộ Chính Trị vẫn tin rằng Liên Xô sụp đổ chỉ vì làm glasnost (đổi mới về chính trị); nếu Liên Xô dừng lại ở Perestroika (đổi mới về kinh tế) thì đã không đến nỗi nào!

Họ tránh né thảo luận công khai về các vấn đề chính trị vì họ rất sợ dư luận trong nước và quốc tế chỉ trích lên án họ về một loạt chủ trương chính trị sau ngày 30 tháng 4 1975. Ít nhất có *bốn chủ trương lớn* đã mang tai họa cho xã hội và đất nước, mà họ không muốn ai nhắc lại. Đó là chủ trương đưa khoảng hai trăm ngàn viên chức và sĩ quan cũ đi "học tập"; chủ học tập hiện hành che dấu sự hành hạ về tinh thần và thể chất người học trong *các trại giam* tàn ác; đó là sự ra đi của hơn một triệu thuyền nhân "bị tuyên truyền của đế quốc lôi kéo, bỏ Tổ quốc chạy theo kẻ thù cũ"; thực tế là do chế độ độc đoán, chà đạp nhân phẩm, chặn đường sinh sống gây nên, chưa nói đến chủ trương tàn nhẫn thu vàng, bán bài, với những tàu thuyền, ọp ẹp quá tải; đó là chủ trương "*cải tạo xã hội chủ nghĩa*", diệt tư thương, đánh tư sản, làm cho sản xuất đình đốn, người lao động điêu đứng; đó là việc *đưa quân vào Căm-bốt* (đánh đổ Kơ-me đô là điều cần thiết) nhưng lại để lại quân đội 10 năm cùng gần mười ngàn chuyên gia, cố vấn, vi phạm chủ quyền nước láng giềng, tự có lập mình trước thế giới...

Bốn chủ trương ngạo mạn, phiêu lưu trên đây đã tạo nên điều mỉa mai là thắng trong chiến tranh mà lại *thua* trong hòa bình, lãng phí cơ man nào là thời gian, ý chí, nhân lực, tài sản của xã hội. Những người lãnh đạo đảng cộng sản vẫn còn mắc nợ toàn xã hội về kết luận chính thức, song phẳng về bốn sự kiện trên đây. Họ có thể cảm thấy ở một mức độ nào đó rằng đó là những sai lầm, nhưng không dám nhìn thẳng vào sự thật để nói cho rõ ràng. Họ cố tình im đi. Họ biết ly rượu kỷ niệm 20 năm

có pha nhiều chất đắng. Họ cố tình lảng tránh sự thật, không cho báo chí phân tích đầy đủ các sự kiện trong 20 năm qua, không tổ chức một cuộc họp nghiêm chỉnh nào để phân tích một cách khoa học tình hình đất nước trong 20 năm đầy biến động và sự cố ấy.

Sau 10 năm đen tối là 10 năm chưa đổi sắc

Chính bốn sự kiện kinh khủng nói trên do bệnh kiêu ngạo sau chiến thắng tạo nên đã in đậm dấu ấn trong 10 năm: 1975-1985. Lê ra đất nước có hòa hợp dân tộc, đồn sức cho phát triển thì sản xuất tiêu điều, lòng người phân tâm, dân cư ly tán, năm mươi ngàn sinh mạng trẻ và hàng trăm ngàn thanh niên bị thương trên chiến trường ngoài nước. 10 năm chông chất đau thương và khổ ải cho dân Việt Nam vẫn chưa có hòa bình. Do đâu và do ai? Vẫn là câu hỏi lớn cần giải đáp minh bạch và rõ ràng.

Còn 10 năm sau đó? Từ 1986 (Đại hội 6) đến 1995 hiện tại, có đổi mới khá rõ về kinh tế, thành tích là đáng kể: lạm phát giảm hẳn; sản xuất dầu thô, lúa gạo, hàng dệt, hải sản tăng lớn; đầu tư từ nước ngoài đạt khá cao. Cảnh làm ăn ở trong nước là sôi động. Đời sống của các tầng lớp nhân dân có vẻ thõ hơn trước. Thế nhưng những thành tích đáng kể ấy *chưa vững chắc*. Bức tranh toàn cảnh của xã hội lại *có mặt đen tối hơn trước*: người thất nghiệp nhiều hơn trước (do giảm quân đội, bộ máy hành chính và kinh tế quốc doanh); nạn buôn lậu và tham nhũng vẫn phát triển; bất công xã hội tăng thêm, nhất là giữa những kẻ làm giàu bất chính với người lao động lương thiện; tệ nạn xã hội (mại dâm, trộm cướp, cờ bạc, nghiện ma túy, bệnh SIDA) đều tăng; hệ thống giáo dục, y tế xuống cấp... Do vậy nên lòng dân không yên, vẫn còn đầy lo âu, vướng mắc, bất ổn, thậm chí bất mãn và giận dữ đối với tình hình, chế độ.

Các chuyên gia quốc tế có kinh nghiệm và các chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài có dịp về nước nghiên cứu tình hình đều cho rằng kết quả tích cực đã thu được chỉ có thể duy trì, củng cố và phát triển nếu các việc cấp bách quan trọng sau đây được thực hiện nghiêm túc và không trì hoãn: *cải cách hành chính* nhằm xác định "đanh"; "vị" của từng viên chức, đơn giản hóa bộ máy, chọn viên chức trong sạch có thực tài, được đào tạo về chuyên môn, cấp trên hướng dẫn chỉ bảo được cấp dưới; *xây dựng nhà nước pháp quyền*, có đủ luật và luật pháp được tôn trọng; hệ thống ngân hàng hợp lý, với thị trường chứng khoán thích hợp; *đơn giản hóa thủ tục* hiện quá rườm rà làm phiền nhiều nhân dân và người đầu tư; *giảm giá nhà đất* bị nạn đầu cơ lũng đoạn làm cho giá nhà đất ở Hà Nội và Sài Gòn cao hơn ở Hồng Kông và New York.

Những vấn đề xã hội nhức nhối, nặng nề, cùng với những "lỗ hổng" lớn trên đây làm cho việc đổi mới trong 10 năm gần đây tuy có thu được một số thành tích rõ rệt nhưng đất nước vẫn

chưa khởi sắc, lòng người vẫn ngổn ngang trăm mối tơ vò, niềm tin vẫn thiếu vắng, ý thức cộng đồng bị tan vỡ. Ai nấy lo riêng cho bản thân mình, tự xoay xở để tự cứu, vừa tự cứu vừa chửi đổng, chửi bộn tham nhũng, bắt tài, chửi bộn cậy quyền thế cấu kết với tư bản để phát lên nhanh như tên lửa, dựng sân gôn giữa thành phố Đà Lạt để hầu hạ chúng chơi bời, bán các em gái còn nhỏ tuổi cho chúng hành lạc, xây ầu biệt thự trên đê Yên Phụ bất chấp an ninh của hàng triệu đồng bào...

Giữa thời điểm máu chốt

Vào đúng "kỷ niệm 20 năm ngày 30-4-1975", chính quyền độc đoán ở trong nước đứng trước một *thời điểm máu chốt*. Cuộc đổi mới về kinh tế đã tạo được đà ban đầu, đến độ cần một *sức thúc đẩy tiếp theo*, nếu không nó sẽ mất trớn. Cuộc sống kinh tế và xã hội tự nó đòi hỏi *những đổi mới tiếp nối*. Những yêu cầu đổi mới cấp bách vừa mang tính chất kinh tế-xã hội, vừa mang tính chất chính trị. Đó là: *cải cách hệ thống hành chính* cai trị đất nước, xây dựng, ban hành và áp dụng *Luật dân sự*, xác định rõ *vị trí của đảng cộng sản* đối với nhà nước, đối với bộ máy cai trị trong một loạt trường hợp cụ thể (đảng nằm trên pháp luật, trên nhà nước theo quan điểm đảng lãnh đạo tuyệt đối, thường xuyên, theo học thuyết vô sản chuyên chính hay đảng và các tổ chức của đảng cũng chịu sự chi phối của pháp luật như mọi tổ chức chính trị-xã hội? Nguyên tắc tất cả chính quyền đều nằm trong tay các cơ quan dân cử hay nguyên tắc đảng lãnh đạo chính quyền? Chính quyền của dân, do dân, vì dân thật sự hay chính quyền của đảng? *dân chủ* hay "*đảng chủ*"? Khi một đảng viên cấp cao, một cấp ủy đảng - kể cả Ban chấp hành trung ương và Bộ Chính Trị - vi phạm pháp luật thì cơ quan tư pháp, kiểm sát, tòa án... có quyền và có nhiệm vụ xử lý họ hay không? Cơ quan xử kiện sẽ buộc phải theo luật mà xét xử hay theo chỉ thị của đảng để xét xử? Quốc hội (được xác định là cơ quan có quyền lực cao nhất) có quyền được biết, được hỏi (nghĩa là chất vấn) về những hoạt động kinh tế - tài chính, buôn bán, vũ khí, ma túy, nhà đất... của cơ quan của đảng và của quân đội hay không? (Hiện nay đó là vấn đề cấm kỵ). Nếu không như vậy thì Quốc hội đâu phải là cơ quan có quyền lực *cao nhất*?

Cuộc sống xã hội đang đặt đảng cộng sản trước *một cửa ải sinh tử, một thử thách hiểm nghèo*. Nghị quyết Đại hội 7 năm 1991 ghi rõ: đảng cộng sản phát huy tác dụng bằng hai biện pháp *thuyết phục* và *nêu gương*; đổi mới trước hết về kinh tế và tiếp theo là đổi mới từng bước hệ thống chính trị. Sau một loạt đổi mới về kinh tế khởi đầu từ 1986 (đã qua 10 năm), được thúc đẩy thêm sau Đại hội 7, đến nay đổi mới về chính trị nghiêm nhiên nằm trong chương trình nghị sự của nhà nước, Quốc hội, chính phủ, được đặt trước công luận, không thể trì hoãn được nữa. Kinh tế và chính trị là hai mặt gắn bó chặt chẽ như hai chân của một cơ thể. Chân phải đã bước nhiều bước, chân trái ắt phải bước tới, không thể đứng yên, càng không thể lùi được!

Đảng cộng sản đứng trước thử thách mới đang phân hóa dần một cách rõ rệt. Đã có ngày càng nhiều đảng viên cho rằng đảng cần dẫn bước, chủ động, thực hiện cải cách chính trị, thành tâm xây dựng pháp luật và tuân thủ pháp luật (như điều lệ đảng đã ghi rõ), từ đó giữ được lương tâm trong sáng, làm tròn trách nhiệm với xã hội, trong sạch hóa hàng ngũ, cùng đông đảo nhân dân tập trung sức phát triển đất nước.

Thế nhưng *thế lực lãnh đạo* trong đảng lại tỏ ra ngậm ngùi, e ngại và rất *thủ cựu*. Họ hoa mắt, run chân, sợ mất quyền lãnh

đạo, mất luôn đặc quyền, đặc lợi. Họ dỏ mưu thâm độc, lu loa nguy cơ "diễn biến hòa bình" của đế quốc và phản động (!), lên án những đảng viên sáng dạ, thành tâm nói trên là ăn phải bả của kẻ thù giai cấp. Họ chỉ là số ít nhưng lại ở những đỉnh cao quyền lực. Họ tự đối lập với đa số đảng viên, đặc biệt là đông đảo đảng viên lão thành, đảng viên hưu trí, đảng viên trí thức và đảng viên trẻ.

Một bên cho rằng đổi mới về chính trị đang thực hiện là "*cửa sinh*" của đảng cộng sản, thể hiện trách nhiệm áp dụng Nghị quyết 7, lấy nhân dân làm gốc (chứ không phải làm gốc! theo cách nói châm biếm một thời), khôi phục uy tín cho đảng, chuộc lại phần nào lỗi lầm nặng nề và kéo dài của đảng trong quá khứ.

Thế lực bảo thủ, giáo điều cho rằng đây có thể là "*cửa tử*" của đảng; phải bóp nghẹt, đàn áp quan niệm nguy hiểm ấy, nếu cần huy động cả bộ máy an ninh và ngôn luận, ngăn cản không cho nó lây lan trong đảng và trong xã hội.

Cuộc *vật lộn giằng co giữa hai thế lực* trên đây sẽ là nội dung chính của Đại hội 8 đang được chuẩn bị gấp, với các cuộc họp ở chi bộ cơ sở đầu năm 1996 và ở đại hội toàn quốc của đảng cộng sản lần thứ 8 vào khoảng cuối năm 1996.

Những hiện tượng chưa từng có

Tháng 1-1995, Hội nghị trung ương 8 của đảng cộng sản họp về vấn đề đổi mới bộ máy nhà nước, tập trung vào đổi mới hành chính. Chuyện chưa từng có là: hội nghị không xuôi chiều, người nói kẻ gạt, mà có tranh luận khá là dữ dội; và biểu quyết cũng không phải 100%, hoặc 90%, mà là 50-50, nghĩa là không ngã ngũ. Lại là về một vấn đề then chốt, *giữ hay bỏ nguyên lý chuyên chính vô sản*.

Người "gây sự" tạo nên cuộc tranh luận là ông Trần Độ, nguyên trung tướng quân đội, nguyên phó chủ tịch Quốc hội, nguyên trưởng ban văn hóa văn nghệ trung ương đảng, người từng bị Hội nghị trung ương 8 (khóa VI) thi hành kỷ luật: khiển trách, ghi lý lịch vì "quan điểm lộn xộn" (xem *Mật Thật*: trang 332 và 333). Ông Trần Độ gửi thư cho Bộ Chính Trị và Trương ương đảng (đề ngày 3-1-1995) bác bỏ quan điểm: đảng cầm quyền tức là "đảng trị", trái ngược với quan điểm chính quyền của dân, do dân, vì dân. Ông cũng yêu cầu phải dứt khoát, công khai lựa chọn: hoặc là chuyên chính vô sản mà đảng là đại diện, là nhân danh thực hiện, hoặc là nhà nước dân chủ pháp quyền, một nhà nước của dân, do dân, vì dân. Ông bác bỏ câu viết trong văn kiện chuẩn bị: "một nhà nước như vậy thực chất là nhà nước chuyên chính vô sản. Trong nội bộ đảng cần khẳng định rõ ràng". Ông cho rằng không minh bạch, giấu giếm, việc gì lại chỉ nói trong đảng mà không nói cho nhân dân rõ! Trong Bộ Chính Trị đã có ý kiến ủng hộ lập luận của ông Trần Độ và yêu cầu đưa ra Hội nghị trung ương 8 tranh luận. Đây cũng là điều chưa từng có.

Sự việc chưa từng có nữa là: cuốn sách "*Bảo vệ phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ bức thiết*" của ủy viên Bộ Chính Trị Nguyễn Đức Bình, hiệu trưởng Học viện chính trị quốc gia Nguyễn Ái Quốc (tên mới của trường đảng Nguyễn Ái Quốc), phát hành rộng rãi cuối năm 1994 liền bị phê phán dữ dội (về Nguyễn Đức Bình, đọc *Mật Thật*: trang 243). Cuốn sách quan trọng này được ủy viên Bộ Chính Trị Đào Duy Tùng, thường trực Ban bí thư (chức vụ quan trọng nhất sau chức tổng bí thư, có nhiệm vụ giải quyết các công

việc hàng ngày, đồng thời có quyền giải thích, phổ biến các nghị quyết của đảng) góp ý kiến tỉ mỉ, cũng được chủ tịch Lê Đức Anh và tổng bí thư Đỗ Mười thông qua. Những người phản đối cuốn sách hệ trọng này, đánh giá nó là bảo thủ, giáo điều, lảm cẩm, là "viết sai Nghị quyết 7", "vu cáo, thóa mạ các đảng cộng sản Đông Âu là cái đuôi của đảng cộng sản Liên Xô", "nhục mạ nhân dân các nước Đông Âu, nhục mạ các chính phủ được hình thành tại đó sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ", "nói nhảm rằng đó là kết quả của chiến lược diễn biến hòa bình của bọn đế quốc". Họ yêu cầu phải mở cuộc tranh luận công khai về cuốn sách để đúng sai được rõ ràng. Ở Hà Nội, Sài Gòn và các thành phố khác đang lưu hành khá rộng rãi và bán công khai lá thư 4 trang của ông *Lê Giản*, cán bộ hưu trí, ngoài 80 tuổi, từng là giám đốc Nha Công An từ năm 1946; ông bị thực dân Pháp đày sang đảo Madagascar từ những năm 40, hồi 1945 bắt liên lạc được với cơ quan tình báo Mỹ OSS để được thả dù về nước. Ông từng ủng hộ Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ ở Sài Gòn, viết báo lên án tệ tham nhũng và nạn độc đoán quan liêu đang hoành hành. Ông chê thẳng cánh tác giả Nguyễn Đức Bình là dốt nát, không chịu học tập, chủ quan, kiêu ngạo và mĩa mai mượn lời của F.Engels khuyên rằng: chớ cục tác to mà nên lo sao cho đẻ ra những quả trứng nhiều chất dinh dưỡng...

Một bài phát biểu dài 5 trang cũng được truyền bá khá rộng rãi và gây nên bàn tán sôi động trong giới hưu trí, trí thức, văn nghệ sĩ, viên chức cấp cao là của ông *Ngô Thúc*, một cán bộ lâu năm trong đảng, có học thức sâu sắc, hiểu cả chữ Hán và tiếng Pháp. Ông đọc bài phát biểu này giữa cuộc họp cán bộ bàn về cải cách hành chính, với những tràng vỗ tay vang dậy. Ông phân tích các từ "hành chính", nêu bật đức tâm và trí tuệ cần thiết của người cai trị nhằm phục vụ dân, phục vụ con người. Ông lên án các "quan" chỉ chuyên lo lợi riêng, "bị cài vàng nơi miệng, gắn dĩa nơi tròn", phải lo mà cải, mà cách bản thân mình trước đã! Với giọng điềm tĩnh, dựa vào nguyên tắc *chính danh* và *chính vị*, ông góp ý cả với nguyên thủ tướng lâu năm, bất lực Phạm Văn Đồng và hỏi rằng: ông đã cất nhắc được ai là người có tài có đức, và bài miễn được ai là kẻ vô tài kém đức, đã minh oan cho người trung trực nào không? Ông cũng chê trách tướng Võ Nguyên Giáp 20 năm chiến thắng rồi không viết nổi một bảng tổng kết chiến tranh (hồi ký đã viết chỉ để tôn công, tranh vị!). Phát biểu của ông về tướng Giáp rất xác đáng, vì hồi 1986 khi đại hội đảng toàn quân đội đặt tin nhiệm ở tướng Giáp thì ông do dự, e ngại, không dám phát cờ tuy cờ đã ở tầm tay; từ đó ông càng tỏ ra thiếu bản lĩnh, hèn yếu (*Mặt Thật*: trang 349, tôi từng viết: những bức thư tôi gửi về Hà Nội với ý định thăm dò tất cả mọi khả năng có thể có, không bỏ sót một khả năng nào. Khi gửi đi, tôi không có hy vọng gì nhiều về kết quả. Tôi làm để yên tâm, không ân hận gì là đã không tính cho hết lẽ).

Ông thâm nho lão thành Ngô Thúc còn cả gan "vuốt" râu hùm, nghĩa là phê bình, chất vấn các vị lãnh đạo đương chức cao nhất. Ông hỏi ông tổng Đỗ Mười là đã nhận, trả lời và im đi bao nhiêu thư khiếu nại của những người bị oan khuất? (xin được thưa: những thư khiếu nại của ông Hoàng Minh Chính, của bà Vũ Đình Huỳnh, của bà Đoàn Viết Hoạt... , ông tổng Đỗ Mười đến nay vẫn lờ tịt! Cả bức thư của nhà thơ Phùng Quán về việc bị cơ quan tuyên huấn và an ninh bịa đặt là vào Sài Gòn gặp ông Nguyễn Hộ để bàn chuyện chống đối và lật đổ, ông tổng Đỗ cũng cho chìm luôn, để nhà thơ ôm hận xuống tuyền đài!). Ông

cũng chất vấn ông Đào Duy Tùng và ông Nguyễn Đức Bình là sao các vị thích đấm đá các nhà văn, nhà báo đến thế!

Những bức thư có hồn, sôi sục như thế vậy gọi nhau. Chúng tôi đã có trong tay bức thư ông Nguyễn Trung Thành, một cán bộ đảng cấp cao, cấp vụ trưởng, khi về hưu được xếp chuyên viên bậc 8 (cấp thứ trưởng loại 1), gửi tổng bí thư, Bộ Chính Trị, Trung ương đảng, Ban kiểm tra trung ương, viện trưởng Viện Kiểm Sát Tối Cao, chánh án Tòa Án Tối Cao. Điều quan trọng chưa từng có là người viết thư yêu cầu *cứu xét lại 32 đảng viên bị xử lý oan* trong vụ án xét lại-chống đảng (còn gọi là vụ Hoàng Minh Chính) lại là một cán bộ cấp cao, vụ trưởng Vụ Bảo Vệ Đảng, từng được giao nhiệm vụ thẩm tra, xem xét, nghiên cứu hồ sơ của các bị can. Ông Nguyễn Trung Thành kiến nghị với Bộ Chính Trị lập ra một ban thẩm tra để việc cứu xét sớm thực hiện xong trước kỷ niệm 105 năm ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1995) và 50 năm Cách Mạng Tháng Tám (19-8-1995). Việc này đến nay là quá chậm. Tôi (người viết bài này) từng kiến nghị từ cuối năm 1990 lập một ủy ban đặc biệt của Quốc hội và chính phủ để xem xét những vụ án oan và án giả, đến nay họ vẫn cố tình lờ đi, lại còn chính thức giải thích: các vụ án ấy căn bản là đúng, không cần gì cứu xét! Đề nghị của ông Nguyễn Trung Thành và ý kiến của ông Ngô Thúc rất có trọng lượng vào thời điểm này. Công luận đã chín trong yêu cầu phải kết luận lại rõ ràng, minh bạch, theo luật pháp chứ không thể theo kiểu ban ơn trích thượng. Những kẻ trực tiếp vu cáo trong bộ máy an ninh của nhà nước và bảo vệ đảng rất lo sợ công bằng được thực hiện; họ không những không sám hối như ông Thành, lại còn lao vào những vụ án oan mới, vu cáo bừa bãi những người đòi dân chủ là âm mưu lật đổ!

Chính những người vẫn một mực dấn thân vào tội lỗi này (nhân danh bảo vệ an ninh!) đang làm mất danh dự của đất nước, làm cho các cơ quan nhân quyền của Liên Hiệp Quốc và các cơ quan nhân quyền quốc tế nhận định rằng: trong năm 1994 vừa qua Việt Nam vẫn ở trong hàng ngũ 20 nước có mức sống thấp nhất thế giới, và cũng là một trong 10 nước mà nhân quyền bị vi phạm lớn nhất (cùng với Iraq, Uganda, Somalia, Algeria, Bắc Triều Tiên, Trung Quốc, Cuba, Miến Điện).

Một điều rất đáng chú ý là có một số anh chị em bị đày đọa trong các vụ án cũ nay ngẩng cao đầu, không "thèm" xin được minh oan vì trong thâm tâm không hề coi những kẻ nắm quyền là chính nghĩa và chính đáng; họ ung dung tự tại, cho rằng bản thân, gia đình, người thân, bạn bè và những người ngay thật hiểu cho mình là đủ (xem thư ông Phùng Văn Mỹ).

Hai cuộc khám phá lịch sử

Một bức thư từ Hà Nội tháng 3 vừa qua cho biết rằng tâm lý xã hội và ý thức xã hội ở trong nước đang đổi mới từng ngày. Thông tin thế giới do kinh doanh mở rộng, du lịch phát triển, tài liệu sách báo từ nước ngoài tràn vào cùng hàng hóa... làm cho người dân nhận ra rằng không thể sống biệt lập, sống lập dị như trước. Cần hòa nhập với thế giới!

Từ 1975 đến 1985 là *sự khám phá ra miền Nam đất nước*. Nó không giống như người ta tuyên truyền: nghèo khổ, không có tự do, phồn vinh giả tạo! Thật ra là nửa phía Nam phồn vinh thật sự, và miền Nam đã chia sẻ phồn vinh với nửa nước phía Bắc. Đã có thống kê bao nhiêu quạt máy, đồng hồ, áo quần, tủ lạnh, máy thu thanh, máy truyền hình, xe mô-tô... được chuyển ra miền Bắc? Và miền Nam từng có tự do hơn, có báo chí tự

nhân, có tự do tín ngưỡng phát triển hơn miền Bắc. Miền Nam cũng đã chia sẻ với nửa nước miền Bắc cảnh bị áp đặt một kiểu chủ nghĩa xã hội kỳ lạ, cảnh hợp tác hóa cưỡng ép. Sự khám phá ra nhau đã làm cho nhân dân hai miền gần nhau, thông cảm với nhau để cùng chung một ý nguyện: kinh tế thị trường tự do, đi cùng dân chủ, tự do, nhân quyền và phồn vinh.

Mười năm tiếp theo, từ 1986 đến nay, đặc biệt là 4 năm nay, từ sau Đại hội 7, cuộc khám phá thứ hai đang diễn ra hào hứng: khám phá ra thế giới ngày càng rộng, càng sâu sắc. Con người là động vật cấp cao, có ý thức bắt chước, có óc suy luận tìm tòi: trông người lại ngắm đến ta. Ta đang học vô vàn cái tốt, cái tiến bộ của thế giới. Học nhanh vì đi tắt. Ở Việt Nam đã có điện thoại truyền hình, máy computer cá nhân hiện đại gọn nhẹ, có máy in báo nhiều màu ảnh đẹp... nếp sống xã hội của thế giới tràn vào, với một áo quần mới, nếp sống tự do cũng tràn vào, không ai ngăn chặn được. Quyền tự do suy nghĩ, tự do xử sự, được làm mọi việc trừ điều luật cấm, tự do ăn nói mở rộng dần, do người dân nhận thức được quyền của chính mình vốn tự có, không cần xin phép ai. Nỗi sợ cường quyền giảm rõ.

Xin cử một dẫn chứng. 14-12-1994, ở Hà Nội trên đường Lý Thường Kiệt, trước tòa án lớn, nhân dân kéo đến gần 10 ngàn người để xem vụ xử án tên sát nhân Nguyễn Tùng Dương, sĩ quan cảnh sát giao thông. Tên Dương giết người, cướp 500 triệu đồng (bằng 50 ngàn đô-la), được chính quyền bênh che, chỉ bị có 5 năm tù. Báo Tuổi Trẻ và Lao Động tố cáo việc xử mờ ám, khuất tất (không giữ nguyên hiện trường; khám nghiệm tử thi sơ sài, nhân chứng không khai thật...). Thế là phải chuẩn bị kỹ để xử phúc thẩm. Chánh án - trước khí thế sôi sục của quần chúng la hét, ném đá về phía xe chở tội phạm, đứng kín sân tràn ra các ngã đường - phải vội đề nghị lãnh đạo cho xử mức cao nhất. Bộ Chính Trị họp cấp tốc, buộc phải đồng ý mức tử hình. Đây là thái độ quyết liệt, đòi công bằng xã hội, đòi nghiêm chỉnh thi hành luật pháp, là thái độ chính trị của quần chúng do trào lưu dân chủ của thời đại tràn vào, gây bất ngờ với những người cầm quyền không hiểu gì về biến chuyển của tâm lý và ý thức xã hội. Cuộc sống sẽ còn lắm bất ngờ cho những người cầm quyền độc đoán!

Vụ nhà xây ầu trên đê Yên Phụ vừa nổ ra trong tháng 3 và tháng 4 này. Pháp lệnh bảo vệ đê cấm xây nhà trong hành lang bảo vệ rộng 25 mét từ chân đê. Thế mà chỉ trên 4 kilômét đê Yên Phụ đã mọc lên 1.500 ngôi nhà trong hành lang ấy, một số có cả giấy phép hẳn hoi! Do đóng cọc quá nhiều, đê bị động mạnh, sụt nề, nứt tới 40 chỗ. Báo chí báo động! Các vị làm cần vẫn coi khinh, vì họ có ô dù lớn. Báo liền đăng luôn ảnh ngôi nhà 4 tầng, số 71 đê Nghi Tâm, của cháu ông chủ tịch nước Lê Đức Anh, được ông này che chở! Lại còn biệt thự của bộ trưởng Thủy Lợi Nguyễn Cảnh Dinh, phó chủ tịch Hà Nội Đinh Hạnh, thiếu tướng cảnh sát Lê Thế Tiêm, rồi nhà của con phó thủ tướng Phan Văn Khải, con của ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm... cùng tại đó. Chính phủ đã chỉ thị vấn đề hóc búa này phải giải quyết xong trong tháng 4 trước khi nước bắt đầu lên, vì an toàn của dân thủ đô thường sống dưới mực nước trong mùa lũ. Chính quyền Hà Nội đã ra lệnh dỡ bỏ 307 ngôi nhà trong hành lang ấy, chủ nhà không tự dỡ thì chính quyền sẽ ra tay... Sức ép của công luận, thái độ của người dân thủ đô, các vị về hưu... thường xuyên đến tại chỗ để quan sát, bình phẩm về việc xử lý cũng là sức ép đáng kể chưa từng có, buộc những người bảo thủ ngoan cố nhất cũng không thể ỳ ra đó mãi. Vô vàn hình

ảnh, câu chuyện của các nước về tôn trọng pháp luật, bình đẳng trước pháp luật cũng là bài học thực tế có sức thúc đẩy mạnh. Chính đó là một nguyên nhân để vụ nhà cửa của các quan lớn và thân nhân ở đê Yên Phụ không sao im đi được. Thời thế đã đổi khác.

Dòng chảy của cuộc sống

Đáng tiếc là ở trong nước chưa có được một phong trào đấu tranh cho dân chủ đa nguyên có tổ chức và thanh thế. Cùng đáng tiếc là trong người Việt ở nước ngoài chưa có phong trào có chất lượng cần thiết gắn bó với những nhiệt huyết ở trong nước để kết hợp, hỗ trợ cho nhau chặt chẽ. Tuy sống trên những nước có nền dân chủ phát triển khá cao, họ vẫn còn giữ những quan điểm và thành kiến cũ kỹ, cổ hủ, hoạt động thì nặng nề hình thức, thiếu thực chất, chẳng có tác dụng gì mấy đối với cuộc đấu tranh ở trong nước, địa bàn quyết định của cuộc đấu tranh.

Thế nhưng cuộc sống ở trong nước vẫn tự mở đường để tiến lên, bù đắp cho những thiếu sót đáng tiếc ấy. Khát vọng no ấm, tự do là khát vọng muôn thuở của loài người, của mọi cộng đồng, của mỗi con người. Lê phải, lương tri bình thường của số đông bà con ta ở trong nước vào đầu năm 1995 hiểu rõ rằng: Việt Nam ta cần một chế độ xã hội theo kiểu tư bản chủ nghĩa với thị trường tự do, trong đó có pháp luật nghiêm minh, công dân có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ, có tự do báo chí thật sự để hạn chế, loại bỏ và răn đe những kẻ tham nhũng, còn hơn là một chế độ mang cái danh hào là xã hội chủ nghĩa mà thực tế là chủ nghĩa tư bản hỗn tạp, một đảng cổ hủ vùi dập trên luật pháp - chủ nghĩa tư bản đồ trong đó ngự trị luật rừng và đồng đô-la chi phối tất cả trên thực tế!

Một trí thức ở trong nước, có tâm huyết nhận định với tôi rằng: đảng cộng sản vẫn chưa đủ sức nhận rõ con đường sáng trước mắt vì những người lãnh đạo không có đủ tâm và trí tuệ, vì tầm mức văn hóa thấp kém của họ, họ lại không có dũng khí đổi mới đủ liều lượng. Phải chăng đất nước ta còn phải trải qua một cuộc đấu tranh tàn khốc chống bọn ma-phỉ tham nhũng, thối nát trong hệ thống cầm quyền mới cặp được bến của nền dân chủ hiện đại. Xã hội Việt Nam đang là một hồ mắm, bèo ngoài trông có vẻ ngon lành, hấp dẫn, bên trong đang có dòi, và đàn dòi đang sinh sôi nhanh chóng, làm ô nhiễm nặng cả hồ mắm, đến độ khi mở ra là phải bịt mũi, rùng mình, quảng bỏ đi ngay cả hồ mắm thối để làm một hồ khác! Nạn tham nhũng được giới cầm quyền tạo nên, nuôi dưỡng để tự vỗ béo mình (xin nhớ những kẻ tham nhũng lớn nhất tàn phá tài sản đất nước hầu hết là đảng viên có chức có quyền và con cháu ruột thịt của họ!). Sân golf giữa thành phố Đà Lạt là một công trình "lưu niệm" nhớ đời: những kẻ cầm quyền tham lam đến mờ mắt, cúc cung cúi đầu hầu hạ bọn tư bản mới, cướp đi một thắng cảnh đạo mát của thanh niên nam nữ, của nhân dân lao động thành phố (ai có đủ 35.000 đô-la để nộp mỗi năm làm thành viên chính thức của cái hội chơi golf ở giữa Đà Lạt?). Ai có thể loại trừ khả năng đến lúc nào đó, nhân dân thành phố mù sương thơ mộng kéo nhau đến phá tan cái sân golf ô nhục, được anh em binh sĩ và an ninh hưởng ứng, thúc đẩy bởi lòng tự tôn dân tộc để khôi phục lại những đồi thông và vườn hoa như trước? Chẳng cần đến kẻ ngoại bang nào xúi giục hay đế quốc nào thuê tiền đâu!

Cuộc sống kinh tế với hàng trăm, ngàn giao kèo đầu tư đang sôi động theo dòng chảy mạnh mẽ của nó. Cuộc sống ấy đang

đến độ cần một nhà nước pháp quyền thứ thật, một cuộc cải cách hành chính rõ ràng, một cuộc đổi mới về cơ bản hệ thống chính trị, như Nghị quyết đại hội 7 đã ghi trên giấy trắng mực đen. Không ai có thể né tránh hoặc trì hoãn được. Cuộc sống kinh tế-xã hội, cuộc sống tinh thần-chính trị của đất nước đang đặt ra, nghiêm cách và rõ ràng, *vấn đề tồn tại hay từ bỏ nền chuyên chính vô sản và học thuyết đấu tranh giai cấp* như những nguyên tắc cơ bản và bao trùm của chế độ. Chính do đó mà Đại hội 8 sẽ là một cột mốc trọng yếu. Thế lực đổi mới và sáng tạo ở trong đảng có thắng nổi thế lực bảo thủ và giáo điều tệ hại hay không?

Tình hình hiện nay đã khác khá nhiều so với 4, 5 năm trước. Dư luận xã hội đã thay đổi. Ý thức xã hội đã khác trước. Người dân đã được giải thoát trên một mức độ lớn khỏi thái độ thụ động nhần nhục trước chính quyền độc đoán. Cuộc sống dân chủ muôn vẻ của thế giới ngày nay đã tràn vào đất nước ta trong thời kỳ mở cửa và thời đại thông tin. Ở trong đảng, đông đảo đảng viên trẻ, đảng viên trí thức đòi hỏi quyền tranh luận dân chủ ở trong đảng, những cuộc bầu cử dân chủ để lựa chọn đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Những người lãnh đạo bảo thủ chịu trách nhiệm rất lớn trước lịch sử dân tộc. Họ đã phí phạm mấy chục năm của đất nước, với biết bao nhân mạng tài sản của mấy thế hệ liền. Đến vậy mà họ vẫn nhon nhon, không mấy may mắn.

Thế nhưng nhân dân ta là một dân tộc kiên cường, bất khuất, trọng chính nghĩa, ưa điều thiện, ghét điều ác. Đông đảo đảng viên cộng sản về cơ bản là những người yêu nước nhiệt thành. Họ dần dần hiểu rõ những sai lầm lớn đảng đã mắc phải và hiểu qua kinh nghiệm ấy rằng mỗi đảng viên phải có óc phê phán, tự suy nghĩ bằng đầu óc tỉnh táo của mình, không a dua, theo đuôi. Họ sẽ là nhân tố tích cực thúc đẩy sự thảo luận công khai, sôi nổi ở trong đảng, chống lại đi đến gạt bỏ thế lực bảo thủ giáo điều trong cơ quan lãnh đạo.

Mọi thế lực dân chủ lành mạnh trong nước và ở ngoài nước hãy tận lực ủng hộ, tiếp sức cho những người cộng sản có trí tuệ và tâm huyết ấy. Hãy cung cấp cho họ nhiều thông tin tốt của thế giới. Hãy ôn tồn thảo luận ngay thật, bình đẳng với những cán bộ, sinh viên... từ trong nước ra nước ngoài.

Cuộc đấu tranh trong đảng đã phản ánh vào hàng ngũ Bộ Chính Trị và phân hóa nó - ủy viên Bộ Chính Trị Vũ Oanh vừa lên tiếng phê phán ủy viên Bộ Chính Trị Nguyễn Đức Bình là nói sai Nghị quyết 7. Cố vấn Phạm Văn Đồng, cố vấn Võ Chí Công tán thành chính kiến của Vũ Oanh, trong khi Lê Đức Anh và Đỗ Mười bênh vực Nguyễn Đức Bình và Đào Duy Tùng. Đây chỉ là sự phân hóa ban đầu. Cuộc sống sẽ thúc đẩy sự phân hóa ấy.

Đúng vào dịp 20 năm kể từ ngày 30-4-1975, khi bước vào 5 năm cuối của thế kỷ, nước Việt Nam ta đang có hai khả năng lựa chọn. Hoặc là vẫn chậm tiến, tụt hậu về kinh tế, lạc hậu cực độ về chính trị bởi chế độ độc đảng chuyên chế, hoặc là bước vào thời kỳ hòa giải dân tộc, xây dựng dân chủ đa nguyên lành mạnh trong trật tự, rũ sạch mọi xiềng xích của quá khứ, thẳng tiến tới tương lai tươi sáng với nhịp độ phát triển cao, với sự tin yêu và tôn trọng của thế giới.

Chúng ta, những chiến sĩ dân chủ, nguyện cố gắng cao nhất góp phần vào khả năng thứ hai này!

Bùi Tín
30-4-1995

Thư góp ý với hai ông Phan Đình Diệu và Tiêu Dao Bảo Cự

Nhân đọc thư trao đổi giữa hai ông Phan Đình Diệu và Tiêu Dao Bảo Cự, tôi cũng thử bàn góp mấy lời, bởi nghĩ đây là chuyện chung của đất nước.

Sinh lực quốc dân mới được "cởi trói" một ít từ mấy năm nay, đã tạo ra một số thành quả kinh tế đầy khích lệ, nhưng chúng ta cũng thấy hiện ra những vấn đề rất đáng lo ngại, trong ấy nổi bật hơn cả là nạn tham nhũng buôn lậu khủng khiếp và sự băng hoại ghê gớm về phương diện con người. Để giải quyết tận gốc những vấn đề ấy, có hai vấn đề cần được nêu rõ: Chấn chỉnh triệt để nhân sự của bộ máy công quyền và xây dựng một phong khí mới cho quảng đại quốc dân.

Tự do, Dân chủ là điều kiện tiên quyết để thực thi trọn vẹn hai mục đích lớn trên đây. Không có hai điều kiện này thì bao nhiêu kế sách đặt ra chỉ là cái vòng lẩn quẩn.

Trên đất nước chúng ta hiện nay không hề có Tự do, Dân chủ. Những người coi Dân chủ, Tự do như là thù địch lại đang nắm giữ quyền lực chủ yếu trong hàng ngũ cầm quyền cai trị. Họ sẵn sàng đàn áp những tiếng nói ngay thẳng, đồng thời huy động bộ máy truyền thông khổng lồ trên cả nước, phát tán mọi thứ ngụy luận, thông tin kín hở nhằm tạo ra một môi trường nhận thức hỗn loạn thật giả khó phân. Trong môi trường ấy, kẻ a dua trở thành "anh hùng", người tâm huyết bị quy là "phản động". Những "cây cảnh trang trí" cũng được dựng lên đầy đủ để có một sân khấu "Đại đoàn kết mọi thành phần dân tộc".

Về phía dân chúng thì ý thức đòi hỏi Dân quyền và Nhân quyền xét chung vẫn còn bị nỗi sợ hãi khám xét và bắt bớ lấn át nặng nề, tuy rằng đó là tâm niệm chung của đồng bào.

Còn ngay trong số những người ít ỏi đã có được đồng thuận về lý tưởng Tự do, Dân chủ vẫn có những bất đồng về phương cách hoạt động. Điều cần nhận ra là: Cuộc vận động canh tân xã hội đòi hỏi sự phối hợp toàn lực của mọi thành phần, mọi tầng lớp. Những kêu gọi phản tỉnh từ bên trong cũng cần thiết như những chất vấn, những yêu cầu từ bên ngoài hệ thống cầm quyền.

Trong cuộc vận động này, có một số vị trí trước đây vẫn bị coi là "cây cảnh", nhưng trong tình hình hiện nay thì có thể mang lại tác dụng tích cực hơn nếu những cá nhân trên vị trí ấy có đủ quyết tâm và kiên trì thực hiện điều mà lương tâm họ đã chọn lựa. Mặt khác, điều rất nên cảnh giác là giới cầm quyền có thể trưng ra những tên tuổi được dư luận quý trọng trong hệ thống của họ như Phan Đình Diệu,..., cùng những tên tuổi của chế độ cũ như Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Phước Đại... (dù là những người này có được mời mà không tham dự) để làm bằng chứng cho một kiểu dân chủ bịa đặt.

Trên con đường tìm kiếm một tương lai tốt đẹp cho dân tộc, trước vô vàn trở ngại và chạm bẫy, chúng ta cần nhắc nhở cho nhau luôn giữ gìn con mắt sáng suốt. Sự nhắc nhở có thể là thừa đối với những người đã tự hiểu rõ mình, khi ấy ít nhất nó cũng biểu lộ được lòng chân thành giữa những con dân Việt cùng ưu tư về chuyện nước non.

Lý An Sinh
Sài Gòn, 15-2-1995

Thư ngỏ

Kính gửi Anh Bùi Minh Quốc,
Anh Tiêu Dao Bảo Cự,
Anh Hà Sĩ Phu.

Lá thư ngỏ này tôi xin đường đột gửi đến các anh, sau khi tôi đọc được những bài viết của các anh trao đổi với ông Phan Đình Diệu.

Kính thưa các anh, tôi tên là Nguyễn Thu, ngụ tại Tp. Hồ Chí Minh, là một công dân có nhiều may mắn được tiếp nhận những luồng thông tin hai chiều. Tôi hiểu được một số vấn đề và cũng vì đó mà đã từng rơi vào hoàn cảnh éo le không kém công dân Đỗ Tư Nghĩa và Phan Đắc Lữ. Hôm nay có được vài dòng suy nghĩ nên mạo muội xin được nói với các anh qua kênh thông tin "Diễn Đàn Dân Chủ" này.

Việc ông Phan Đình Diệu được mời vào Mặt Trận, theo tôi, không có gì phải đáng ngạc nhiên nhiều. Chính quyền cộng sản Việt Nam luôn luôn làm tốt cái trò hề dân chủ quen thuộc để mị dân (tôi không cần nhắc tên các người được mời tham gia Mặt Trận để nói thêm về trò hề này). Những người cộng sản cần rằng chịu đựng đối lời thẳng thắn của ông Phan Đình Diệu để rồi trưng hình ảnh đó lên như một bằng chứng về dân chủ để rêu rao trong nước, ngoài nước. Tất cả những thứ đó nhằm ghi chặt thêm chiếc ghế quyền lực trong những tháng ngày héo tàn.

Theo ý tôi, hiện nay trong nước đã hình thành rõ các thành phần như sau:

1. Những người cộng sản cực đoan bảo thủ, đang nắm các chức vụ quan trọng ở trung ương và địa phương.
2. Những người cộng sản bán cực đoan, ít bảo thủ, hiện là những đảng viên thường, chiếm đa số trong các cơ sở đảng.
3. Những người trí thức cộng sản tiến bộ vẫn đang tham gia trong chính quyền cộng sản.
4. Những người trí thức cộng sản đã tự ý hoặc bị ly khai khỏi đảng và chính quyền.
5. Những người trí thức tiến bộ không phải là đảng viên cộng sản.

6. Những người có khuynh hướng chống đối cực đoan.

Nhóm 1 càng ngày càng teo lại, càng bị cô lập.

Nhóm 3, 4, 5 đều có chiều hướng đồng thuận: Việt Nam muốn mau phát triển, mau cất cánh thành một trong những con rồng châu Á thì phải sớm có Tự do, Dân chủ. Để thoả dịu tình hình này, giới lãnh đạo cộng sản luôn níu kéo, mua chuộc các thành phần này về phía họ nhằm hai mục đích: Đánh lạc hướng dư luận trong và ngoài nước bằng các trò dân chủ giả hiệu, gây chia rẽ, bất hòa trong các tôn giáo, trong các thành phần tiến bộ.

Đối với các thành phần có khuynh hướng chống đối cực đoan, họ thẳng tay triệt hạ không nhân nhượng, bất chấp dư luận.

Tôi tin là khi ông Phan Đình Diệu chấp nhận vào Mặt Trận ắt hẳn ông đã phải suy nghĩ rất nhiều, vì lẽ ông cũng hiểu rõ tâm địa của đảng cộng sản như tôi, thậm chí hơn tôi nhiều. Tuy nhiên, có thể ông tin rằng mình sẽ làm được một điều gì đó cho đất nước. Ông có nỗi khổ tâm riêng của ông. Bài thuyết trình về cách tiếp cận dân chủ của ông là một chứng minh nhỏ và hy vọng ông sẽ có những chứng minh lớn hơn trong tương lai.

Thưa ông Phan Đình Diệu, nếu bài viết này đến được tay ông thì tôi xin được tỏ lộ lòng tin và sự kính trọng của một người miền Nam đến ông. Mong rằng lòng tin và sự kính trọng đó sẽ không bị thay đổi đối với những xáo trộn của tương lai.

Các Anh Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự và Hà Sĩ Phu thân mến, như tôi đã nói ở trên, mục đích của đảng cộng sản là chia rẽ hàng ngũ đối lập. Tôi mong các anh đừng vì nóng lòng mà

Thông Luận 82 - Tháng 5.95

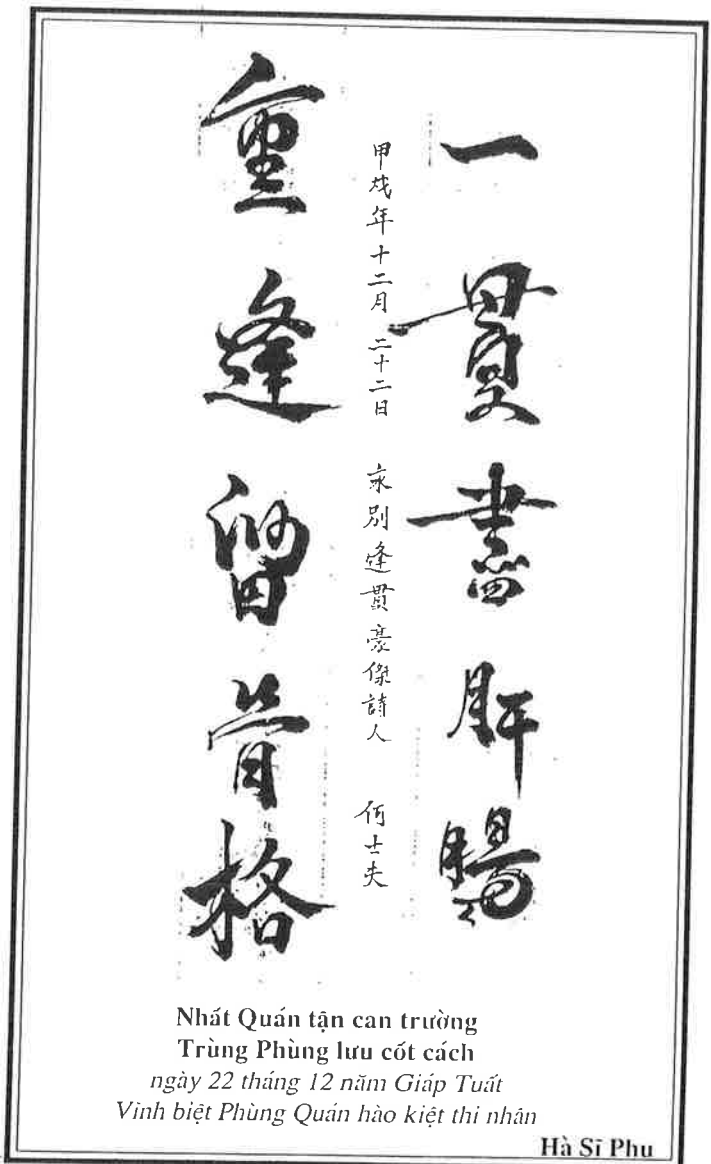
quên điều đó; xin đừng phê phán ông Phan Đình Diệu vội. Hãy tin và lắng nghe ông ta, ủng hộ những tư tưởng dân chủ của ông và, dĩ nhiên, mỉm cười theo cách của những người trí thức khi thấy ông ta rồi dần hàng ngũ của những người đấu tranh mà ông đã có được sự tôn vinh nơi đó.

Trong tương lai, chúng ta còn cần nhiều người đấu tranh cho dân chủ đứng vào bộ máy chính quyền để đấu tranh trực tiếp cho một nền dân chủ tương lai. Xin đừng vội và nghi ngờ và công kích nhau mà làm mất đi thế mạnh đang có của chúng ta.

Thưa các anh, khi đọc đến đây, chắc các anh đang tự hỏi tôi là ai, có phải như là loại Trần Văn Anh điếm sách "Mặt Thật" của Bùi Tín không? Tôi mở lòng mình và xin được nói, tôi cũng trần trở và suy nghĩ về đất nước, dân tộc, có lẽ chỉ kém các anh thôi. Tôi đấu tranh cho nền dân chủ theo cách của tôi, cũng như các anh có cách đấu tranh của các anh, ông Phan Đình Diệu cũng có cách đấu tranh theo cái cách của ông. Tất cả đều hành động cho một mục đích chung. Vì vậy, hãy tin tin tưởng ở nhau. Marx có thể nói: "Vô sản thế giới đoàn kết lại" thì tại sao ta không thể nắm tay nhau mà nói: "Dân chủ toàn thế giới đoàn kết lại" ?

Vài lời chân tình gửi đến các anh, mong được các anh chỉ dạy thêm trong tương lai.

Nguyễn Thu, Sài Gòn, 6-2-1995



Nhất Quán tận can trường Trưng Phùng lưu cốt cách
ngày 22 tháng 12 năm Giáp Tuất
Vinh biệt Phùng Quán hào kiệt thi nhân

Hà Sĩ Phu

Hai mặt tĩnh và động của quyền đối lập tại Việt Nam

Trần Thanh Hiệp

Một trong những người đọc bài viết của tôi về "Quyền đối lập và đối lập ở Việt Nam" đăng trên các báo Thông Luận (Paris, số tháng Giêng 1995), Thế Kỷ 21 (Los Angeles, số 69, tháng Giêng 1995), Sóng (Toronto, số tháng Hai 1995), Thời báo, Thời Luận, (San Jose, số tháng Ba 1995), ông Dương Thành Lợi, trên báo Thế Kỷ 21, số tháng Tư 1995, mục Tiếng Vọng, tr. 100, cho biết là ông "cảm thấy khó có thể đồng ý với các kết luận..." của tôi. Theo ông Dương Thành Lợi, đứng trên quan điểm pháp lý thuần túy mà xét, "nhân dân Việt Nam không có căn bản pháp lý nào để có thể đối lập chính quyền CHXHCN Việt Nam". Trước thái độ thảo luận rất nghiêm chỉnh, những lý lẽ rất nghiêm túc của ông Dương Thành Lợi tôi thấy cần bàn thêm để vấn đề được sáng tỏ hơn nữa. Tôi xin phép được miễn nhắc lại ở đây, dù một cách sơ lược, nội dung bài viết trước của tôi, xin các bạn đọc quy chiếu các xuất xứ đã dẫn ở trên, nếu thấy cần.

A. Mặt tĩnh của quyền đối lập tại Việt Nam

Tuồng cũng cần xác định, trước khi trao đổi ý kiến với ông Dương Thành Lợi, rằng "quyền đối lập" ở Việt Nam chỉ được đề cập như là một vấn đề pháp lý. Vì thế, khía cạnh chính trị của vấn đề ấy sẽ không được bàn tới trong bài này.

Phân tích ba cơ sở pháp lý "hiến định, quốc tế, luật định" mà tôi đã sử dụng để chứng minh sự hiện hữu của "quyền đối lập" ở Việt Nam, ông Dương Thành Lợi đã đi tới kết luận ngược lại với tôi rằng theo Hiến pháp CHXHCNVN, "người dân Việt Nam không có quyền để đối lập với Đảng CSVN...", rằng Hiến pháp này không có điều khoản nào "ghi là công pháp quốc tế trở thành luật pháp CHXHCNVN một khi được ký kết" dấu sao, trong mọi trường hợp người dân Việt Nam "không thể bám lấy Công ước quốc tế làm căn bản pháp lý cho quyền đối lập chính trị", và rằng "cơ sở luật định không có chỗ đứng trong căn bản pháp lý... bởi vì luật pháp đi ngược với Hiến pháp trở thành vi hiến và vô hiệu lực".

Tóm lại theo ông Dương Thành Lợi dưới luật pháp hiện hành của Quốc Hội CHXHCNVN, dưới sự lãnh đạo độc tài của Đảng CSVN, dân Việt Nam không có quyền đối lập.

Cách nhìn vấn đề của ông Dương Thành Lợi là cách nhìn theo ánh sáng luật học phương Tây lâu đời thấm nhuần tinh thần tự do, pháp trị. Đối với người Việt ở ngoài nước thì đó là cách nhìn phổ quát, thông thường. Nhưng đối với người dân ở trong nước còn phải sống dưới chế độ chuyên chính cộng sản thì đó quả là một cái nhìn lý tưởng vì chỉ có được ở trong những giấc mơ. Ngay ở các trường Đại học có giảng dạy môn luật học cũng không thể có được cách nhìn như thế.

Lý luận của ông Dương Thành Lợi súc tích, chặt chẽ. Nếu tôi lấy cách nhìn giống như tác giả họ Dương, tôi cũng phải kết luận như ông. Nghĩa là tôi rất đồng ý với cách ông kết luận.

Nhưng tôi cần nói thêm rằng cụm từ "luật học thuần túy" mà ông Dương Thành Lợi đã dùng để định danh cho công trình khảo sát của ông phải được hiểu theo nghĩa rất hẹp là quan điểm luật học của một luật gia theo học phái của những nhà "thực

chứng" - positivistes, positivists - (đứng về mặt luật quốc nội, droit interne, internal law) và theo học phái của những nhà "lưỡng nguyên" - dualistes, dualists - (đứng về mặt luật quốc tế, droit international, international law), triết để bênh vực sự hiện hữu của hai thứ luật, luật quốc nội và luật quốc tế, hai luật hoàn toàn khác biệt nhau từ đối tượng đến bản chất. Tôi không ở trong vòng ảnh hưởng của hai học phái này, vì luật học không phải chỉ thu gọn vào hai học phái ấy mà thôi. Về mặt luật quốc nội, tôi không gạt bỏ "luật tự nhiên" (droit naturel, natural law) - điều này không nhất thiết phải có nghĩa là bất cần "pháp quyền, legal rights như ông Dương Thành Lợi đã khẳng định một cách thiếu khách quan -, về mặt luật quốc tế, tư tưởng tôi cổ võ là tư tưởng của học phái "nhất nguyên" (moniste, monist) - chỉ có một luật duy nhất cho nhân loại ở trên bình diện quốc nội cũng như trên bình diện quốc tế - mà viễn kiến đã đi sát được với xu thế tiến hóa tất yếu của luật quốc tế, nhất là từ đầu thập niên này. Chính vì vậy tôi đã để sang bên cách nhìn gọi một cách cưỡng ép là "luật học thuần túy" (như tôi đã xác định ít nhất ở hai đoạn trong bài viết của tôi, xin xem bài "Quyền đối lập..." thượng dân, tr. 22, cột 1, dòng 23-27 và cột 2, dòng 30-32), nhường cho các bậc thức giả am tường luật học phương Tây luận bàn thâm sâu về quyền đối lập nói chung và của dân Việt Nam nói riêng. Tôi vui mừng được ông Dương Thành Lợi chỉ bảo thêm.

Vì lô-gích suy nghĩ của ông Dương Thành Lợi khác lô-gích suy nghĩ của tôi (tại sao khác, tôi sẽ nói ở dưới) nên đương nhiên các kết luận của ông không thể giống các kết luận của tôi. Và tôi không ngạc nhiên khi ông nói rằng ông khó lòng đồng ý với sự khẳng định của tôi theo đó tại Việt Nam từ 1992, đã có cơ sở pháp lý cho quyền đối lập.

Có điều tôi phải nhấn mạnh về một chi tiết mà tôi đã nêu ra trong bài viết "Quyền đối lập..." vì sợ rằng nhiều người không chú ý, đó là: tuy hiện nay không có một qui định pháp lý nào về "Quyền đối lập" nhưng theo tôi, quyền này là một quyền tổng hợp nhiều quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nên các cơ sở pháp lý của những quyền này đương nhiên là cơ sở pháp lý của quyền đối lập. Ngoài ra, đứng ở mặt tĩnh mà xét, những cơ sở pháp lý ấy chưa được toàn vẹn, chẳng những thế lại còn có những cơ sở pháp lý trái ngược cho phép Nhà nước chối bỏ mọi quyền của người dân. Xác định rằng hiện tại "người Việt Nam không có quyền đối lập" không phải là không đúng. Nhưng chỉ đúng ở một thời điểm nhất định và trong cách nhìn cùng hiểu quyền đối lập như một khái niệm hoàn toàn trừu tượng chỉ hiện hữu qua các học thuyết, văn bản v.v. Nếu đứng về mặt động mà xét - và đó là cách nhìn của tôi - đã có những tư thế, tiềm thế để hành sử quyền đối lập làm hình thành "đối lập Việt Nam".

Trong thực tế, những nhận xét về mặt tĩnh chỉ có được những tác dụng tiêu cực vì nó tách rời tư duy khỏi thực tại khách quan. Thực tại ấy không hoàn toàn cứng ngắt như ảnh tượng về nó mà tư duy đã tạo nên. Cho nên phải bỏ tức những nhận xét về mặt tĩnh bằng những nhận xét về mặt động mới bám sát được thực tại khách quan.

B. Mặt động của quyền đối lập

Tìm hiểu mặt động của quyền đối lập là có một cách nhìn thực tiễn (approche pratique, practical approach) về quyền này.

Nhưng thế nào là cách nhìn thực tiễn?

"Thực tiễn" thường được đối lập với "lý luận, lý thuyết" vì hàm ý thiên về hành động. Cách nhìn thực tiễn là cách nhìn thoát đi từ tư duy để khám phá thực tại khách quan nhằm đạt được dụng đích cải tạo thực tại khách quan ấy. Do đó thực tại khách quan này ảnh hưởng ngược lại tư duy để tu chỉnh tư duy, bồi bổ cho lý luận, lý thuyết. Những người mác xít (nhất là mác xít Việt Nam) tôn sùng cách nhìn thực tiễn (praxis), nhưng lại lẫn lộn trong tư tưởng của Marx. Cách nhìn thực tiễn của người phương Tây là cách nhìn theo phép quy nạp, dựa vào lượng hơn là suy diễn từ phẩm. Xã hội Việt Nam hiện nay là một xã hội sống một cách thực tiễn.

Trong luật học, cách nhìn thực tiễn sẽ giúp cho cho người nhìn (chủ thể), không bị vướng mắc vào vòng tư biện (speculation, speculation) để tự giam mình trong phạm vi trừu tượng của lý thuyết, lý luận luật học thuần túy, rất cần cho những công trình nghiên cứu cơ bản, nhưng ít bổ ích cho việc ứng dụng luật pháp vào đời sống thực tế của nhân xã (nghĩa là thực tại khách quan).

Luật gia Việt Nam trong hiện tình đất nước không thể chỉ vận dụng những khái niệm luật học phương Tây để xét xem sinh hoạt pháp lý trong nước có diễn ra đúng như sinh hoạt ở các nước phương Tây hay không mà phải dùng những khái niệm ấy để tìm dò khả năng chuyển hóa tình trạng không có luật hay không kể luật thành một trật tự pháp lý ổn định. Làm công việc này không nhất thiết phải rời bỏ lĩnh vực luật học để trực tiếp làm chính trị bằng xách động quần chúng, kéo bè kết đảng, xuống đường mít tinh hoan hô đả đảo v.v... Chức năng xã hội của luật gia trong tình trạng hỗn mang của bạo lực hiện nay là vận dụng linh động kiến thức luật học để "chỉ đường" cho quần chúng thấy rõ đâu là quyền của con người, quyền của dân, quyền của Nhà nước v.v... dù rằng những quyền ấy không được - đúng hơn, chưa được - xác định. Nhìn sự việc như vậy về mặt lý luận không có vẻ bác học, kinh điển nhưng về mặt thực tiễn lại rất tích cực vì mở đường cho hành động chuyển hóa thực tại và từ đó ngăn chặn tác phong an phận thủ thường là chất dinh dưỡng làm cho chuyên chế "trụ" được.

Hiến pháp 1992 đã dành cho Đảng CSVN độc quyền lãnh đạo đất nước, toàn quyền hưởng dụng tài sản quốc gia, đã thể chế hóa bộ máy kìm kẹp dân chúng, triệt hạ đối lập hầu duy trì không thời hạn địa vị độc tôn ấy. Điều này ai cũng biết và ai cũng nói một cách chung chung. Tôi cũng nhắc lại điều này trong bài viết về "Quyền đối lập". Ông Dương Thành Lợi đã nói lại sự thật này với những luận cứ mới đầy tính thuyết phục cho một luồng dư luận ở ngoài nước đã được thuyết phục từ lâu. Chính Đảng CSVN cũng công khai nhìn nhận sự thật này, trong bản Hiến pháp 1980, sau khi đã ngụy trang nó trong hai bản Hiến pháp 1946 và 1959. Nhưng năm 1992, "Đảng" phải "đổi mới" cách nói, nếu không thì "chết", nghĩa là lại phải ngụy trang trở lại! Có điều "Đảng" như người đẹp vì tuổi tác đã hết duyên, như một võ sĩ một thời vô địch đã mất hết nội lực. "Đảng" đã phải dẹp bỏ hết các luận điệu khoa trương, cất dấu bùa thiêng "chuyên chính vô sản", bọc thật kín ý đồ đấu tranh giai cấp bằng lớp sơn phấn toàn dân ("của dân, do dân, vì dân"). "Đảng" đã lùi chằng những một mà hai ba bước, dĩ nhiên với ý định về sau

rồi sẽ tiến lên năm sáu bước. Cho nên "Đảng" mới nói loanh quanh ngay ở trong Hiến pháp 1992, một Hiến pháp "đầu Ngô mình Sở" (xin xem bài "Quyền đối lập" đã dẫn), đã bày ra một trận đồ pháp lý mà cửa tử nhiều hơn cửa sinh.

Đã đành rằng đó chỉ là những "thuật" chính trị giống như những trò múa rối, trò ảo thuật ở trên sân khấu. Nhưng đất nước Việt Nam không phải là sân khấu mà là cuộc đời, là lịch sử trong đó không phân chia diễn viên với khán giả mà chỉ có những "tác nhân", những kẻ làm ra lịch sử.

Thay vì có thái độ kiêu kỳ của những khán giả sành sỏi, những nhà nghiên cứu bác học, tôi nghĩ rằng phải đặt mình vào địa vị những người ở trong nước phải dẫn mình vào đấu trường pháp lý, không để cho "Đảng" độc diễn hòng huyễn hoặc quần chúng. Những người chống chuyên chế phải kịp thời thu hoạch những thắng lợi cơ bản, to lớn mà thời đại đã mang lại - sự sụp của hệ thống "đế quốc đỏ" Liên Xô và các chư hầu - để mở ra xuất lộ khai thông lịch sử.

Hướng chỉ đấu trường đó nay đã thực sự biến thành "thị trường" phồn hoa đô hội, kẻ mua người bán tấp nập. Sao có thể để cho "Đảng" một mình một chợ?

Về điểm này, có một điều rất lý thuyết mà chính nhiều lý thuyết gia ít lưu ý, đó là không thể đồng hóa thực tại của xã hội Việt Nam với thực tại của các nước phương Tây là những thực tại có kỷ cương đã lâu đời. Mọi việc ở các nước này hầu như có sẵn khuôn phép, từ nhân quyền, dân quyền cho đến, Quốc hội, Nhà nước, Tòa án, Báo chí v.v... Ở Việt Nam mọi thứ đều hỗn loạn, khó lý luận đúng như trong học thuyết, án lệ, sách vở, văn bản v.v..., khó chuyển hóa bằng thuyết phục, chỉ dẫn đến từ bên ngoài (hải ngoại) nhưng lại dễ vận dụng từ bên trong nếu có phương tiện (người và của), có thao tác (kiến thức chuyên môn). Điều này tôi mừng tượng thấy từ lâu nhưng đã thâm tín khi theo dõi các cuộc tranh đấu của đối lập ở trong nước và nhất là khi được nghe bà Trần Thị Thúc kể lại một cách tự nhiên và giản dị cuộc đời của bà với nhà cầm quyền cộng sản để bảo vệ cho chồng con và gia đình. Bà tuy chưa đạt được những chiến thắng đẹp mắt và toàn vẹn nhưng bà cũng đã đạt được một phần những yêu sách của mình nhờ biết xác lập những quyền hạn trên cơ sở những "pháp quyền" đã được liệt kê trong Hiến pháp, trong các văn bản pháp lý quốc tế như Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, Công ước quốc tế về nhân quyền và "lẽ phải" của cuộc đời. Quả thật bà đã cho tôi hiểu thêm được bài học thực tiễn mà giá trị nhân văn vượt xa những luận thuyết trừu tượng. Nhờ bà Trần Thị Thúc tôi đã điều chỉnh được sự hiểu biết của tôi về nhu cầu pháp lý của đồng bào ở trong nước.

Cũng xin nói thêm vài điều về luật quốc tế. Ông Dương Thành Lợi phủ nhận hoàn toàn mọi ảnh hưởng của luật quốc tế đối với luật quốc nội ở Việt Nam, và ông đã khẳng định như vậy trên những cơ sở pháp lý và dựa vào những tiền lệ Hoa Kỳ, Gia nã đại, tất nhiên theo quan điểm của học phái "lưỡng nguyên". Nhưng theo học phái "nhất nguyên" thì không cần phải có những thủ tục "tiếp thu" (réception) của luật quốc nội, luật quốc tế mới có hiệu lực. Vì học phái này cho rằng cả hai đều thuộc về một thứ luật chung của nhân loại. Nếu lên sự khác biệt giữa hai học phái chẳng qua chỉ để rộng đường dư luận mà thôi, kỳ thực luật quốc tế không theo hẳn học phái nào và trong thực tế nó đã dung nạp cả hai. Luật quốc nội nào cho phép quốc tế tiến hành cuộc chiến tranh Vùng Vịnh, can thiệp ở Nam Tư, ở Somalia, luật quốc nội nào ở Haiti của cho phép người Mỹ can

thiếp ở nước này? Nếu ai cũng dút khoát như ông Dương Thành Lợi thì làm gì có trên một ngàn hội ngoại chính phủ đại đột từ khắp địa cầu tháng 6-1993 kéo về họp Hội nghị quốc tế về nhân quyền tại Vienne?

Cộng sản Việt Nam, về luật quốc tế, xu hướng theo học phái "luông nguyên" và lâu đời đứng bên lề cộng đồng quốc tế nên không đặt nặng vấn đề quan hệ giữa luật quốc nội với luật quốc tế. Hồi còn chiến tranh, cộng sản Việt Nam vì phải đặt mình vào trong quỹ đạo của "phe xã hội chủ nghĩa" nên không công nhận luật quốc tế của "phe tự do". Mặt khác, lại còn khăng khăng theo thuyết "chiến tranh không tránh khỏi", theo đường lối "chống xét lại" của Trung Quốc nên cũng không như Liên Xô chịu sống chung hòa bình với thế giới tự do. Nói cách khác, cộng sản Việt Nam dành sự thượng tôn cho luật quốc nội. Lập trường này đã thể hiện rất rõ trong cuộc hòa đàm tại Paris những năm 70 về Việt Nam và đã được ba Hiến pháp 1946, 1959 và 1980 phản ánh qua những điều khoản để cho Quốc hội rồi cho Hội đồng Nhà nước, từ 1980, giải quyết một cách rất "tùy tiện" mối tương quan giữa luật quốc nội với luật quốc tế. Nhưng dưới áp lực của "đổi mới", Hiến pháp 1992 đã phải bắt đầu thay đổi cách giải quyết này (vì cộng sản Việt Nam đã không còn tiếp tục chính sách "cô lập vinh quang" được nữa) khi giao cho Chủ tịch nước "quyết định phê chuẩn hoặc tham gia điều ước quốc tế, trừ trường hợp cần trình Quốc hội quyết định" (điều 103), và cho "Chính phủ nhiệm vụ và quyền hạn... chỉ đạo việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia" (điều 111). CHXHCNVN năm 1982 đã tham gia các Công ước quốc tế về nhân quyền thì phải thi hành những điều cam kết và trách nhiệm thi hành những điều cam kết ấy nay đã thuộc về "Chính phủ", theo Hiến pháp đương hành. Văn hay điều khoản của Hiến pháp quy định và nhiệm vụ này không được thật rõ ràng nhưng dù sao đó là những cơ sở để đặt vấn đề trách nhiệm của "Chính phủ" và xác định rõ trách nhiệm ấy theo những nguyên tắc, án lệ của luật quốc tế. Phải luôn luôn đặt "Chính phủ" ấy vào tình thế phải giải thích thái độ với dư luận thế giới mỗi khi có hành động vi phạm nhân quyền, thay vì làm công việc kỳ cục là dùng thuyết "luông nguyên" (rất tương đối) để biện hộ không công cho chính phủ cộng sản, biện minh cho việc làm của công cụ toàn trị này của "Đảng".

Trở lại các quyền của người dân, ông Dương Thành Lợi không muốn kể đến những "natural rights" (ông gọi là quyền tự nhiên) chỉ muốn kể đến những "legal rights" (ông gọi là pháp quyền, tôi gọi là những quyền luật định) ở Việt Nam. Chỉ kể "legal rights" thôi có nghĩa là chỉ kể những "rights" do pháp chế xã hội chủ nghĩa quy định. Và biết trước rằng pháp chế này là công cụ đảng trị, kể đến để không công nhận! Ở ngoài nước thì việc không công nhận này quá dễ dàng. Nhưng đối với người ở trong nước không công nhận là tìm con đường tù tội như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt v.v... Vậy phải vừa công nhận lại vừa không công nhận, nghĩa là tìm chỗ dựa nơi các "natural rights" (quyền tự nhiên) để đòi sửa đổi các "legal rights". Thái độ phải đạo "legal rights" nơi các luật gia là giấc mơ của "Đảng" hiện đang quảng cáo cho thứ "pháp quyền" made in Hanoi! Xin đừng quên rằng cách mạng của cộng sản không khởi đi từ "natural rights" như tại các nước phương Tây. Nguyễn Ái Quốc khi thảo bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 đã mượn ngôn ngữ của Hiến pháp Mỹ để xí gạt dư luận thế giới

rằng cộng sản Việt Nam công nhận "natural rights" (Tạo hóa đã phú cho con người...). Về sau cộng sản vội vàng tẩy xóa ngay luận điệu này vì thế lời mở đầu của Hiến pháp 1946 không đã động gì tới "natural rights" nữa.

Tôi không quan niệm được rằng trong hiện tình, phải để sang bên vấn đề các quyền tự nhiên của con người. Trái lại, đó là sức mạnh để chống chuyên chế, nhất là "Đảng" đã lâm vào thế bị động phải nói ngôn ngữ "quyền con người", trong Hiến pháp, trên văn bản pháp lý, trong các trường đại học. Không có "natural rights" thì trên một trăm văn bản quốc tế về nhân quyền chỉ còn là mớ giấy lộn. Ngoại trừ những nước cộng sản trước đây và ba bốn nước cộng sản còn sót lại trên thế giới hiện nay, nước nào không công nhận những quyền tự nhiên của con người (theo sự kiểm điểm của Michel Villey, một triết gia luật học của Pháp, có không dưới năm mươi cách định nghĩa luật tự nhiên)?

Theo cách nhìn thực tiễn, tôi đã khẳng định rằng tại Việt Nam đã có cơ sở pháp lý vững chắc cho "quyền đối lập" tuy rằng quyền này sau đó không được các luật minh thị quy định. Tôi đã nói rõ rằng đó là một quyền tổng hợp của các "quyền con người" mà luật thực định (droit positif, positive law) đã nêu lên nhưng không đầy đủ và Nhà nước lại ra sức gian lận để lấn chiếm đồng thời dân chúng không biết hay không dám hay không đủ sức tranh đòi để sử dụng. Tuy một sự khẳng định như vậy không thỏa mãn những luật gia thuần túy nhưng nó là mặt động của thực tại khách quan. Tinh với động, liên hệ mật thiết với nhau như âm với dương.

Có thể người đọc bài này cho rằng vừa đồng ý vừa không đồng ý với ông Dương Thành Lợi, tôi mâu thuẫn với chính tôi cũng như với ông Lợi. Thật ra theo tôi giữa hai người không hẳn có mâu thuẫn theo đúng nghĩa của danh từ. Chẳng qua là ông Dương Thành Lợi chưa chịu đẩy tới cùng lý luận của ông mà thôi. Trong bài viết của ông (đã dẫn ở trên) ông nói: "*Để thực hiện ý muốn (dân tộc Việt Nam được phát biểu chính kiến và chọn lựa thành phần lãnh đạo tương xứng) những người yêu nước và có tinh thần cách mạng phải lao đầu vào chính trường và chấp nhận hy sinh để "đối lập" với Đảng CSVN bất chấp luật pháp của đối phương. Đảng CSVN kiểm soát được chính trường Việt Nam cho nên có thể thao túng được luật pháp. Người Quốc gia khó có thể dùng luật pháp hiện nay của của Đảng CSVN để thay đổi chế độ CHXHCNVN...*". Rõ ràng ông Dương Thành Lợi cũng đi cùng chiều với tôi để tìm những thái độ cần phải có. Duy có điều là đứng về mặt lý thuyết ông cho rằng "khó" thay đổi (khó tới đâu, có thành một định mệnh đã an bài không?). Còn tôi, nhìn một cách thực tiễn, tôi nghĩ rằng có khả năng làm thay đổi vì thái độ thực tiễn chính là cách nhìn sự việc với "tinh thần cách mạng" mà ông Dương Thành Lợi đòi hỏi. Có lẽ sớm hay muộn ông cũng thống nhất được với tôi cách nhìn những quyền hạn của người dân trong nước: Tôi sợ rằng những người chống chuyên chế sẽ không có phép lạ, ngoại viện hay lòng tự nguyện của "Đảng" để cải thiện các quyền hạn ấy. Trước mắt, chỉ còn một con đường độc nhất, đó là con đường thực tiễn diễn biến hòa bình. Trừ phi có ai tạo ra được diễn biến không hòa bình - nói cách khác, không bằng tinh thần cách mạng mà bằng hành động cách mạng. Điều này, trong hiện tình, ở ngoài hiểu biết của tôi.

Trần Thanh Hiệp

Ngày nhân quyền và dân chủ

Võ Xuân Minh

Chính quyền cộng sản Việt Nam đang mở một chiến dịch qui mô để ve vãn cộng đồng người Việt hải ngoại đồng thời họ cũng mở một chiến dịch đàn áp, khủng bố chính trị tàn bạo trong nước. Để trả lời thái độ xác xược và xảo trá của chính quyền cộng sản Việt Nam cũng như để chứng tỏ rằng lương tâm và trí tuệ Việt Nam vẫn còn, các tổ chức Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt, Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ (PTTNDT&XDDC), Trung Tâm Việt Nam về Nhân Quyền, Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Việt Nam và Thông Luận đã tổ chức một ngày Dân Chủ và Nhân Quyền, ngày chủ nhật 16-4-1995, từ 15 giờ đến 18 giờ 30, tại Maison des Mines, 270 rue Saint Jacques, Paris 5. Đặc biệt là có sự hiện diện của bà Trần Thị Thúc, phu nhân của giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Mặc dầu tổ chức vào ngày cuối tuần của lễ Phục sinh, số người tham dự đã lên tới 172 người.

Ông Nguyễn Gia Kiểng, chủ tịch hội Vietnam Libertés - Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt - và là thành viên nhóm Thông Luận, dẫn nhập buổi hội thảo. Trước hết ông phân tích tình hình Việt Nam và tố cáo chính sách độc tài, độc đoán của chế độ cộng sản. Theo ông, đảng cộng sản đã làm cho Việt Nam trở thành một trong những quốc gia chậm tiến nhất tại Đông Nam Á và trên thế giới. Nhưng không phải chỉ có vậy, Đảng cộng sản còn nhân danh công lao của họ để đòi giữ độc quyền chính trị và bắt dân tộc Việt Nam phải chịu đựng những thí nghiệm mới. Đó là xây dựng một chế độ độc tài toàn trị và làm kinh tế thị trường theo định hướng Mác Lênin. Bằng súng đạn, bằng các nhà tù và các đội hành quyết, họ bắt mọi người phải chấp nhận, và nạn nhân chính của chính sách thô bạo này là những con người đáng quý nhất của đất nước, những con người tiêu biểu cho đạo đức, cho lòng dũng cảm, sự sáng suốt của người Việt Nam. Ông Kiểng lên tiếng báo động là quốc gia Việt Nam có thể tan vỡ như nhiều quốc gia đã và đang tan vỡ trong hỗn loạn vì đã mất đồng thuận dân tộc, vì ý niệm quốc gia sụp đổ, mà nguyên nhân chính là vì chủ quyền quốc gia bị lạm dụng. Các tập đoàn độc tài định nghĩa chủ quyền quốc gia như một biên giới quy định một vùng trong đó họ có toàn quyền tự tung tự tác, bất chấp các giá trị dân chủ và nhân quyền. Ông kết luận là chúng ta đang đứng trước nguy cơ mất nước, và ở vào thời điểm này đấu tranh cho tự do dân chủ và nhân quyền chính là đấu tranh giữ nước.

Người phát biểu kế tiếp là bà Trần Thị Thúc, phu nhân của giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Bà Thúc đã dẫn thân tranh đấu từ lúc còn là sinh viên, trong Phong Trào Sinh Viên Phật Tử, rồi trong Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn. Bà cũng là một giáo sư đại học và cũng bị chính quyền cộng sản cầm tù hai năm để làm áp lực trên giáo sư Hoạt, nhưng bà đã không nao núng, vẫn khuyến khích chồng tiếp tục con đường chồng đã chọn. Ngoài sự dũng cảm, bà còn là một người vợ đảm đang, một bà mẹ gương mẫu. Với giọng nói ôn tồn, nhỏ nhẹ và đầy xúc cảm, bà trình bày quá trình tranh đấu của giáo sư Hoạt. Bà cho biết sau khi miền Nam Việt Nam bị cưỡng chiếm, lương tri của một công dân và của một trí thức đã không cho phép giáo sư Hoạt thụ động, vì thế ông đã bị bắt vào năm 1976 và chỉ được thả ra 12 năm sau. Nhưng ngay sau khi được thả ra, ông lại hoạt động để tranh đấu cho tự do dân chủ, và

lại bị bắt cùng với những chí hữu của ông vào tháng 11-1990. Bà lên án chính quyền cộng sản đã vi phạm trắng trợn những quyền căn bản của con người. Họ không những vi phạm trầm trọng nhiều điều trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền mà còn vi phạm chính luật pháp và hiến pháp của họ. Bà kể lại những cảnh tù đầy nghiệt ngã mà chồng bà cũng như hàng ngàn tù nhân lương tâm khác đã và đang phải chịu đựng. Bà cũng cho biết rằng trước sự dày dạn đó, giáo sư Hoạt luôn giữ vững tinh thần, tin tưởng vào lý tưởng mà ông theo đuổi và không ngừng tranh đấu. Với một giọng nói đầy cảm động, bà trích lời nhắn gửi của giáo sư Hoạt đến các chí hữu và đồng bào hải ngoại: *"Trong suốt dòng lịch sử của nước ta, biết bao anh hùng liệt sĩ đã đem đời mình để bảo vệ bờ cõi và chủ quyền dân tộc, ngày hôm nay vấn đề của chúng ta là dân chủ hóa, chúng ta phải chấp nhận mọi cố gắng, mọi hy sinh để đất nước có dân chủ"*. Riêng bà, sau hai mươi năm đã dang hiến tuổi thanh xuân cho lý tưởng của chồng, bà nguyện noi gương chồng, không khuất phục trước bạo lực và vượt mọi gian nan để dân tộc Việt Nam sớm được tự do, dân chủ và nhân quyền. Cuối cùng bà xin thay mặt giáo sư Hoạt để cảm ơn tất cả những vị đã tích cực hỗ trợ ông trong công cuộc đấu tranh chung, và bà kêu gọi mọi người hãy tiếp tục tranh đấu trong tinh thần ôn hòa bất bạo động.

Diễn giả tiếp theo là ông Nguyễn Văn Trần, đại diện tại Pháp của PTTNDT&XDDC do ông Nguyễn Đình Huy làm chủ tịch và đang bị đàn áp một cách thô bạo ở Việt Nam. Ông Trần trình bày quá trình hoạt động của Phong Trào và nhắc lại dư luận đối với Phong Trào khi ra mắt chính thức tại hải ngoại. Về các dư luận chống đối Phong Trào, ông Trần cho rằng bài viết "Thái độ phải có trước một thủ đoạn ma giáo" của ông Nguyễn Gia Kiểng, đăng trên báo Thông Luận số tháng 1-94, đã trả lời đầy đủ. Kế đến ông lược thuật diễn biến vụ nhà cầm quyền cộng sản đàn áp Phong Trào. Theo ông Trần, nhà cầm quyền cộng sản đã đầu độc những người lãnh đạo phong trào, gây tử vong cho ông Phạm Văn Quảng. Hiện tại có 9 người trong Phong Trào bị bắt: các ông Nguyễn Đình Huy, Phạm Tường, Bùi Kim Đính, Nguyễn Tấn Trí, Trần Quang Liêm bị bắt hồi tháng 11-1993, các ông Phạm Thái, Đồng Tuy, Nguyễn Văn Châu và Nguyễn Văn Biên vừa mới bị bắt hồi tháng 2 vừa qua. Ông Trần nhấn mạnh rằng Phong Trào không có tham vọng đem đến một giải pháp cuối cùng cho Việt Nam, mà chỉ muốn chung sức dương lên ngọn cờ dân chủ trong "xã hội một màu". Chủ trương của Phong Trào là đấu tranh trực diện với nhà cầm quyền cộng sản bằng phương thức bất bạo động, buộc chính quyền cộng sản tôn trọng chính luật pháp của họ và luật pháp quốc tế về quyền con người mà họ đã long trọng cam kết tôn trọng khi gia nhập Liên Hiệp Quốc.

Bà Quỳnh Dao, phu nhân của ông Huỳnh Hùng, chủ tịch Câu Lạc Bộ Nghiên cứu Việt Nam và là một thành viên của Thông Luận, trình bày một đề tài liên quan đến Phật giáo. Bà nhắc đến bản *"Nhận định về những sai lầm tai hại của đảng cộng sản Việt Nam đối với dân tộc và Phật Giáo Việt Nam"* của Hòa Thượng Quảng Độ gửi cho ông Đỗ Mười vào tháng 8-1994 để nói lên sự tàn ác, bất nhân của đảng cộng sản và đi đến kết luận là đảng cộng

sản sẽ bị đào thải vì "cái gì không đáp ứng với nhu cầu của con người thì sẽ tự hủy diệt". Bà Quỳnh Dao cho rằng việc bắt giam các Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ cũng như việc Bộ ngoại giao Hà Nội chính thức loan tin là Hòa Thượng Quảng Độ sẽ bị đem ra xét xử như một thường phạm chứ không phải như một tu sĩ Phật giáo là một thách đố đối với cộng đồng quốc tế nói chung và người Việt hải ngoại nói riêng. Theo bà, kinh tế thị trường sẽ làm cho đảng cộng sản khốn đốn, và bà yêu cầu những người yêu chuộng tự do dân chủ phải đòi hỏi các chính phủ trợ giúp cho Việt Nam, các nhà đầu tư, người Việt hải ngoại về nước làm ăn phải có thái độ không đồng lõa với độc tài, không bảo chúng cho chế độ.

Diễn giả kế tiếp là bà Lê Thị Mỹ Duyên, đã thay mặt chồng là ông Nguyễn Quốc Nam, phó chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, Liên khu bộ Âu châu, hiện đang bận họp tại Bruxelles (Bỉ). Bà Mỹ Duyên cho rằng đây là một buổi hội thảo đầy ý nghĩa vì đây là lần đầu tiên PTTNDT&XDDC chính thức có mặt trước cộng đồng người Việt tại Paris và đây cũng là lần đầu có sự hiện diện của bà Đoàn Viết Hoạt, và bà bày tỏ lòng ngưỡng mộ của bà đối với bà Trần Thị Thúc và giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Bà Mỹ Duyên nói tiếp rằng Liên Minh Dân Chủ quyết tâm yểm trợ cho tất cả những người đã và đang cống hiến cuộc đời, sự nghiệp của mình cho công cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam.

Sau đó là bài phát biểu của bà Từ Ngọc Anh, một luật gia trẻ và là thủ quỹ của Trung Tâm Việt Nam về Nhân Quyền mà chủ tịch là luật sư Trần Thanh Hiệp. Bà Ngọc Anh nhận định rằng trong lúc nhân quyền trên thế giới cải tiến không ngừng thì tại Việt Nam người dân đang sống dưới một chế độ toàn trị của các thời phong kiến, phát xít. Vì thế khi nói đến nhân quyền tại Việt Nam là phải nói đến những cuộc đàn áp khốc liệt, phải nói đến những người trí thức đã phải chịu tù đày vì tranh đấu cho nhân quyền, tự do, dân chủ như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, như các Đại Đức Tuệ Sĩ, Trí Siêu, các Hòa Thượng Huyền Quang, Quảng Độ; và nhất là phải nói tới những người dân bình thường đã can đảm đứng lên đối đầu với bạo quyền để bảo vệ nhân quyền như bà Trần Thị Thúc. Tới đây, bà Ngọc Anh hướng về phía bà Thúc tỏ bày lòng cảm phục đối với bà. Để kết luận, sau khi nói sơ qua về hoạt động của Trung Tâm Việt Nam về Nhân Quyền, bà Ngọc Anh khẳng định rằng không thể có dân chủ nếu không có nhân quyền, vì nhân quyền gắn liền với dân chủ.

Diễn giả cuối cùng là anh Nguyễn Gia Dương, một thanh niên trẻ đã hoạt động tích cực trong Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, và hiện là chủ bút của nguyệt san Nhân Bản. Anh Dương cho rằng dân chủ là điều kiện tiên quyết để phát triển đất nước và anh bày tỏ lòng khâm phục đối với những người đang trực diện tranh đấu cho dân chủ tại Việt Nam như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế... Anh cũng không quên bày tỏ lòng cảm phục đối với những người phụ nữ Việt Nam đang âm thầm chịu đựng những gian truân đau khổ để giúp chồng thực hiện lý tưởng, mà bà Thúc là một biểu tượng. Anh nhận định thêm rằng nhiều tổ chức đối lập Việt Nam có thái độ hấp tấp, nghi kỵ và hay gán cho các tổ chức khác là đối lập cuội. Theo anh, đối lập Việt Nam cần phải tự tin hơn và phải sinh hoạt như những người dân chủ thực sự.

Qua phần thảo luận chung, các anh Lê Như Khánh, Nguyễn Phan Huy xin ông Trần cho biết thêm về PTTNDT&XDDC và vai trò của ông Stephen Young. Ông Trần cho biết là, sau khi ra

từ năm 1992, ông Nguyễn Đình Huy vận động thành lập Phong Trào với chủ trương là vừa có mặt trong nước để trực diện đấu tranh, vừa có phát ngôn viên ở hải ngoại để vận động quốc tế và vai trò của ông Stephen Young là vận động dư luận Mỹ.

Ông Bùi Tín đưa ra nhiều nhận định về tình hình Việt Nam và ông nhấn mạnh đến nhân quyền vì theo ông đó là một vấn đề rất nhức nhối cho chính quyền cộng sản hiện nay. Ông phân tích những lập luận gian trá của đảng cộng sản như dùng những xảo ngữ để che đậy tội ác và nhất là đưa ra những lập luận về chủ quyền quốc gia, về sự khác biệt về văn hóa giữa phương Đông và phương Tây để ngăn chặn những đòi hỏi nhân quyền trên thế giới. Ông Tín cho rằng chúng ta phải đánh đổ những lập luận gian trá đó. Luật sư Trần Thanh Hiệp cho rằng những lập luận đó có thể đánh đổ một cách quá dễ dàng vì nhân quyền ngày nay đã phổ biến khắp thế giới. Là một thành viên của Liên Hiệp Quốc, Việt Nam không thể nại một cách bừa bãi chủ quyền quốc gia để vi phạm nhân quyền. Theo ông, những người mắc xít, trung thành với tư tưởng của Mác đã minh nhiên chối bỏ nhân quyền nên cộng sản Việt Nam không có tư cách nói đến truyền thống nhân quyền. Ông nhấn mạnh để cuộc vận động nhân quyền được hữu hiệu, người Việt ở trong nước phải lên tiếng, vì có như vậy mới dễ dàng gây được sự chú ý của thế giới.

Lời cuốn nhất là phần trao đổi giữa cử tọa và bà Thúc. Nhiều người bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với giáo sư Đoàn Viết Hoạt cũng như mối quan tâm của họ về sức khỏe của ông Hoạt. Bà Thúc cho biết ông Hoạt đang bị sạn thận nặng, nếu vận động được hội Hồng Thập Tự Quốc Tế chăm sóc cho tất cả các tù nhân lương tâm, trong đó có chồng bà, thì là một điều rất mừng. Bà còn nói là lòng ưu ái cùng sự ủng hộ của mọi người tự nó đã là một giúp đỡ lớn lao rồi. Trả lời một nghi vấn của một số người: "Tại sao đảng cộng sản lại để cho bà xuất ngoại?". Bà Thúc nói rằng vì bản phận người mẹ bà phải xin xuất ngoại để lo cho các con. Nhờ sự can thiệp của các tổ chức nhân quyền quốc tế cũng như của những chính khách Mỹ nên bà được ra đi, nhưng bà nhấn mạnh là không phải do đặc ân của Đảng mà bà được xuất ngoại theo diện "ra đi trong vòng trật tự". Hiện nay nhiệm vụ người mẹ đã xong, bà lại tiếp tục làm nhiệm vụ người vợ là vận động cho lý tưởng của chồng. Bà nói rằng bà sẽ trở về nước để chia sẻ gian khổ với chồng.

Cảm động nhất là sự hiện diện của bà Bùi Thanh Tú cùng đứa con gái hai tuổi. Bùi Thanh Tú là vợ của anh Phạm Văn Thành, hiện đang bị giam tại trại Cẩm Thủy, Thanh Hóa. Anh Thành đã có lần bị giam chung với giáo sư Hoạt và chị Tú đã bồng con về Việt Nam, cùng bà Thúc đi thăm nuôi chồng.

Còn rất nhiều người muốn phát biểu nhưng thời giờ có hạn, ông Nguyễn Gia Kiểng đúc kết buổi hội thảo. Ông cho rằng buổi họp hôm nay đã chứng minh hùng hồn là mọi người Việt hải ngoại đều biết ơn những người tranh đấu cho tự do dân chủ và nhân quyền ở trong nước, đều nhận định là dân chủ và nhân quyền là những yếu tố tiên quyết để phát triển đất nước và cũng nhận định là phải tăng gia cường độ và mức độ đấu tranh. Ông tiếp: mọi người Việt hải ngoại cũng nhận định rằng để động viên quân chúng Việt Nam cũng như tranh thủ sự hỗ trợ của thế giới, chúng ta không những phải quyết liệt tố giác chính sách thô bạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam mà còn cần phải xuất hiện như một trào lưu dân chủ thực sự xứng đáng được hỗ trợ. Và ông Kiểng kết luận: buổi họp mặt hôm nay đã đánh dấu một quyết tâm mới và một sự trưởng thành mới của người Việt hải ngoại.

Võ Xuân Minh

Vị trí Việt Nam trong ASEAN

Diệp Tường Bảo

Việt Nam sẽ gia nhập Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào tháng 7-1995. Nói chung, đây là một điều tốt cho nước ta và phải công nhận biến cố này chứng minh một thắng lợi lớn của ngoại giao Hà Nội vì một trong những nguyên do đã đưa đến việc thành lập ASEAN vào năm 1967*, chính là nỗi lo của các sáng lập viên trước sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản tại Đông Dương. Tuy nhiên, muốn đánh giá hợp lý tầm quan trọng của sự kiện này, chúng ta cần xem xét kỹ tình trạng của tổ chức mà nước ta sắp sửa bước vào.

Những mâu thuẫn giữa các thành viên ASEAN

So với các kết hợp khu vực như Liên hiệp Âu châu (EU), Hiệp ước Giao thương Tự do Bắc Mỹ (NAFTA) hay Thị trường Chung Nam Mỹ (Mercosur), ASEAN tụ tập những quốc gia với những nền văn minh rất khác nhau. Trên bình diện này, điểm nổi bật nhất là trên một lục địa mà hồi giáo và thiên chúa giáo chỉ có mặt một cách khiêm tốn, hai đạo này là đa số trên vài nước ASEAN. Hồi giáo là niềm tin của 90% người Nam Dương (dân số 198,1 triệu), 53% người Mã Lai (19,7 triệu) và 56% người Brunei (282 ngàn) trong khi Công giáo được 80% dân Phi Luật Tân (67,9 triệu) ôm ấp. Ngược lại, ba tôn giáo sản phẩm châu Á là các đạo Phật, Khổng và Lão chỉ chiếm đa số dân chúng trên hai nước Thái Lan (95% trên 57,6 triệu người) và Tân Gia Ba (42% trên 2,8 triệu). Sự khác biệt tôn giáo giữa các thành viên ASEAN đã là một trở ngại để tổ chức có một cơ sở chặt chẽ hơn. Khi phải đối phó với các phong trào hồi giáo chủ trương ly khai bốn vùng miền nam Thái Lan, Bangkok muốn được sự cộng tác của Kuala-Lumpur nhưng Mã Lai từ chối vì không thể coi những đồng đạo như kẻ thù. Vì đạo Hồi không có ảnh hưởng lớn tại Tân Gia Ba, chính quyền hải đảo không ngại bang giao tốt đẹp với Do Thái: vào năm 1986, việc thủ tướng Lý Quang Diệu đón tiếp tổng thống Herzog, suýt làm ASEAN tan rã: Jakarta và Kuala-Lumpur cho rằng Tân Gia Ba thiếu đoàn kết với các bạn hồi giáo trong khi báo chí bàn đến việc giải thể ASEAN nhưng may sao cuộc khủng hoảng ngoại giao dần dần lắng xuống.

Biên giới là một khó khăn khác trong những quan hệ giữa các hội viên ASEAN. Nó đã phá vỡ liên tiếp hai hội tiền thân của ASEAN là Hiệp hội Đông Nam Á (ASEA) và tổ hợp Mã Lai - Phi Luật Tân - Nam Dương (Maphilindo). Vào năm 1963, khi bước vào độc lập, Liên Bang Mã Lai gồm có bán đảo Mã Lai, đảo Tân Gia Ba cùng các tiểu bang Sabah và Sarawak nằm trên phía bắc đảo Borneo**. Nhưng Phi Luật Tân lại coi Sabah thuộc vào lãnh thổ của họ và Nam Dương phủ nhận chủ quyền Mã Lai trên Sabah lẫn Sarawak. Trong cả thập niên, chính sách *konfrontasi* (xung đột) của chế độ Sukarno không những đã đưa Nam Dương đến việc viện trợ những phong trào đòi độc lập cho Sabah và Sarawak mà còn (tạm thời) rút khỏi Liên Hiệp Quốc khi Mã Lai được nhận vào! Mặt khác, sự khác biệt sắc tộc giữa Tân Gia Ba (75% dân có gốc Hoa) với các tiểu bang Mã Lai còn lại đã nhanh chóng làm hải đảo lấy quyết định tách rời liên bang hai năm sau. Dân tộc Mã Lai gồm 53% người bản xứ, 37% Hoa Kiều và 10% người gốc Ấn Độ. Những cộng đồng này khác nhau trên mọi khía cạnh, tôn giáo, địa lý và nghề nghiệp. Trong quá khứ, sự chênh lệch giàu nghèo giữa cộng đồng Hoa và cộng đồng Mã Lai đã gây nhiều cuộc xung đột đẫm máu: đầu thập niên 70, Chính sách

Kinh tế Mới (NEP) được áp dụng nhằm trao cho dân Mã Lai một trọng lượng kinh tế lớn hơn.

Điểm chốt làm cho ASEAN tới giờ chỉ là một tập hợp quyền lợi mà chưa là một cộng đồng là sự chênh lệch về kinh tế. Không tính Brunei mà hoa lợi đầu hóa làm cho Tổng Sản phẩm Nội địa (GDP) phá tất cả kỷ lục địa phương, sự khác biệt giữa một nước như Nam Dương so với Tân Gia Ba đi từ 1 đến 25. Vì thế, mức độ hợp tác kinh tế giữa các thành viên ASEAN rất giới hạn. Nó không xảy ra trên cương vị quốc gia mà chỉ được thi hành trên bình diện địa phương như hình tam giác Tân Gia Ba, tiểu bang Johore (Mã Lai) và quần đảo Riau (Nam Dương) hoặc hình bốn góc hợp bởi Brunei, các tiểu bang Mã Lai và Nam Dương của đảo Borneo và đảo Mindanao (Phi Luật Tân), vv... Những trao đổi trong ASEAN chỉ chiếm 23% tổng số thương mại của các hội viên, trong đó 63% do việc buôn bán đầu hóa. ASEAN không những không là một vùng thương mại tự do mà những hiệp ước quan thuế đặc biệt chỉ liên hệ đến 5% của thương mại trong ASEAN. Năm 1993, các hội viên đã đồng ý trên một dự án liệu chừng ASEAN sẽ trở thành một vùng trao đổi tự do trong vòng... 15 năm.

Những điểm chung

Tuy nhiên, ngược với ASEA và Maphilindo, ASEAN đã sống đến tuổi trưởng thành. Sự tồn tại này được giải thích bởi vài yếu tố. Điều thứ nhất, là dù rằng nhiều khúc mắc còn tồn đọng trong quan hệ giữa các hội viên, kinh nghiệm đã chứng minh cho các nước này rằng họ không có khả năng giải quyết chúng theo phương pháp song phương. Sau vài thập niên, Phi Luật Tân có một thái độ mềm dẻo hơn trên vấn đề Sabah, thể hiện bởi hiến pháp mới trong đó vùng này không còn được nhắc tới nữa. Nam Dương đã chấm dứt chính sách xung đột với Mã Lai từ khi Suharto thay thế Sukarno làm chủ tịch. Quan trọng hơn là mặc dù ASEAN luôn luôn tuyên bố mình không phải là một liên kết quân sự, nguyên do sống còn của nó vẫn là những đe dọa chung. Một năm sau khi Việt Nam chiếm Cao Miên, phó thủ tướng Tân Gia Ba Rajaratnam tuyên bố "các nước ASEAN đội một ơn lớn đối với Việt Nam là đã làm cho họ gần bó như chưa bao giờ có". Nhưng đồng thời việc Trung Quốc xâm lược Việt Nam vào năm 1979 để cho nước ta "một bài học" lại gây một mối lo lớn hơn cho các quốc gia ASEAN. Thủ tướng Mã Lai, Mahathir cho rằng "sự kiện này chứng tỏ Trung Quốc sẵn sàng hành động ngoài những quy phạm quốc tế". Kể từ lúc đó, Mã Lai và Nam Dương tranh thủ để ASEAN có một thái độ thông cảm hơn đối với Việt Nam. Cuối cùng chỉ cần bốn năm từ khi Việt Nam chính thức rút khỏi Cao Miên để ASEAN chấp nhận sự gia nhập của nước ta. Hiện giờ, cái gì gây chấn động tại Đông Nam Á là tham vọng địa phương của Bắc Kinh, thể hiện bởi việc Trung Quốc tăng gia ngân sách quốc phòng, tuyên bố chủ quyền trên 85% Biển Đông và gần đây, chiếm đóng hòn đảo Mischief, một đơn vị cực đông của quần đảo Trường Sa mà Phi Luật Tân coi là của họ.

Ngoài vấn đề an ninh, các sáng lập viên ASEAN chia sẻ một điểm chung khác, là họ đã lựa chọn dân chủ như thể chế chính trị. Lê dĩ nhiên, chúng ta không thể so sánh mức độ hoàn thành của các nền dân chủ này với những khuôn mẫu Phương Tây. Nhưng ít ra đối lập cũng đã hiện diện trên các quốc gia ASEAN. Sau khi

chế độ Marcos sụp đổ vào năm 1986, nền dân chủ Phi Luật Tân đã vượt qua nhiều thử thách để rồi tiếp tục sinh hoạt bình thường và Ramos đã kế vị Aquino một cách tốt đẹp. Hiện giờ, mặc dầu phải đối phó với những phong trào khủng bố hồi giáo đòi độc lập cho đảo Mindanao, Phi Luật Tân vẫn tổ chức những cuộc bầu cử tự do. Từ 1992, Thái Lan được cai trị bởi một chính phủ dân sự do thủ tướng Leekpai lãnh đạo. Lúc đầu các nhà phê bình chính trị đã có nhiều nghi vấn về khả năng tồn tại của chính phủ này nhưng ba năm sau, Leekpai chứng minh ông đã thành công trong việc tách rời chính quyền khỏi tầm tay quân đội. Nhà nước Mã Lai được tổ chức theo một khuôn mẫu duy nhất, nhưng phù hợp với phong tục của họ, đó là quân chủ lập hiến và tuyển cử. Liên Bang Mã Lai gồm 13 thành phần trong đó có 9 là vương quốc. Cứ 5 năm một lần, một trong các thống đốc được các thống đốc khác bầu làm quốc vương Mã Lai. Hành pháp trực thuộc vào thủ tướng và chức thủ tướng vào tay người lãnh đạo đảng thắng cử quốc hội. Từ 1981, tập hợp đương quyền là Mặt Trận Quốc Gia, một liên minh trong đó Tổ Chức Quốc Gia Liên Hiệp người Mã Lai (UMNO) của thủ tướng Mahathir đóng vai chính. Đối lập được đại diện qua Đảng Hành Động Dân Chủ (DAP), Đảng Hồi Giáo Mã Lai (PIM) và tổ chức Semangat 46: hai đảng chốt hiện đang liên kết để quản lý tiểu bang Kelantan trên miền bắc đông của bán đảo. Từ ngày độc lập, Nam Dương theo đuổi chủ nghĩa *Pancasila*, một triết lý chính trị bao hàm năm điều: một tín ngưỡng, tư tưởng nhân bản, lý tưởng quốc gia, chủ quyền nhân dân và công bằng xã hội. Trong quá khứ, khẩu hiệu này đủ tổng quát để biện minh những chính sách rất khác nhau. Trong suốt 15 năm, Đảng Quốc gia Nam Dương (PNI) và Đảng Cộng sản Nam Dương (PKI) chấp nhận tranh đua bầu cử nhưng sau cuộc đảo chánh 1965, chính phủ Suharto tiêu diệt người cộng sản. Hiện thời, chế độ đa đảng Nam Dương là giả tạo vì hai tổ chức đối lập, Liên hiệp cho sự Phát triển (PPP) và Đảng Dân chủ Nam Dương (PDI) chỉ là vệ tinh của tập hợp đương quyền Liên Nhóm Chức năng (Golkar). Mặc dầu chính quyền đã tuyên bố chính sách "cởi mở", tự do báo chí còn bị giới hạn rất nhiều. Đa số thành viên quốc hội được Suharto trực tiếp phong chức và... không bao giờ bầu. Tuy nhiên, đầu năm 1994, khi bầu con gái của Sukarno làm chủ tịch đảng PDI đã có dấu hiệu muốn có độc lập. Ngoài ra, bên cạnh nghiệp đoàn chính thức SPSI, những nghiệp đoàn tự do như SBSI được phép sinh hoạt dù các lãnh tụ phải chịu nhiều phiền phức. Tân Gia Ba là một cộng hòa có một chế độ chuyên quyền. Đối lập tuy được quyền tham dự những cuộc bầu cử, Đảng Hành động Nhân dân (PAP) do Lý Quang Diệu sáng lập chiếm chính quyền từ ngày độc lập. Sau khi lá thư chỉ trích chính phủ của nhà đối lập Jeyaretnam được đăng trên nguyệt san Anh *The Economist*, số in địa phương của báo này bị giảm xuống. Hai trường hợp này chứng tỏ các chính phủ Nam Dương và Tân Gia Ba khó chấp nhận những lời phê phán, ta cũng không thể nào so sánh với sự kiện các nhà đối lập Việt Nam bị kết án hàng chục năm tù chỉ vì đòi hỏi dân chủ một cách ôn hòa.

Cơ sở ASEAN

Tổ chức của ASEAN phản ảnh tinh thần thực tế và đặc tính uyển chuyển của tổ chức. Thật vậy, lời tuyên ngôn Bangkok (8-8-1967) không có tính cách của một hiệp ước, và ASEAN không có tính các pháp nhân. Các hội viên ASEAN đã khước từ những định chế siêu quốc gia để tránh việc xâm phạm đến chủ quyền của mỗi nước. Thủ tục bầu cử trong các phiên họp đã không được xác định rõ ràng. Thật ra, tất cả quyết định được lấy với tinh thần nhất trí... theo tập quán hồi giáo *Mufakat*. Cơ quan tối cao là Hội

nghị hàng năm giữa các ngoại trưởng, được triệu tập luân phiên bởi một thành viên. Hội nghị xác định chính sách tổng quát, phối trí những sinh hoạt, thiết lập những ủy hội chuyên môn và kiểm soát kết quả trong năm. Giữa hai hội nghị, Ủy ban thường trực mà chủ tọa là ngoại trưởng của nước mời và thành viên là các đại sứ, có phận sự bảo đảm sự liên tiếp. ASEAN đặc văn phòng đại diện tại các nước hội viên. Từ 1981, Văn phòng trung ương được khai trương tại Jakarta. Trên nguyên tắc, ASEAN mở cửa cho tất cả các nước Đông Nam Á nào đồng ý với cương lĩnh ghi nhận trong lời tuyên ngôn Bangkok. Thật ra, điều kiện chủ yếu nhưng bất thành văn, là sự kết nạp không đem lại cho hội thêm một nguy cơ nào cả. Vì thế mà nói cho cùng, việc Việt Nam được chấp nhận chẳng có gì là khó hiểu. Trong tình thế căng thẳng gây bởi Trung Quốc, tiềm năng quân đội Việt Nam (dù giảm rất nhiều từ khi Liên Xô sụp đổ) chắc chắn đã là một lý do để các thành viên ASEAN coi sự gia nhập của nước ta là điều hữu ích cho họ. Bắc Kinh cũng đã không làm trên ân nghĩa của sự gia nhập này và đã cảnh cáo các hội viên ASEAN không nên đoàn kết với Việt Nam trong vụ tranh chấp tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Chỗ đứng của Việt Nam trong ASEAN

Dầu có những tiến bộ từ vài năm nay, ASEAN vẫn giữ tư cách của một tổ chức chạy theo tình thế hơn là chủ động định mệnh của mình. Một ví dụ là dự án biến đổi tổ chức thành một vùng trao đổi tự do không xuất phát từ một ước vọng chung mà chỉ là một phản ứng trước sự hình thành các khối châu Âu và châu Mỹ. Ngược với EU hay NAFTA, ASEAN không có chương trình nào để nâng đỡ kinh tế của những thành viên yếu kém. Vì thế, Việt Nam không nên có những hy vọng quá đáng vào sự gia nhập vào hội. Hàng hóa Việt Nam sẽ không hưởng một quy chế quan thuế đặc biệt nào cả. Ngược lại, nó sẽ phải cạnh tranh với những sản phẩm đến từ các nước láng giềng có chất lượng cao hơn. Mã Lai, Nam Dương và Thái Lan được coi là những Nước Kỳ nghệ Mới (*New Industrial Country*), đặc tính là phần kỹ nghệ trong nền sản xuất ở trong tiến trình tăng trưởng: năm 1994, sản phẩm công nghiệp chiếm 75% hàng xuất cảng Thái Lan (6% vào 1970) trong khi dầu hỏa chỉ đem lại 30% hoa lợi của Nam Dương (80%, 10 năm trước). Khái niệm "Nước Hậu Kỳ nghệ Mới" (*New Post Industrial Country*) được áp dụng để miêu tả sự kiện Tân Gia Ba cùng các con "rồng" khác, đã đi đến giai đoạn mà công nghiệp thấp kém (đồ chơi, hàng dệt) nhường chỗ cho những kỹ thuật tân tiến (điện tử, tin học, sinh hóa học), tài chánh và dịch vụ. So với các quốc gia này, ưu điểm của nước ta chỉ là nhân công rẻ. Riêng nó, điều này không đủ để bảo đảm khả năng tranh đua của nền công nghiệp Việt Nam vì nó bị bù đắp bởi sự kiện máy móc sử dụng cổ hủ, nhân viên không đủ thiện chí (vì bị bóc lột) và thiếu kỹ năng (vì nhà nước bỏ rơi nhiệm vụ đào tạo). Nếu nước ta không có một nền kinh tế vững chắc và một xã hội lành mạnh, nó sẽ không gặt hái một lợi ích nào từ vị trí mới mà còn có khả năng bị các đồng minh mới lấn áp: một ví dụ là từ khi có chính sách "đổi mới", công nghiệp xe đạp Việt Nam đã không chịu nổi sự cạnh tranh của Tàu và đã hoàn toàn suy sụp. Muốn vận dụng chỗ đứng Việt Nam trong ASEAN, nước ta cần nhanh chóng tái thiết nền giáo dục nhằm cung cấp cho đất nước những công nhân có tay nghề, những kỹ thuật gia có tài cán, những chuyên gia có tầm vóc. Trong lúc chờ đợi một thế hệ mới được đào tạo, kỹ năng người Việt hải ngoại phải được tận dụng. Thật ra, điều này không gì là khó, đại đa số Việt Kiều chỉ chờ đợi có cơ hội để góp phần trong việc tái thiết quê hương. Tuy nhiên, chính quyền phải đáp ứng nhu cầu duy nhất của những người này là được coi như đồng

bào ruột thịt chứ không phải chỉ là những nguồn lợi hoặc những kẻ phải tuân phục nếu muốn được cộng tác. Ngoài ra, nước ta còn phải trở thành một mảnh đất hấp dẫn cho việc đầu tư ngoại quốc. Chính quyền Hà Nội có quyền hành diện với con số 400 triệu US\$ đầu tư nước ngoài cho năm vừa qua, xin nhắc lại con số này là 7 tỷ và 8 tỷ về phía Nam Dương và Mã Lai. Hạ tầng cơ sở phải được hiện đại hóa một cách đúng đắn. Điều này có nghĩa là chúng ta phải có một chính sách trang bị đất nước và đồng thời giữ gìn di sản lịch sử và thiên nhiên vì đó là những nguồn của du lịch. Đạo luật đầu tư cũng phải được cải tiến theo phương hướng giản dị hóa và dành ưu tiên cho những đầu tư tránh việc đầu cơ. Việt Nam phải khuyến khích những chương trình có một tỷ lệ trao chuyển kỹ thuật cao và tránh tối đa những dự án làm sẵn. Một xã hội thuận lợi cho việc đầu tư là một xã hội trong đó con người có thể tin nhau và tôn trọng luật pháp. Tình trạng ngân hàng Việt Nam chỉ thu hút được 5% khả năng tiết kiệm của dân chúng chứng tỏ đồng bào chưa tin tưởng Nhà nước. Tham nhũng và lường gạt phải bài trừ tận gốc nghĩa là bằng cách phục hồi những giá trị đạo đức. Vì thế, tiếng nói của các người gương mẫu như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, chẳng hạn, không những không được bị dìm xuống mà còn phải được nâng cao. Đường như một nhà kinh tế Pháp đã tóm tắt sự thành công của các con "rồng" bằng năm chữ E là *Etat, Equilibre, Equité, Education, Epargne* dịch là Nhà nước, Quân binh, Công bằng, Giáo dục, Tiết kiệm?

Về ngoại giao, vấn đề đặt cho Việt Nam không khác vấn đề nêu trên. Những hô hào đoàn kết của các chính phủ ASEAN không làm người ta quên sự thất bại của Minh ước Đông Nam Á (SEATO), một liên kết đã tự muốn là tương đương với Minh ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Từ khi SEATO tan rã, hợp tác quân sự giữa các quốc gia ASEAN không đi xa hơn việc tiểu chuẩn hóa các hệ thống vũ trang, ký những hiệp ước tay đôi về việc kiểm soát ranh giới và thỉnh thoảng tập dượt quân sự chung; tuy nhiên, vào tháng 7-1993, các hội viên ASEAN đã hưởng ứng việc thành lập một Diễn đàn Khu vực Á châu về An ninh (SARF). Thái độ các nước ASEAN không thiếu mâu thuẫn: dù rằng họ coi Hoa Kỳ như một đồng minh tất yếu, không có một nước nào dám đón nhận căn cứ Mỹ từ khi họ phải rời khỏi Phi Luật Tân. Điều mỉa mai là từ lâu Việt Nam đã đề nghị Mỹ trở lại vịnh Cam Ranh nhưng Washington không trả lời. Phải chăng là Việt Nam không đáp ứng tiêu chuẩn... ổn định? Trong tương lai gần, các đồng minh vững chắc nhất mà Việt Nam có thể gặp trong ASEAN là Nam Dương, Mã Lai và Phi Luật Tân. Nam Dương và Mã Lai đã tranh thủ mạnh mẽ cho việc củng cố các quan hệ quân sự giữa các thành viên ASEAN; họ đã là hai luật sư biện hộ tích cực để Việt Nam trở thành hội viên ASEAN. Phi Luật Tân chia sẻ với Việt Nam nỗi lo trước tham vọng Bắc Kinh trên Biển Đông. Ngoại giao Phi Luật Tân một phần nào đã chứng tỏ mức độ tự do của nó đối với Trung Quốc khi đón tiếp tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy vào năm 1994. Ngược lại, thái độ của Thái Lan trong vùng không có gì là minh bạch: trong quá khứ, nước này đã viện cớ sự bành trướng cộng sản Việt Nam để cùng với Trung Quốc, giúp phá diệt chủng Pol Pot, nhưng từ khi Việt Nam rút khỏi Cao Miên, Bangkok vẫn chưa dứt khoát với tập đoàn Khờ Me đỏ. Nói cho cùng, ưu thế duy nhất Việt Nam có thể rút được sau khi gia nhập ASEAN chỉ là được hưởng một diễn đàn lớn hơn. Trong một vùng mà trọng lượng tiếng nói của một quốc gia được gắn liền với tiềm năng quân sự, việc tái thiết lực lượng quân đội Việt Nam là điều tất yếu. Thứ nhất, quân đội phải được phục hồi trong nhiệm vụ duy nhất là bảo vệ tổ quốc. Mục tiêu này đòi hỏi ngân sách quốc phòng phải phù hợp với nhu cầu vì tình trạng quân đội

đi buôn để bù đắp những thiếu thốn tạo một nguy cơ cho ổn định xã hội. Để đạt tới mục tiêu này và đồng thời tái lập hiệu lực của quân đội Việt Nam, số quân phải được giảm xuống và vũ trang phải hiện đại hóa. Nhưng điều quan trọng hơn là chính quyền phải có hậu thuẫn của nhân dân để có tiếng nói được kính nể. Vì thế, việc kết hợp dân tộc bằng đường lối hòa hợp hòa giải là điều không có không được.

Nếu Việt Nam thành công trong việc cải tiến xã hội một cách sâu đậm, nước ta có triển vọng trở thành một hội viên ASEAN ưu tú. Một mảnh đất không thiếu tài nguyên cộng với sự kết hợp giữa một dân tộc cần mẫn với một cộng đồng hải ngoại có kỹ năng cao sẽ cho phép nước ta trở thành một quốc gia không thua kém những thành viên ASEAN khác. Vào lúc đó, chúng ta sẽ là một tiếng nói được trọng nể để đóng một vai trò chủ động trong việc hoàn tất tổ chức ASEAN. Trên bình diện địa chính, một chế độ được dựa vào sự đoàn kết của dân tộc và một quân đội hiện đại, sẽ có một ảnh hưởng đáng kể trên các vấn đề an ninh địa phương. Tiếng nói Việt Nam sẽ có trọng lượng để thúc đẩy việc các thành viên ASEAN hợp tác quân sự chặt chẽ hơn. Với những quân đội mà mức độ vận động trên các biên giới nội ASEAN được giảm xuống và tác động được phối trí một cách hợp lý, khả năng tự vệ của ASEAN sẽ được tăng gấp bội. Như thế, các nước Đông Nam Á mới có hy vọng thoát khỏi nhu cầu hiện diện của Hoa Kỳ, luôn luôn bấp bênh vì tùy thuộc chính trị nội bộ. Việt Nam sẽ tranh thủ để các quốc gia ASEAN có một lập trường thống nhất trên các vấn đề hải phận tại Biển Đông nhằm tạo một thế đứng vững chắc đối với Trung Quốc. Đây là một điều cần thiết vì trên lãnh vực này, đã có sự đồng thuận giữa Bắc Kinh và Đài Bắc, thể hiện bởi hiệp ước được ký vào cuối 1994 nhằm đi tới việc hai nước khai thác chung Biển Đông. Việt Nam không thiếu ưu điểm để thực hiện những công việc to lớn nhưng tất yếu nói trên. Không kể đến những đặc tính và những tài nguyên của Việt Nam, còn hai thuận lợi khác cần được nhắc tới. Một là mặc dù dân tộc Việt Nam tập hợp rất nhiều sắc tộc, chúng ta không phải đối phó với những vấn đề trầm trọng như các quốc gia ASEAN khác. Hai là địa dư của Việt Nam trong vùng Đông Nam Á: nước ta sẽ là quốc gia ASEAN duy nhất có chân trên lục địa và đồng thời mở ra Thái Bình Dương, Biển Đông và Biển Nam. Đây là một ưu thế chính để Việt Nam trở thành trục giao thông và có một vai trò quan trọng trong thế thăng bằng khu vực.

Nghĩ lại, sự kiện ASEAN là một tổ chức chưa được hoàn thành với những quan hệ giữa các thành viên còn lỏng lẻo, đã là một điều may mắn cho Việt Nam. Nó đã cho phép nước ta gia nhập ASEAN tương đối một cách dễ dàng. Nó cũng sẽ cho Việt Nam một khoảng thời gian để giảm bớt sự thua kém đối với các quốc gia ASEAN khác. Muốn có một chỗ đứng xứng đáng, Việt Nam cần hiện đại hóa hạ tầng cơ sở, cải tiến nhà nước, đào tạo dân tộc và lãnh mạnh hóa xã hội. Hòa giải hòa hợp dân tộc để rồi thực thi dân chủ đa nguyên không những là một phương pháp phù hợp mà còn là con đường duy nhất để đạt tới mục tiêu đó.

Diệp Tường Bào

* Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba, Thái Lan là sáng lập viên; Brunei gia nhập vào 1984 sau độc lập.

** Đảo Borneo chia làm hai phần: miền bắc dưới chủ quyền Mã Lai gồm có vùng Sabah và Sarawak trong khi miền nam, gọi là Kalimantan thuộc lãnh thổ Nam Dương.

Nói chuyện với nhà thơ Lê Đạt

Thụy Khuê thực hiện

Lần đầu tiên một nhân chứng cột trụ của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm lên tiếng: Nhà thơ Lê Đạt.

Lê Đạt cùng với Hoàng Cầm và Trần Dần là ba nhà thơ đi tiên phong, hoạt động trong quân đội từ 1955, và chủ trương các tờ "Nhân Văn" và "Giai Phẩm", trong thời kỳ sôi động nhất của phong trào.

Nhà thơ Lê Đạt sinh năm 1929 tại Yên Bái. Tác phẩm đầu tiên là tập thơ "Thế giới này là của chúng ta" xuất bản tháng 2-1955. Tập thơ thứ nhì tựa đề "Bài thơ trên ghế đá". Ngay từ đầu năm 1955, trong quân đội, Lê Đạt cùng với Trần Dần, Hoàng Cầm và Tử Pháp đã là những người tiên phong trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm; một mặt lên tiếng phê bình tập thơ "Việt Bắc" của Tố Hữu, một mặt đòi hỏi: trả quyền lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ, bãi bỏ chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội, bãi bỏ mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ quân đội, thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc Hội văn nghệ không qua Cục tuyên huấn và Tổng cục chính trị.

Lê Đạt cùng Hoàng Cầm và Trần Dần là những thành viên đặc lực của phong trào hoạt động ở Hội nhà văn và trong ban chủ trương các tờ "Nhân Văn" và "Giai Phẩm". Mùa xuân năm 1958, phong trào bị dập tắt. Nhưng ảnh hưởng và hệ quả đối với đời sống văn hóa và chính trị ở Việt Nam vẫn còn kéo dài đến ngày nay.

Năm 1994, Lê Đạt cho ra đời hai tác phẩm: tập truyện ngắn Hên đại nhân", một tự truyện về nhân cách của người nghệ sĩ, và tập thơ "Bóng chữ", rất hiện đại trong sự đổi mới cấu trúc hình thức thi ca.

*

"Tuổi tôi là tuổi rồng rắn cho nên bao giờ tôi cũng ưa cái nguyên lý bỗ sung hơn là nguyên lý loại trừ. Cha tôi quê ở Á Lữ, Bắc Giang. Mẹ tôi quê ở Đình Bảng, Bắc Ninh. Cha tôi sớm bỏ làng lên Yên Bái làm việc ở Công Ty Hóa Xa Văn Nam, mẹ tôi cũng bỏ làng lên Yên Bái buôn. Cha tôi mãi đi theo những con tàu, mẹ tôi thì mãi làm giàu. Tôi lớn lên như một đứa bé đơn độc, lấy sách làm quê, trong tình thương của chữ, sự đơn độc và tình chữ nó theo đuổi tôi suốt đời".

- **Thưa anh Lê Đạt, xin cảm ơn anh đã nhận lời mời của RFI. Thưa anh, so sánh với cái thời kỳ gọi là "đem bực công an đặt giữa tim người" mà anh đã trải qua, thì thời nay có khác nhiều không anh?**

- À, thời nay cũng khác chứ, nếu mà không khác thì làm sao mà tôi có thể nói chuyện với Thụy Khuê bây giờ được. Nếu mà bực công an còn đặt giữa trái tim người thì chắc là giữa chúng ta không thể nói chuyện được một cách thoải mái như bây giờ đâu.

- **Thưa anh hôm nay, 38 năm sau vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, theo ý anh thì bây giờ chúng ta đã có thể kể lại những gì đã xảy ra một cách rõ ràng và tường tận chưa?**

- Cái rõ ràng và cái tường tận ấy thì nó cũng rất tương đối chị Thụy Khuê ạ. Tại vì, với người này có thể là rõ ràng, với người kia có thể là chưa rõ ràng. Chúng ta tùy cấp độ đứng nhìn mà thấy là rõ ràng hay chưa rõ ràng mà thôi, theo tôi thì cũng chẳng có việc gì mà phải giấu cả.

- **Thế thì từ hai hội nghị đầu tháng 2 và đầu tháng 3 năm 1958, anh và các bạn đã phải trải qua những thời kỳ như thế nào? Theo một số tài liệu thí dụ như của ông Hoàng Văn Chí thì nói là số người bị bắt lên tới 304 người, con số ấy thật hư ra sao thưa anh?**

- Không có đâu. Tức là chỉ có một số nhỏ bị bắt thôi, chứ không có con số như thế, thế là ngoa, không đúng đâu. Tôi thấy là chỉ có anh Nguyễn Hữu Đang, chị Thụy An, anh Phan Tại, có anh Đức (nhà xuất bản Minh Đức đó), số bắt cũng không nhiều, vào khoảng độ trên dưới chục người gì đó thôi.

- **Ngoại trừ Phan Khôi và Trương Tửu, còn hai người khác không chịu đi chính huấn, hình như là như thế, và không viết bản "tự thú" là Nguyễn Hữu Đang và Thụy An. Bác Nguyễn Hữu Đang thì đã được anh Phùng Quán kể lại, nhắc lại nhiều, riêng về nữ sĩ Thụy An thì chưa có ai nhắc đến, và anh rất thân thiết với nữ sĩ Thụy An trong thời kỳ đó. Xin anh kể lại trường hợp của nữ sĩ Thụy An.**

- Vâng. Tôi phải cải chính chữ "tự thú" của chị. Tôi có thể nói thế này, lúc bấy giờ thì Nguyễn Hữu Đang và ông Phan Khôi không đi dự cái lớp mà người ta gọi là đấu tranh ở Thái Hà và chị Thụy An cũng không dự. Chỉ một số anh em văn nghệ sĩ dự lớp Thái Hà ấy thôi, và chúng tôi vẫn dùng cái chữ thông thường là

"kiểm điểm những sai lầm của mình". Tôi sợ cái chữ "tự thú" có lẽ nó hơi nặng quá chăng?

- **Thưa anh, cái chữ "tự thú" này ở trong bản tài liệu của nhà xuất bản Sự Thật, tựa đề "Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận".**

- À, thế à! Tôi không biết cái chữ ấy, mà nếu mà họ in thế thì, theo tôi, cũng là cái chữ bất lịch sự. Lúc bấy giờ người ta quen kiểm điểm, tức là mình có sai lầm gì thì mình kiểm điểm. Công việc của chúng tôi hơi đặc biệt, phải kiểm điểm những cái đặc biệt là vì qua một cuộc đấu tranh mạnh mẽ và có những áp lực, nó rất mạnh mẽ thôi. Đúng theo con mắt bây giờ. Có lẽ cái người mà in cuốn sách đó chắc cũng không dám dùng chữ ấy đâu. Bây giờ tôi nói về chị Thụy An.

Chị Thụy An, như chị biết, là một nhà văn nữ lão thành của Việt Nam. Chị ấy đã từng làm chủ nhiệm tờ báo Dân Bà Mới ở Sài Gòn, và sau này thì làm chủ nhiệm tờ báo Dân Bà ở Hà Nội, và chị là một trong những cây bút nữ đầu tiên viết tiểu thuyết ở Việt Nam, truyện "Một linh hồn", thời ấy cũng là một quyển tiểu thuyết nổi tiếng.

Cái quen của tôi với chị Thụy An rất đặc biệt. Chị Thụy An lúc đó là người phụ nữ gần như huyền thoại, chung quanh chị có rất nhiều chuyện mà có lẽ bây giờ chúng ta không có thì giờ để nói. Một hôm chị Thụy An đến tìm tôi, sau khi tôi in bài "Nhân câu chuyện những người tự tử" ở trên báo Nhân Văn, và rất lịch sự mời tôi đi uống nước. [Tôi phải nói với chị là lúc ấy tôi ở kháng chiến về, còn chị Thụy An lúc đó ở trong thành phố].

Tôi với chị Thụy An đi uống nước [chị Thụy An có cầm một tờ báo Nhân Văn có in bài thơ "Nhân câu chuyện những người tự tử" của tôi], chị Thụy An nói: "Trong đời hoạt động văn học lâu dài của tôi, thì tôi chưa lần nào đọc bài thơ xúc động như bài thơ này. Tôi đã định viết trả lời ngay tác giả ở những khoảng interligne, những giữa dòng đó, và tôi sẽ mang dán ở trụ sở 51 Trần Hưng Đạo, tức là ở trụ sở Hội Văn Nghệ lúc bấy giờ".

Tôi cười: "Tôi can chị thôi, chị đừng làm những chuyện thế, nó cũng chẳng đáng gì mà phải làm".

Và sau câu chuyện ấy thì chúng tôi trở thành những bạn vong niên với nhau. Lúc ấy thì tôi đã biết thế nào là một người tình rồi, nhưng chưa biết thế nào là một người bạn gái cả, và sự từng trải,

sự tận tâm của chị Thụy An đã giúp đỡ tôi và người vợ bé bỏng tội nghiệp của tôi rất nhiều trong những ngày tháng đầy âm thanh và cuồng nộ của những năm 50. Sau này, chị Thụy An bị đi cải tạo. Khi đi cải tạo về, chị có nhắn tôi: "Có lẽ chúng ta không nên gặp nhau nữa", và tôi có viết ra một giai đoạn về chị Thụy An. Tôi xin phép được đọc để chị nghe.

"Sau này một người bạn của chị đã nói với tôi rằng khi vào ở miền Nam, hầu như thường nhật, sớm chị đi lễ nhà thờ và chiều đi lễ chùa, cố quên đi một quá khứ. Một người từng trải như chị lại không hiểu rằng người ta khó quên quá khứ, và tìm quên nhiều khi chỉ là chuyển nó sang một cõi nhớ khác, có thể còn xót xa hơn. Chị cũng chẳng lạ gì tình nết người bạn nhỏ tuổi của chị. Lê Đạt là một kẻ rắn mặt. Tôi thấy cần nhắc thì cứ nhắc, và tôi tin rằng cuối cùng ở thế giới bên kia chị cũng sẽ thể tất cho tôi như nhiều lần chị đã thể tất cho tôi ở thế giới bên này, phải không Thụy An?".

- Thưa anh, về trường hợp chị Thụy An thì có nhiều tin đồn là chị bị giam trong Hỏa Lò, Hà Nội, điều đó có đúng không?

- Lúc đầu thì chị ấy bị giam ở Hỏa Lò Hà Nội, nhưng sau đó thì chị cũng như rất nhiều người, bị đi nhiều trại ở nhiều nơi trên đất nước chứ không phải chỉ ở một trại Hỏa Lò.

- Vắng thế lại còn có một tin, cũng đăng trên báo chí, là chị Thụy An tự chọc mù một mắt, điều đó có đúng không?

- Tôi cũng nghe cái tin ấy thôi. Khi chị Thụy An ra rồi thì chị tránh gặp tôi, vì chị nói như thế thành tôi cũng không gặp lại chị ấy. Tôi cũng không xác minh được câu chuyện đó là đúng hay sai như thế nào, nhưng tôi cũng có nghe tin đồn như thế.

- Thưa anh, thế còn riêng về trường hợp của anh, thì anh đã trải qua những thời kỳ như thế nào?

- Chị Thụy Khuê này, tôi đã trải qua những cái năm tháng rất gay go của cuộc đời. Trong gần 10 năm trời tôi đã đi lao động cải tạo ở trên rất nhiều vùng của đất nước: Chí Linh, Vùng Mỏ, công trường làm khu gang thép, ở vùng khai hoang, gần Sơn La. Lúc đó thì tôi còn trẻ, còn khỏe, cho nên lao động không phải vấn đề gì đáng sợ lắm. Lúc ấy một mình, tôi còn đủ sức chăn nuôi 30 con bò cơ mà, và tôi có làm câu thơ rằng: "Ba mươi tuổi, ba mươi con bò, ngu không số dư".

Về cái lao động chân tay ấy thì, theo tôi, nó chẳng vất vả gì đến ghê sợ lắm. Nhưng cái gay go nhất là cái khổ tinh thần, tức là thế này: một hôm, từ đêm hôm trước đến sáng hôm sau, mình bỗng trở thành một người phản động, và tất cả mọi người, bạn bè, gặp mình đều lánh tránh rất xa cả. Tức là mình mang theo mình cái sa mạc và một sự đơn độc rất lớn. Tôi đã có viết một câu thơ như thế này: "Để khỏi phiền hà kỷ niệm, tôi đổi vĩa hè phấn đấu thành người mất tích". Chung quanh mình mọi người đều lánh tránh tất cả, mình trở nên như là một thứ hủ ở trong xã hội. Trong nhật ký thơ lúc đó, tôi cũng có một câu thơ như thế này: "Tôi mơ một giấc mơ đáng sợ, đường phố cả khu nhà tôi ở, biến viết đề chữ đỏ: không phận sự miền vào". Ở trong xã hội thì tất cả đều có phận sự, một người phản động thì chẳng có phận sự gì cả, không có chỗ nào mình có thể vào được cả, như thế tức là mình mang một cái sa mạc luôn luôn đi theo mình. Tôi cho cái đó là gay gắt nhất của những người hoạt động Nhân Văn Giai Phẩm trong thời kỳ đó, tức là mang một sự đơn độc rất lớn và là một người cô đơn ở giữa xã hội.

- Thưa anh, về sự đơn độc như anh vừa nói thế thì nó kéo dài trong suốt thời kỳ sau khi anh đi cải tạo trở về bao nhiêu năm, hay cho tới bây giờ?

- Kéo dài trong suốt 30 năm chị ạ. Dĩ nhiên, bao giờ cũng có những người tốt đối với mình, nhưng nói chung là một sự đơn độc

ghê gớm. Chữ ở Pháp người ta gọi là "đi qua sa mạc" đó, chắc là còn quá nhỏ so với sự đơn độc của chúng tôi lúc bấy giờ. Nó kéo dài trong 30 năm. 30 năm không là gì đối với lịch sử cả, nhưng 30 năm là rất dài đối với một cuộc đời, chị Thụy Khuê ạ.

- Thưa anh, bây giờ anh có mong muốn quyền được phục hồi chính thức về những sự bôi nhọ cá nhân và xuyên tạc tác phẩm trong suốt thời gian 30 năm qua không?

- Điều này thì báo Phụ Nữ TP/HCM cũng đã phỏng vấn rồi, tôi xin đọc để trả lời chị: "Ông nghĩ thế nào về sự nói xấu, ông có cảm giác rằng lúc nào đó, và ở đâu đó, có người đã nói xấu mình?". Thì tôi trả lời như thế này: "Một người làm thơ trầm luân như tôi hẳn phải đi qua nhiều hành lang của sự nói xấu, thậm chí mặt sát nơi trần gian, nhưng nên quên chúng đi, bấu gì những lời nói xấu mà để bụng cho nó một cơ quan tiêu hóa, nhiều khi quyền không trả lời cũng quan trọng chẳng kém gì quyền trả lời". "Tiếng mạ lị rào rào, đá ném theo chân, thơ chưa một lần rấp tâm bản nguyện rửa, lời chửi thề e ô nhiễm chữ mẹ cha".

- Thưa anh, trong hoàn cảnh như thế thì anh viết ở trong điều kiện như thế nào, tác phẩm "Hèn đại nhân" và tập thơ "Bóng chữ" được hoàn thành trong hoàn cảnh như thế nào?

- Tập thơ "Bóng chữ" là tôi viết trong 30 năm bị treo bút và bị đi lao động ấy. Không lúc nào tôi không viết cả. Phục hồi lại chỉ là biện pháp hành chính thôi. Còn nhà thơ nào chờ đợi phục hồi mới viết ấy thì nhà thơ vụt đi. Ở trong "Bóng chữ" có nhiều bài tôi viết ngay trong khi tôi đi lao động đấy chứ. Thứ hai là "Mấy cái ông già núi" đó là tôi viết khi đi khai hoang ở trên gần Sơn La. Tức là trong 30 năm ấy, không có lúc nào tôi ngừng lao động và tôi ngừng viết cả.

Còn tập "Hèn đại nhân", thì sau này khi tôi đã về Hà Nội, có điều kiện hơn, tôi mới bắt đầu viết. Tôi cũng xin đọc lại lời tôi đã trả lời báo Phụ Nữ TP/HCM để chị rõ. Hỏi: "Mọi người vui mừng vì sự trở về của ông, sau nhiều năm vắng bóng trên văn đàn. Từ ấy tới nay ông sống bằng gì, điều kiện thế nào, ở đâu?". Trả lời: "Sau 1957, tôi chủ yếu sống bằng dịch sách, dịch đủ thứ: văn học, triết học, xã hội học, trật tự động học.

Thời cơ chế thị trường những năm trước đây tôi mở một cửa hàng Lê Đạt thật sự. Bài thơ "Cửa hàng Lê Đạt" khai trương cách đây 30 năm nhưng bị đóng cửa khi đương in. Và cửa hàng bấy giờ bán bóng băng và giấy vệ sinh thì tôi có một câu thơ thế này: "Tuổi sạch phục hồi, bán giấy vệ sinh". Hơn 30 năm nay tôi không ngừng viết, khi thì ở nơi lao động khi thì ở nhà. Lê dĩ nhiên trong hoàn cảnh khó khăn hơn so với một nhà văn suông sẽ. Về tập truyện ngắn "Hèn đại nhân", hầu hết những truyện ngắn đều tập trung nói đến nhân cách người nghệ sĩ. Theo tôi, đó là một vấn đề hết sức nóng hổi trong một cơ chế thị trường thường xuyên có nguy cơ biến nhân cách thành hàng hóa.

- Trước khi chấm dứt buổi nói chuyện thì xin anh tự ý phát biểu một cái điều gì mà em chưa hỏi.

- Tôi xin phát biểu một điều như thế này. Nhân Văn Giai Phẩm ấy là một cố gắng nghiêm túc đầu tiên để đối thoại với nhà nước, tôi là người suốt đời mong đối thoại. Rất tiếc là cuộc đối thoại lần đầu ấy đã chấm dứt một cách bi kịch. Nhưng mà đến bây giờ, tôi vẫn là người lạc quan ngoan cố, và tôi vẫn tiếp tục đối thoại với tất cả mọi người có thiện chí. Và suốt đời tôi là người làm thơ. Người làm thơ nói bằng ngôn ngữ của sự im lặng, có lẽ vì quý chị và quý thánh giá của đài RFI, cho nên tôi đã vi phạm cái ngôn ngữ ấy, tức là nói cũng hơi nhiều. Chắc là chị có thể thể tất cho tôi được chứ?

Thụy Khuê thực hiện

Phe bảo thủ, giáo điều bị chống đối ngay từ trung ương ĐCSVN

Lời giới thiệu

Mâu thuẫn giữa phe bảo thủ, giáo điều đang cầm quyền ở trong đảng với phe ôn hòa, tiêu biểu qua một số đảng viên thức thời đã trở thành đối kháng trong Hội Nghị Trung Ương lần thứ VIII của ĐCSVN. Một vấn đề cơ bản đã được hai phe bàn cãi kịch liệt trong phiên họp từ ngày 16 đến 23-1-1995 là về "nguyên lý chuyên chính vô sản". Phe giáo điều chủ trương tiếp tục giữ trong khi phe ôn hòa không tán thành, cho rằng "đưa vấn đề chuyên chính vô sản ra lúc này là có hại cả về đối nội lẫn đối ngoại". Lần đầu tiên phe giáo điều không chiếm được đa số mặc dầu còn đang nắm giữ các then chốt quyền lực. Kết quả là vấn đề này bị gác lại để giao cho bộ chính trị giải quyết. Ở bộ chính trị thì có tranh chấp bàn công khai giữa ông Nguyễn Đức Bình, người nổi tiếng thiên cận, giáo điều, hiện là hiệu trưởng Trường Chính Trị Quốc Gia (tên mới của trường Nguyễn Ái Quốc) với ông Vũ Oanh, trách nhiệm công tác dân vận. Ông Oanh phê phán tập sách mới xuất bản của ông Bình (vào tháng 9-1994 với đề tựa "Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng và bức thiết") là có nội dung "cực tả", đi ngược lại nghị quyết đại hội VII của ĐCSVN. Bức thư phê phán của ông Oanh được hai cố vấn Phạm Văn Đồng và Võ Chí Công tán thành trong khi ông Bình trả lời là quan điểm của ông ta đã được các ông Đào Duy Tùng, Đỗ Mười và Lê Đức Anh đồng ý.

Nguyên do hay đúng hơn "chất xúc tác" của sự tranh chấp nói trên là một số thư, bài phát biểu của các đảng viên thức thời. Các tài liệu đó đã "bị" hay "được" lộ ra ngoài đảng và được truyền tay đọc ở trong nước. Vào giữa tháng ba vừa qua chúng tôi đã nhận được ba tài liệu: bài phát biểu đề ngày 20-12-1994 của ông Ngô Thúc, một cán bộ cao cấp tại hội nghị về "Cải cách một bước nền hành chính Nhà Nước"; thư viết vào tháng 12-1994 của ông Lê Giản, cựu thứ trưởng, gửi bộ chính trị và ban chấp hành trung ương; thư đề ngày 3-1-1995 của ông Trần Độ, nguyên trung tướng, nguyên trưởng ban văn hóa, văn nghệ trung ương, gửi ông Đỗ Mười, các ủy viên bộ chính trị, các ủy viên trung ương đảng.

Khuôn khổ của báo Thông Luận không cho phép chúng tôi đăng lại tất cả các tài liệu nói trên. Chúng tôi xin chọn đăng nguyên văn thư của ông Trần Độ vì nội dung chính trị của tài liệu này nhiều hơn cả và trích đăng hai bài viết của các ông Ngô Thúc và Lê Giản theo chủ quan của mình.

Điểm đặc biệt trong bức thư ngắn của ông Trần Độ là ông đã dựa vào những văn kiện chính thức của đảng để chất vấn bộ chính trị và trung ương đảng là tại sao cứ phải tiếp tục đánh lừa nhân dân nói một đảng làm một nẻo? Đảng "lãnh đạo" hay "cầm quyền" theo nghĩa toàn trị? vì dân hay vì đảng? Cái khéo của ông để các "đồng chí" không thể gán ngay cho ông tội phản đảng là ông chỉ yêu cầu đảng chọn lựa cho rõ ràng. Ông đứng trong cương vị của một đảng viên, không phải của một người dân chủ, do đó lý luận của ông vô tình hay cố ý đã có những giới hạn "tự nhiên" của nó.

Điểm đáng chú ý trong bài phát biểu của ông Ngô Thúc là ông nói dựa trên "tư tưởng Hồ Chí Minh" nhưng quan điểm, phê phán về hành chính và lãnh đạo của ông hoàn toàn là quan điểm của một nhà nho cương trực. Điều ngộ nghĩnh là "Tư tưởng Hồ Chí Minh" đã trở thành một khẩu hiệu suông mà cả hai bên giáo điều

và tiến bộ đều dùng mà không có gì mâu thuẫn vì lý do giản dị là ông Hồ Chí Minh là một nhà chính trị không phải là một nhà tư tưởng nên không ai có gì để "giữ bản quyền" cả, nói thế nào cũng được. Tính cương trực của ông thực đáng làm gương cho rất nhiều đảng viên hay trí thức gần đảng, trong và ngoài nước vì mặc dầu giữ cương vị đảng viên ông không ngần ngại, vì quyền lợi chung của đất nước, chất vấn những lãnh đạo cao cấp nhất của đảng.

Nội dung bức thư của ông Lê Giản nhằm đã kích thái độ kiêu căng, "thiếu khiêm tốn" và "chụp mũ" cũng như quan điểm phi chính trị của ông Nguyễn Đức Bình. Về nguyên nhân sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, ông cho rằng lý do "điển tiến hòa bình của đế quốc" là không có dẫn chứng nghiêm túc. Ông đứng trên cương vị của một người theo Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, một đảng viên cộng sản. Điểm đặc biệt trong bức thư là ông Giản coi Nguyễn Đức Bình không ra gì, không biết gì lại còn nói láo, tự cao, tự đại.

Ba ông Lê Giản, Ngô Thúc, Trần Độ đều là những đảng viên ĐCSVN lão thành. Ông Lê Giản đã trên 80 tuổi. Phát biểu bàn công khai của các ông kể trên là điều đáng mừng trong cuộc tranh đấu cam go để dân chủ hóa đất nước của người Việt, ở trong đảng cũng như ở ngoài đảng. Hàng ngũ những người này chắc chắn sẽ càng ngày càng đông.

Vũ Thiện Hân

Thư của ông Trần Độ

Hà Nội ngày 3 tháng 1 năm 1995

Kính gửi Anh Đỗ Mười, tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN,

Các đồng chí trong Bộ chính trị,
Các đồng chí Trung ương ủy viên

Tôi có được đọc một văn kiện chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ 8 về vấn đề "Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước...". Đây thật là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Lâu nay ta đã quan tâm khá nhiều đến sinh hoạt dân chủ trong Đảng và trong xã hội, các cơ quan đã xử lý một số việc thể hiện xu thế "dân chủ hóa" của Đảng và Nhà nước ta. Đó là điều đáng mừng. Nhưng khi tôi đọc văn kiện thì tôi thấy sự kiểm điểm và nhận định tình hình tỏ ra rất tàn mạt và vụn vặt, nhiều mâu thuẫn nhau. Và xét ra tinh thần của người soạn thảo không quan tâm gì đến Hiến pháp, nhất là đoạn 2 điều 4 của Hiến pháp: "Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và Luật pháp", Bộ chính trị cũng là một tổ chức của Đảng.

Đây là một vấn đề rộng lớn, phức tạp có quan hệ nhiều đến nhiều vấn đề lý luận, nguyên tắc và tâm tư tình cảm của nhân dân.

Ở đây với trách nhiệm một đảng viên, tôi chỉ xin gộp rút phát biểu ý kiến về hai vấn đề căn cốt và cơ bản để góp ý với ban Chấp hành Trung ương.

A. Vấn đề thứ nhất: Nhà nước ta là Nhà nước gì?

Cần phân biệt khái niệm "Đảng lãnh đạo" và "Đảng cầm quyền".

"Đảng cầm quyền" đồng nhất với "Đảng trị", "Đảng cầm quyền" thì cơ quan Đảng là cơ quan Nhà nước và cao hơn cơ quan Nhà nước, điều khiển sai bảo cơ quan Nhà nước, quyết định và chọn lựa cán bộ và tổ chức Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước giải quyết việc đều phải xin ý kiến Đảng. Như thế là Đảng toàn trị.

"Đảng lãnh đạo" thì phải có bộ máy Nhà nước tương đối độc lập. "Đảng lãnh đạo" phải bảo đảm cho bộ máy Nhà nước có hiệu lực, dân chủ và thực hiện được dân làm chủ. Như vậy phải có một Nhà nước dân chủ pháp quyền.

Đó là mới thật là Nhà nước do dân vì dân và của dân. Không thể để Nhà nước của Đảng do Đảng và vì Đảng. Văn kiện có nói: "Đại hội giữa nhiệm kỳ đề ra: Một trong những nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam". Câu ấy và những câu về tính chất Nhà nước trong Hiến pháp 92 (điều 2, đoạn 8) còn có giá trị không?

Nhưng tiếp sau đó văn kiện lại viết: "Một Nhà nước... như vậy về thực chất là Nhà nước chuyên chính vô sản. Trong nội bộ Đảng cần được khẳng định rõ ràng". Vậy là ta làm chuyên chính vô sản và chỉ biết với nhau trong Đảng, còn không cho dân biết. Một Nhà nước thế nào mà dân không biết, không làm, không công nhận, không kiểm tra được thì có còn là của dân, vì dân, do dân nữa không?

Nếu ta thực hiện vô sản chuyên chính thì phải sửa Hiến pháp, để dân thảo luận và dân đồng ý thì ghi vào Hiến pháp, như thế mới có cơ sở pháp lý đảng hoàng.

Đây là một vấn đề nguyên tắc quan trọng cơ bản quan hệ đến toàn dân, không thể tùy tiện.

B. Vấn đề thứ hai là vấn đề Đảng lãnh đạo Nhà nước

Trong văn kiện dự thảo có ý quy định chính thức các lãnh đạo cụ thể trong mối quan hệ giữa Bộ chính trị của Đảng và các cơ quan cao nhất của Nhà nước. Nếu theo những quy định như vậy thì lại vi phạm Hiến pháp một điểm to nữa. Vì như thế thì các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp cao nhất không còn cao nhất nữa, không có khả năng giám sát lẫn nhau nữa, và các cơ quan này cũng mất khả năng quan hệ với dân và dân không giám sát được nữa. Nhà nước không thể là Nhà nước Pháp quyền được nữa. Vì bộ Chính trị, ban Bí thư và bộ máy của Đảng trở thành một siêu Nhà nước và thực hiện thống nhất cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp cao nhất không có bất cứ một sự giám sát nào. Và như thế là Đảng thực hiện chuyên chính vô sản một cách thực sự và nhân danh giai cấp vô sản (như Lê nin nói).

Phải trở lại bàn quan niệm "Đảng lãnh đạo" Nhà nước hay Chính quyền lãnh đạo những gì và lãnh đạo thế nào? Làm thế nào để Nhà nước là của dân, do dân, vì dân một cách thực sự và trong thực tế. Muốn thế Đảng phải trở thành nơi tập hợp và thu hút toàn bộ trí tuệ trong xã hội, bàn và quyết định những vấn đề phương hướng đường lối, chính sách cơ bản và được toàn dân biết rõ và ủng hộ. Rồi các cơ quan Nhà nước (cả ba mặt) đều dùng quyền hạn và quyền lực của mình thực hiện một cách độc lập và có giám sát.

Phải có một sự cải cách cơ bản chế độ bầu cử và ứng cử, bảo đảm chọn được các nhân tài thực sự, không chỉ là kêu gọi tăng thêm thành phần không Đảng trong các cơ quan dân cử, và hô hào

khuyến khích tự do ứng cử.

Cần phải dứt khoát lựa chọn một trong hai tư tưởng chỉ đạo sau đây:

a. Hoặc thực hiện chuyên chính vô sản, mà Đảng là đại diện và nhân danh.

b. Hoặc thực hiện một Nhà nước dân chủ pháp quyền, một Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Không thể cứ nói nửa nọ nửa kia, nhập nhằng và không thể chỉ ghi trong Nghị quyết của Đảng mà phải thể hiện rành mạch trong Hiến pháp được toàn dân công nhận.

Tôi thấy đây là một vấn đề cực kỳ quan trọng có liên quan đến vận mệnh của dân tộc, đất nước, nếu không có sự lựa chọn rõ ràng, dứt khoát thì chưa nên bàn và chưa có Nghị quyết.

Đây là tâm huyết của một đảng viên lâu năm đã gần trọn đời đấu tranh cho Đảng, nghĩ về Đảng và Đất nước. Mong các đồng chí lưu ý.

Trần Độ

Bài phát biểu của ông Ngô Thúc

tại hội nghị "cải cách một bước nền hành chính nhà nước" do ban Bí Thư triệu tập.

Bài gồm có ba phần, dưới đây là đoạn trích trong phần II:

II. Từ những điểm gì để cải cách có kết quả?

... Bệnh quan liêu có nguồn gốc từ xa xưa, từ trong thời chiến tranh, đâu phải chỉ mới nảy sinh từ ngày "mở cửa" nhưng buồn thay, rất ít người chịu nhìn thẳng vào cái nguyên nhân của nguyên nhân nhân cả.

Cho nên, muốn làm phải trước hết chính danh, chính vị. Không phải chỉ đặt ra từ ngữ mà phải chiếu vào cái đã qua.

Cố vấn Phạm Văn Đồng nói: "Trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò". Nhưng trở trêu làm sao, ông thủ tướng tại nhiệm lâu nhất thế giới, danh là thủ tướng nhưng vị của ông là gì thì đổ ai biết được! Xin thành thực hỏi rằng: ông đã tự mình cất nhắc được mấy người dưới quyền thuộc vị trí của mình dù biết họ là người có tài, có đức? Đã bãi miễn được mấy người khi biết họ là vô tài kém đức? Ông đã minh oan cho bao nhiêu người trung thực ngay dưới quyền ông? Danh với vị là thế.

Lại kể đến đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ông là vị tướng tài giỏi, mọi người trong nước và trên thế giới đều kính trọng. Song bước sang thời đánh Mỹ vào khoảng thời gian gay go ông là tổng tư lệnh nhưng lại không phải là vị mà chỉ là danh bởi lúc đó có nhiều tổng tư lệnh vô danh nhưng hữu thực. Thẳng thắn mà nói thì ông không biết đạo làm tướng (xin nhấn mạnh: trong khoảng thời gian đó), ông đã quên đi nguyên tắc cổ kim "tướng tại ngoại bất thụ quân mệnh". Bất kể lý do nào ông vẫn là đại tướng tổng tư lệnh. Thế mà đến nay, sau chiến thắng giải phóng miền Nam đã 20 năm rồi, sau chiến thắng hiển hách đến thế và mất mát đến thế mà vẫn không viết nổi một bản tổng kết chiến tranh. Thật ra thì sau chiến tranh cũng đã có tới ba bản, nói lái đi là "hồi ký", thực chất chỉ là sự tôn công tranh vị mà thôi.

Thử hỏi hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo viết lúc nào? Khi đó, tuy chưa chiến thắng hoàn toàn nhưng hịch đã mang đậm nét của kết thúc chiến tranh và tổng kết nó. Đại cáo bình Ngô của Nguyễn Trãi viết lúc nào, phải chăng là khi Vương Thông chưa rút hết quân khỏi đất nước Đại Việt này? Còn Hồ Chí Minh viết

Tuyên Ngôn Độc Lập chỉ trong mười ngày sau khi cách mạng tháng tám thành công. Ôi, một cái gì quái ác đã làm chìm đắm chiến thắng oanh liệt của cả một dân tộc đã đổ biết bao nhiêu xương máu và chịu đựng biết bao nhiêu đau thương, mất mát suốt mấy chục năm dài!

Đó là nói đến chuyện đã qua. Nói để nhớ, để biết, để làm ra cái mới chứ không hề quên đi sự kính trọng đối với công lao của các ông đối với dân, với nước.

Nay nói đến thời mở cửa. Chẳng ai quên và phủ nhận sự thành công về kinh tế và phần nào về xã hội. Người trong nước đều biết, thế giới có khen. Nhưng không phải vì thế mà không nói đến một số hiện tượng không hay. Điều đó không có nghĩa là ghét. Xin nhắc lại: ghét vẫn còn là yêu chứ không phải ghét bỏ.

Xin hỏi tổng bí thư Đỗ Mười: từ ngày giữ chức vị cao nhất, ông đã nhận được bao nhiêu đơn từ khiếu oan của những người bị oan khuất gửi tới ông? Ông đã trả lời được bao nhiêu? Ông lơ đi bao nhiêu? Ông bị các quan chức dưới quyền lơ đi bao nhiêu? Thử nghĩ mà xem: Khi người ta viết thư cho ông là viết với lòng kính trọng và tin cậy. Cả gia đình họ đã mất ăn mất ngủ trằn trọc bao ngày đêm, đã đổ ra bao nước mắt và chọn lọc từng câu từng chữ. Ông có thấy nỗi đau xé ruột của họ không mà nở lời đi? Thử hỏi tình người của ông để đâu? Nếu các đơn khiếu oan bị các quan chức dưới quyền ông tự ý hủy đi thì sao ông lại không đủ phép để tìm cho ra? Thế thì ông điều khiển họ hay họ điều khiển ông? Sử sách đã ghi: Cự Lương Đức Bằng, người thầy đã có bao nhiêu học trò thành đạt (xin kể tên hai người học trò đã đỗ trạng nguyên là cụ Nguyễn Thiên và cụ Nguyễn Bình Khiêm triều Mạc), trong số đảng vua Lê Uy Mục, cụ viết: "Vua coi dân như con thì dân coi vua như cha mẹ; vua coi dân như cỏ rác thì dân coi vua là người đứng; vua coi dân là chó ngựa thì dân coi vua là thù nghịch". Một câu nói lấy lòng, đáng suy nghĩ!

Không có chính tín thì làm sao mà cải cách được!

Các ông ủy viên bộ chính trị Đào Duy Tùng và Nguyễn Đức Bình, sao các ông thích đâm đá các nhà văn, nhà báo đến thế, dựng chuyện vu oan hết người này đến người khác, cứ luôn coi họ như thù địch! Chưa hết, các ông còn mượn danh Hồ Chí Minh để ra oai, tác quái. Thực ra các ông chẳng hiểu gì về tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi lòng người rộng mênh mông như biển cả, có bao giờ lại đi chấp nhất ba chuyện không đâu. Chưa thỏa, các ông còn dùng đến bạo hành. Xin các ông nhớ rằng: cầm hăm tư tưởng con người, bịt miệng trời tay, trói bút của con người còn gây ra nỗi đau gấp trăm lần hành hạ thân xác người ta.

Ôi! đầu óc chìm rì, chìm sè làm sao mà hiểu nổi chí chim đại bàng! Các ông làm sao hiểu nổi nỗi đau của người dân khi tượng nàng Tô Thị bị giết bỏ, đàn Nam Giao bị phá tan, hồ Hoàn Kiếm - một kỳ tích và linh địa - đang bị ô nhiễm nặng, cuộc sống của Thần Quy đang bị đe dọa! Xin hỏi: đây có thuộc lĩnh vực tư tưởng văn hóa không?

Lịch sử Trung Quốc đã có chuyện Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn kẻ sĩ. Vết nhớ muôn thuở không sạch, dù ông ta có công thống nhất đất nước Trung Hoa.

...

Hà Nội ngày 20-12-1994
Ngô Thức

Thư của ông Lê Giản
gửi bộ chính trị, Ban CHTƯ Đảng CSVN

Trang 24

Thư gồm có ba phần: phần I phê phán về thái độ; phần II về nội dung quyển sách của ông Nguyễn Đức Bình; phần ba nói về tư tưởng Hồ Chí Minh. Dưới đây là đoạn 4 của phần II:

...II. Về nội dung

...4. Trước khi sang phần III, cho phép tôi được phép nêu với đồng chí Nguyễn Đức Bình một số câu hỏi có liên quan đến chương I (từ tr. 10 đến tr.33) trong cuốn sách của đồng chí. Ở đây, đồng chí Nguyễn Đức Bình đã phân tích về nguyên nhân (nguyên nhân sâu xa, nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân trực tiếp) sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu (tr.15-16).

a) Vì sao lại coi đường lối xét lại phản động của một số người lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản Liên xô là nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp thứ nhất dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu?

Nói như vậy phải chăng muốn ám chỉ rằng các đảng cộng sản và Nhà nước Đông Âu chẳng qua chỉ là cái đuôi của đảng cộng sản và Nhà nước Liên xô. Đây là sơ xuất trong cách viết hay là một nhận định về chính trị của đồng chí Nguyễn Đức Bình?

b) Tại sao cơ quan lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam lại tự cho mình quyền công khai nhận định phán xét cơ quan lãnh đạo đảng cộng sản Liên Xô (dù hiện nay đảng cộng sản Liên Xô đã bị tan rã) với những lời lẽ quy tội là đường lối xét lại, phản bội vv...

Phải chăng đã đến lúc Đảng cộng sản Việt Nam phải công khai đưa ra những lời dạy bảo cho những người cộng sản, cho nhân dân của Liên Xô và các nước Đông Âu hiểu rõ sự kiện chính trị nước họ?

Điều đó có trái với thái độ khiêm tốn và đường lối của Đảng ta là không can thiệp vào sinh hoạt của các đảng bạn, vào đời sống chính trị của các nước khác không?

c) Cách nêu nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp thứ hai phải chăng đã nêu lên chiến công to lớn của chiến lược diễn biến hòa bình của đế quốc một cách phổ biến đối với Liên Xô và các nước Đông Âu? Ở đây tôi không bàn tới sự vắng bóng những dẫn chứng, tài liệu hoàn toàn cần thiết cho mọi sự nghiên cứu, nhận định thực sự nghiêm túc, mà chỉ nói khía cạnh chính trị của nhận định trên đây.

Từ cách nêu nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp thứ hai có thể dẫn người đọc tới nhận định: sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội và sự dựng lên những chế độ chính trị sau sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu đều là sản phẩm của chiến lược diễn biến hòa bình của bọn đế quốc.

Cách nhận định như vậy không chỉ là sự đề cao uy thế của bọn đế quốc mà quan trọng hơn chính là sự nhục mạ các chế độ chính trị được hình thành sau sự sụp đổ, nhục mạ nhân dân các nước đó, nhục mạ các chính phủ đã được thành hình sau sự sụp đổ đó.

Tóm lại, với danh vị là một ủy viên ban chính trị của Ban chấp hành Trung Ương Đảng cộng sản Việt Nam, tác giả cuốn sách được nhà xuất bản chính trị quốc gia in ấn và phát hành, phải chăng đồng chí Nguyễn Đức Bình đã không nghĩ ra rằng đây chính là vi phạm nghiêm trọng đường lối chính sách cả về đối nội lẫn đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hay sao?

...

Lê Giản

Cán bộ hưu trí

ở số 8 Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội

Thông Luận 82 - Tháng 5.95

THỜI SỰ... TUA TỨC... THỜI SỰ...

Nga trở lại chính sách ngoại giao của Liên Xô

Ngày 26-4-1995, bộ trưởng quốc phòng Nga đã tuyên bố thành lập một quân đoàn mới và mạnh hơn tại vùng Caucasus, miền Tây-Nam Liên Bang Nga. Đây là một vi phạm rõ ràng đối với Hiệp ước Quốc tế về sự Giảm bớt các Lực lượng Quy ước tại Âu châu, được ký giữa hai khối NATO và Warsaw vào năm 1990. Thỏa ước ấy nhằm sự quân bình vô trang giữa hai phía Tây Âu và Đông Âu và cấm tập trung khí giới. Điều này đã gây chấn động trong giới ngoại giao phương Tây. "Nỗi lo liên quan đến thái độ tổng quát của Nga đối với những cam kết quốc tế". Biện cố này chứng minh chính quyền Nga chỉ coi thái độ "thông cảm" của phương Tây với chính sách thô bạo của họ đối với các láng giềng như những dấu hiệu khuyến khích. Thật vậy bốn, năm năm sau sự sụp đổ của Liên Xô, Nga có vẻ muốn tái lập chỗ đứng xưa của Liên Xô mà họ thừa kế. Nga tái lập những bang giao tốt đẹp với các quốc gia bị nghi ngờ tài trợ những phong trào khủng bố như Sudan. Nga biện hộ cho việc bãi bỏ cấm vận hai nước Irak và Serbia. Gần đây, Nga lại ký kết một hiệp ước hữu nghị với Việt Nam theo đó họ dự trù tiếp tục sử dụng căn cứ Cam Ranh, họ tiếp tục duy trì trung tâm nghe lén tại Cuba. Nga cũng sắp sửa bán một chương trình nguyên tử cho Iran. Giả thuyết này đã thúc đẩy tổng thống Bill Clinton tuyên bố cấm vận Iran, ngày 1-5-1995. Có lẽ nào trừng phạt kẻ mua mà lại nương tay với kẻ bán?

Trần Văn, thủ lĩnh phái bảo thủ từ trần

Thế giới chờ đợi sự từ trần của lãnh tụ Đặng Tiểu Bình thì trái lại Trần Văn, lãnh tụ phái bảo thủ "dành" đi trước. Thực ra Đặng Tiểu Bình và Trần Văn là hai bạn đồng hành trong nhiều thập niên trước khi chống đối về phương hướng kinh tế vào cuối đời. Hai người cùng thuộc thành phần những người tham gia cuộc vận lý trường chính trước khi nhiều lần trở thành phó chủ tịch đảng và phó thủ tướng.

Ông Trần Văn sinh năm 1905 ở Thanh Phố (Giang Pu) một huyện thuộc Thượng Hải. Xuất thân từ một gia đình nghèo ông trở thành thợ sắp chữ lúc mười bốn tuổi. Năm 1925, ông gia nhập đảng cộng sản Trung Quốc do Chu Ân Lai tiến cử và trở thành bí thư công đoàn ở Thượng Hải. Sau khi Tưởng Giới Thạch cho giết hại người cộng sản vào năm 1927, ông đi Moskva trong nhiều năm trước khi trở lại Thượng Hải vào năm 1933. Năm 1934 ông được tiến cử vào bộ chính trị và đứng về phía Mao ở hội nghị Tuân Nghĩa đầu năm 1935 trong sự tranh chấp giữa Mao và Trương Quốc Đào. Trong thời gian đảng cộng sản ở Diên An (1937-1947) ông trở lại Moskva trong hai năm để học về kinh tế. Về Diên An trong năm 1938 ông được bổ nhiệm trưởng ban tổ chức đảng. Sau ngày về Bắc Kinh năm 1949 ông trở thành phó thủ tướng và kiêm chủ nhiệm ban kinh tế.

Với chức vụ nói trên, ông là người sáng lập kế hoạch ngũ niên lần thứ nhất (1953-1957). Sau đó ông cùng nguyên soái Bành Đức Hoài đứng ra công khai chống đối chính sách "đại nhảy vọt" của Mao trong năm 1959.

May mắn hơn ông Bành, ông được tham khảo ý kiến sau ba năm Trung Quốc bị đói rét, trước khi bị thất sủng trong một thời gian dài từ 1966 đến 1977 cũng như trường hợp của ông Đặng. Sau khi ông Đặng trở lại chính quyền, ông Trần Văn trở lại bộ chính trị với chức vụ phó chủ tịch đảng ở hội nghị lần thứ 3 khóa 11 (1978).

Cùng vào thời điểm này, ông Trần Văn đứng ra chống đối đường lối mở cửa của ông Đặng do hai tổng bí thư Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương thực hiện. Theo ông, đường lối kinh tế của Trung Quốc phải như "một con chim trong lồng không nên quá rộng cũng như không nên quá hẹp."

Do đó ông trở thành thủ lĩnh phái bảo thủ trong hơn một thập niên từ 1981 cho đến ngày chết, cùng với các nhân vật bảo thủ như Hồ Kiều Mộc, Đặng Lực Quân, Vương Chấn, Diêu Y Lâm, Tống Bình vv... Từ 1981, mặc dù không có chức vụ về kinh tế, ông cũng còn giữ chức vụ ủy viên thường trực bộ chính trị cho đến đại hội thứ 13 (1987). Sau 1987 ông rời ban chấp hành Trung ương đảng để giữ chức chủ tịch ban cố vấn cho đến 1992.

Ông Trần Văn ra đi vào lúc đảng cộng sản Trung Quốc đang tranh chấp ở thượng đỉnh và nạn tham nhũng đang hoành hành khắp nơi (xem vụ phó thị trưởng Vương Bảo Sâm tự sát). Ông thuộc vào lớp người "thọ" khá lâu cùng những cựu lãnh đạo còn sống như Bành Chân (93 tuổi), Tống Nhiệm Cung (91 tuổi), Đặng Tiểu Bình (90 tuổi), Dương Thượng Côn (88 tuổi) Bạc Nhất Ba (87 tuổi) vv...

Hai người "học trò" của trường phái ông là Giang Trạch Giang và Lý Bằng bây giờ rất bơ vơ hình như rấn mất đầu!

Trung Quốc : đợi chờ sóng gió ?

Cái chết của Trần Văn, một trong bộ bốn "tứ bất tử" đến đúng lúc mà mọi phía đều chờ đợi thời cơ để tính chuyện "đổi mới" xã hội, nhất là một "bất tử" khác nữa là Đặng Tiểu Bình cũng đang ở vào tình trạng gần đất xa trời.

Bề ngoài, chế độ không có triệu chứng gì là đang sắp trải qua một cơn sóng gió lớn. Và người ta luôn luôn nói rằng vấn đề "kế vị" đã giải quyết xong ! Nhưng đâu đó vẫn bàng bạc một tâm trạng nửa hoài nghi nửa lo ngại, tâm trạng đã từng thấy có năm 1976 là năm mà Chu Ân Lai, Chu Đức và Mao Trạch Đông ra đi không trở lại.

Đặc biệt, điều còn làm tăng thêm tâm trạng này là sự kiện từ bốn năm liên tiếp, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc đã gia tăng vì Trung Quốc ráo riết tăng cường hải quân và không quân. Quân đội từ năm giữa thập niên 80 đến nay đã dần dần biến thành một thế lực kinh tế vĩ đại, đầu tư vào khắp các ngành nhất là trong các ngành xây cất, hàng không, khách sạn, bệnh viện, tiền lời như nước. Trên 50.000 xí nghiệp quân sự đang chuyển thành những xí nghiệp tư. Giang Trạch Dân, người có nhiều hy vọng kế vị họ Đặng từ mười tám tháng nay tìm đủ cách lấy lòng các tướng lĩnh là những người có vai trò trong việc nắm quyền ở Trung Quốc. Trong khi đó, phe chống Đặng không phải là khoanh tay ngồi nhìn sự việc biến chuyển.

Giới bình luận ngoại quốc cho rằng đảng cộng sản Trung Quốc xem chừng vẫn còn kiểm soát được tình thế nhưng mức độ kiểm soát này không còn cao như thời Mao và xã hội Trung Quốc đã trải qua một thời kỳ biến chuyển rất lớn khiến cho những mối bất đồng chính kiến không thể không phát hiện. Mặt khác, Trung Quốc vốn không phải là một xã hội quen có diễn biến ôn hòa.

Nghĩa là sắp có thể có sóng gió ?

Vương Bảo Sâm, phó thị trưởng Bắc Kinh tự sát

Ủy ban Nhân dân thành phố Bắc Kinh hiện nay đang ở trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng không khác gì trong thời kỳ

THỜI SỰ... TÌNH TỨC... THỜI SỰ...

cách mạng văn hóa. Trong đầu thập niên 60, phó thị trưởng Ngô Hàm và thị trưởng Bành Chân bị đánh ngã trong vụ "Hải Thụy bài quan". Vô kịch "Hải Thụy bài quan" chỉ trích Mao đã bãi chức nguyên soái Bành Đức Hoài của Ngô Hàm vì đã dám chống lại Mao. Đây chỉ là một cái cớ của Mao để đánh ngã Bành Chân lúc đó có rất nhiều uy quyền.

Ngày nay người ta có cảm tưởng lịch sử đang lặp lại với một hình thức khác nhưng mục tiêu thì giống nhau.

Ngày 4 tháng 4 vừa qua, phó thị trưởng Vương Bảo Sâm, 60 tuổi, kiêm giám đốc ủy ban kế hoạch, đặc trách về xây dựng của thành phố đã dùng súng lục tự sát ở Hoài Nhu ngoại ô thành phố Bắc Kinh. Thị trưởng Bắc Kinh Lý Kỳ Viêm và một người con của ông ta cùng đệ nhất phó thị trưởng Trương Bách Phát cũng đang bị điều tra.

Tất cả những người này được sự bảo hộ của bí thư thành ủy Bắc Kinh Trần Hy Đồng, cựu thị trưởng Bắc Kinh và hiện nay là một trong 21 ủy viên bộ chính trị. Người ta còn nhớ ông Đồng khi còn là thị trưởng đã đứng theo phe cánh đàn áp sinh viên ở quảng trường Thiên An Môn trong năm 1989 và nhờ đó được thăng nhiệm vào bộ chính trị ở đại hội thứ 14 (1992).

Tin ông Vương Bảo Sâm tự sát được Tân Hoa Xã loan ra ngoài nước nhưng không được báo chí trong xứ nói đến. Điều đó cũng dễ hiểu là các guồng máy thông tin bị đảng kiểm soát và cũng sợ nhân dân biết chế độ đã "thối nát" quá. Đây là một tai tiếng có liên quan tới chính trị, tài chính trong việc làm ăn bất chính. Các nhân vật tham nhũng đầu xỏ lại liên quan mật thiết với nhau qua quan hệ họ hàng. Người ta trách ông Sâm trong hai vụ tham nhũng có liên quan đến nhà tài phiệt Hương Cảng Lý Gia Thành. Vụ Thủ Gang, một xí nghiệp gang thép và dịch vụ bị đổ bể trong tháng hai, trong đó Đặng Chất Phương, con trai út của Đặng Tiểu Bình là giám đốc của một nhánh ở Hương Cảng. Hãng này lại do ông Châu Bắc Phương, con ông Châu Quan Ngũ, người thân gần với gia đình ông Đặng cùng điều khiển. Ông Ngũ đã từ chức và ông Phương thì bị bắt (xem Thông Luận tháng 3/95). Vụ thứ hai là vụ trung tâm thương mại và du hí (Oriental Plaza) lại cũng do ông Lý Gia Thành đứng đầu.

Xí nghiệp của ông Thành có ý định xây dựng một trung tâm thương mại và du hí khổng lồ trên đường Vương Phủ Tỉnh (Wang Fu Jing), một con đường chính và sang trọng nhất của Bắc Kinh với số tiêu 1,2 tỷ USD. Trong hè qua du khách có dịp đi trên đường này đã thấy ở đầu đường nhà ăn đồ sộ Mac Donald's (ông Lý Gia Thành có cổ phần!) và giữa đường có một lỗ khổng lồ đang xây cất trung tâm thương mại nói trên. Dự án xây cất có nhiều chục tầng cao tới 70 thước làm mất cả thăng bằng về thẩm mỹ và kiến trúc chung quanh. Giấy phép được xây cất do ông Sâm ký với tư cách phó thị trưởng kiêm giám đốc ủy ban kế hoạch thành phố. Điều tra cho biết là ông Sâm đã ăn hối lộ trong việc cấp phát giấy phép này và ông ta không phải là người duy nhất. Tên của đệ nhất phó thị trưởng Trương Bách Phát cũng được nói tới. Ông này lại là cha vợ của Châu Bắc Phương (xem vụ Thủ Gang, Thông Luận số 80) và lại là người rất gần với Đặng Tiểu Bình.

Đây không phải là vụ hối lộ đầu tiên như đã biết nhưng lại là vụ tham nhũng có dính dáng với một phe cánh có thế lực đang tranh quyền ở Bắc Kinh. Tổng bí thư đảng Giang Trạch Dân có ý định chặt vây cánh của nhóm này để trừ hậu họa. Trong nhiều tháng qua, họ Giang đã tăng cường vây cánh của mình ở bộ chính

trị và ban bí thư và đã bổ nhiệm thêm hai phó thủ tướng (Ngô Bang Quốc và Khương Xuân Văn) để giảm quyền lực của đệ nhất phó thủ tướng Chu Dung Cơ, người của ông Đặng. Một nguồn tin cho biết ông Dân có ý định chuyển bí thư thành ủy Bắc Kinh Trần Hy Đồng về Tứ Xuyên quê hương của ông ta và cũng là quê hương của ông Đặng. Liệu ông ta có làm nổi việc này không? Điều chắc chắn là sự tranh quyền đang ở thời kỳ quyết liệt.

Hai cách nhìn cố hương

Ngày 4-4-1975, vào lúc Sài Gòn sắp thất thủ, một thảm kịch đã xảy ra. 243 trẻ em mồ côi được di tản trên một chiếc máy bay Galaxy C5A. Máy bay đã rớt ngay sau khi cất cánh làm hơn một trăm em thiệt mạng. Tai nạn này đã gây xúc động lớn và một nhà hảo tâm Hoa Kỳ, ông Robert McCauley đã bỏ tiền thuê hai máy bay Boeing 747 để di tản trẻ em mồ côi Việt Nam sang Hoa Kỳ. Chương trình này đã giúp 1.400 trẻ em sang tới Hoa Kỳ.

Vũ Thị Anh Hoa, lúc đó mới năm tuổi. Cô không biết cha là người Pháp hay Mỹ. Anh Hoa, nay đã đổi tên là Jenny Tennes, nghĩ rằng nếu ở lại Việt Nam cô sẽ bị hắt hủi như một con lai. Cô nói "Tôi được biết trại cô nhi nơi tôi ở đã bị giải tán và trở thành một trại lính. Có lẽ nếu kẹt lại Việt Nam, tôi sẽ phải sống lang thang trên hè phố và giờ này đã trở thành một gái mãi dâm". Anh Hoa cho biết cô không hề luyện tiếng Việt Nam và không có ý định trở lại. Cô cũng không cần biết gốc gác của mình là gì. Cô nói "Tôi không có lai lịch nhưng đã rất may mắn". Anh Hoa được một gia đình Mỹ nhận làm con nuôi và nuôi nấng trong tình yêu. Cô hiện là nhân viên ngân hàng, thích bóng chày, nhạc và phim ảnh.

Hoàng Văn Long, lúc đó tám tuổi, vẫn còn nhớ lại chuyến đi kinh hoàng đã đưa anh tới đất Mỹ. Nay đã đổi tên là Mathew Steiner, Hoàng Văn Long đã tốt nghiệp bác sĩ. Anh vừa về thăm Việt Nam. Anh nói "Ký ức vẫn trở lại". Trở lại thăm viếng trại mồ côi ngày xưa, Long thấy sao nó bé nhỏ quá. Thành phố Sài Gòn như vẫn quen thuộc đối với anh, từ cảnh vật, tiếng động lẫn mùi vị. Long ngạc nhiên tự hỏi tại sao mình còn quen thuộc với cố hương như thế. Nhưng anh vẫn tự coi là người Mỹ và cảm ơn đất nước đã cứu mang anh và cho anh cuộc sống hạnh phúc hiện nay.

Cướp con dấu ?

Một vụ "giật con dấu" đang gây bàn cãi sôi nổi trong nước. Ông Bùi Nguyên Khánh, giám đốc kế hoạch công ty Pacific Airlines bị buộc tội là đã giật con dấu của công ty để trao cho ông Đặng Quan Đức, chủ tịch Hội đồng quản trị. Tại sao một người lại phải cướp giật con dấu của công ty mà mình là chủ tịch tổng giám đốc? Vấn đề thật ly kỳ.

Ông Đặng Quan Đức, sau khi "cướp" được con dấu, đã ra quyết định bổ nhiệm và thay thế hàng loạt các giám đốc, trong đó có việc bổ nhiệm ông Bùi Nguyên Khánh là giám đốc điều hành công ty Pacific Airlines.

Vấn đề ly kỳ đã chỉ có vì nhà nước áp đặt quyết định bổ nhiệm ông Dương Văn Đầy làm chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chưa xong. Chính quyền đã cho công an tới trấn áp ban giám đốc và

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

đã đánh lộn với nhiều giám đốc phản đối sự áp đặt này, sau đó còn buộc hai ông Bùi Nguyên Khánh và Đặng Quan Đức là "cướp giật con dấu". Chính quyền quyết định "củng cố lại Hội đồng quản trị" bằng cách bổ nhiệm ông Dương Văn Đầy vào chức chủ tịch tổng giám đốc và ông Đặng Cao Thái Nguyên là giám đốc điều hành. Can thiệp của chính quyền vào nội bộ công ty và những lung củng sau đó làm công ty Pacific Airlines lỗ nặng. Chính quyền tỏ ra rất mâu thuẫn. Một mặt họ coi là công ty Pacific Airlines đã phá sản và không còn hiện hữu nữa, một mặt họ lại không thanh lý công ty và tiếp tục bổ nhiệm ban giám đốc mới như không có gì xảy ra. Chính quyền cộng sản vẫn tỏ ra họ chưa hiểu gì về kinh doanh.

Ông Dương Văn Đầy, người được chính quyền cất đặt vào chức vụ chủ tịch tổng giám đốc, hiện là giám đốc Công ty Du Lịch Sài Gòn, một công ty mà giới thạo tin cho biết là có mục đích kinh doanh để lấy lợi tài trợ cho hoạt động tình báo chính trị.

Lê Đức Anh sang Pháp

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày chấm dứt Thế chiến II, chính phủ Pháp đã gửi giấy mời đến tất cả các quốc gia có quan hệ ngoại giao với Pháp tham dự lễ kỷ niệm. Bộ Ngoại Giao Pháp đã rất ngạc nhiên khi Hà Nội trả lời phái đoàn của họ sẽ do chính chủ tịch nhà nước Lê Đức Anh cầm đầu.

Ông Lê Đức Anh và phái đoàn sẽ đến Paris ngày 8-5-1995, và sẽ ở lại Pháp hai ngày theo dự trù. Việc ông Lê Đức Anh đi Pháp được chính giới Pháp nhận định như là một sự chuyển hướng tâm lý quan trọng. Trước đây ông Lê Đức Anh vẫn tin tưởng là nên hạ mình làm thân với Trung Quốc là hay hơn cả. Ngày nay ông Lê Đức Anh đã nhận ra là không phải chỉ muốn hòa với Trung Quốc là đủ để được yên thân. Cho tới nay ông Lê Đức Anh chưa hề thăm viếng một quốc gia ngoài Châu Á nào.

Nhưng ông Lê Đức Anh đã chọn một thời điểm rất dở để thăm viếng nước Pháp. Vào ngày 8-5-1995, vị tân tổng thống vừa được bầu hôm trước chưa nhận chức và vị tổng thống sắp mãn nhiệm, ông François Mitterrand chuẩn bị lên đường đi Moskva để có mặt tại đó ngày 9-5. Sẽ không còn ai để tiếp ông Lê Đức Anh cả. Ngay cả thủ tướng Edouard Balladur cũng sắp từ chức.

Nguồn tin từ Bộ Ngoại Giao cho biết họ sẽ tạo điều kiện để ông Lê Đức Anh có dịp thăm viếng các công ty lớn của Pháp cũng như những thành tựu của nước Pháp để ông có dịp nhận ra phúc lợi của dân chủ.

Hai mươi năm sau McNamara hồi tưởng và ăn năn

McNamara đã chọn dịp kỷ niệm hai mươi năm ngày chấm dứt chiến tranh Việt Nam để xuất bản cuốn hồi ký mà nhiều người chờ đợi.

Là tổng giám đốc công ty xe hơi Ford, nổi tiếng là một manager tài giỏi, Robert McNamara trở thành bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ, từ 1-1961 khi J.F. Kennedy nhận chức tổng thống. Ông đã là một trong những tác nhân quan trọng trong cuộc chiến của Mỹ tại Việt Nam. Hoa Kỳ lúc đó chủ trương can thiệp trực tiếp vào Việt Nam và đã dàn cảnh cho các tướng lãnh lật đổ và giết tổng thống Diệm vì ông Diệm chống lại.

Trong cuốn hồi ký, McNamara nhận định cuộc chiến Việt Nam là vô nghĩa và vô ích. Ông hối hận vì đã có trách nhiệm làm chết 60.000 thanh niên Mỹ trong cuộc chiến đó. Ông cho biết đã nhiều lần khóc nức nở và sợ đi đã không lên tiếng phản đối cuộc chiến vì trung thành với tổng thống Johnson. Dầu vậy, McNamara chê Johnson là kém, theo ông nếu Kennedy còn sống chắc chắn ông đã lấy quyết định bỏ Việt Nam sớm hơn.

Được hỏi nghi gì về hồi ký McNamara trên đài truyền hình LCI của Pháp, Nguyễn Gia Kiểng nói: "McNamara là mẫu người điển hình của những chuyên gia hoàn toàn không hiểu biết gì cả về các vấn đề con người và tình cảm. Ông ta luôn luôn tìm những giải đáp kỹ thuật cho những vấn đề tâm lý. Ông ta không hiểu gì về bản chất của cuộc chiến lúc đó và cũng không hiểu gì hơn lúc này. Những lời thú tội của ông không đóng góp làm sáng tỏ cuộc chiến mà chỉ làm cho nó sai lạc hơn".

Bình luận về nhận định của McNamara, theo đó cuộc chiến Việt Nam là vô lý và đáng lẽ không nên xảy ra, Nguyễn Gia Kiểng nói: "Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản và sau những gì đảng cộng sản đã làm tại Việt Nam, trong hai mươi năm qua, phải nhìn nhận rằng chống lại sự bành trướng của cộng sản là đúng. Nhưng nếu nhận định như vậy thì phải nói rằng các nước dân chủ Phương Tây đã thiếu can đảm và quyết tâm, và nhiều nhân vật danh tiếng đã làm to khi ủng hộ phe cộng sản. Chính vì thế mà người ta vẫn tiếp tục nói rằng cuộc chiến vừa qua là vô lý và không nên có. Tôi đã đứng vào chống cộng vào lúc đó, và tôi nghĩ rằng những người chống cộng trước 1975 không có gì để phải hổ thẹn. Người ta không thể lên án một lập trường chỉ vì nó đã thất bại. Dầu sao lúc này là lúc để nhìn về tương lai chứ không phải để quay về với quá khứ".

Tôm chết, rừng...hết

Minh Hải là tỉnh có diện tích nuôi tôm lớn nhất nước với 150.000 hecta. Từ đầu tháng 5-1994 đến nay, tôm nuôi ở đây bị chết trên một diện tích rất rộng. Hầu hết các xí nghiệp chế biến thủy sản đều thiếu nguyên liệu để chế biến, công nhân không có việc làm. Sự kiện sản lượng tôm nuôi sút giảm nghiêm trọng đã trực tiếp ảnh hưởng đến giá trị hàng hóa xuất khẩu và việc phát triển kinh tế xã hội của toàn tỉnh.

Giám đốc Công ty xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn cho biết trước thời gian tôm bị chết, mỗi tháng đơn vị của ông sản xuất 400 tấn thành phẩm, nay chỉ còn sản xuất được chừng hơn 100 tấn mà thôi. Sự thiệt hại về tôm nuôi trong tỉnh phải lên tới một ngàn tỉ đồng.

Các chuyên gia nhận định rằng môi trường nước và kỹ thuật chăm sóc là hai nguyên nhân chính đã gây ra tình trạng tôm chết này. Họ tỏ ra rất bị quan vì chưa thấy biện pháp nào có thể chặn đứng được tình trạng tôm chết này mà mức thiệt hại của tỉnh trong năm 1994 không thua gì thiệt hại lũ lụt ở một số tỉnh của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Cơ quan kiểm Lâm hửu trách nhận định rằng trước áp lực đời sống, rừng và đất rừng bị thường xuyên bao chiếm, chặt phá để làm ruộng nuôi tôm. Tệ nạn này xảy ra tập trung tại các vùng lâm ngư quốc doanh, các cơ quan Nhà nước làm tự túc. Điển hình là một số vụ bao chiếm đất rừng và chặt phá cây rừng rừng ở Trảng Sáo, Bãi Bồi, Đất Mũi, Kiến Vàng, Vàm Lũng. Ở Trảng Sáo có

THỜI SỰ...TIN

TỨC...THỜI SỰ...

1000 hộ đến bao chiếm rừng trái phép để làm ruộng nuôi tôm.

Dân tứ xứ đến cư ngụ trái phép ngày càng đông để "nuôi tôm, khai thác rừng". Thêm vào đó, nhiều người nuôi tôm bị "trắng tay" vì tôm chết đã trở thành lực lượng đốn cây, phá rừng để có cái ăn.

Cứ đà này thì chẳng những không chấm dứt được nạn tôm chết mà cả rừng ở Minh Hải cũng hết !



Nạn "5C" trong vụ Đại học tại chức

Có nhiều vấn đề rất gay đã phát sinh trong vụ "đại học tại chức" (ĐHTC). Tưởng cũng nên nhắc lại rằng ĐHTC là "sáng tạo" của "Đảng" nhằm đào tạo những cán bộ đương chức thuộc nhân số (effectif) của Nhà nước, trước vì lý do lịch sử (!) chưa được đào tạo ở các trường đại học, nay được dạy và được học tại chỗ. Điều kiện tối thiểu để theo học "đại học tại chỗ" là phải là cán bộ Nhà nước có biên chế và ít nhất phải tốt nghiệp trung học.

Trong thực tế hiện nay có rất nhiều học sinh vừa tốt nghiệp Trung học phổ thông, tuy chưa vào làm cán bộ Nhà nước đã được ghi danh là sinh viên ĐHTC. Lỗi ghi danh tắt này đã gây ra bất mãn và từ đó đã có những cuộc điều tra riêng tiết lộ rằng các sinh viên "nhảy dù" vào ĐHTC chức này đều là những thành phần từ "5C" (con-cháu-các-cụ-cả).

Dư luận dân chúng bàn tán rằng giữa lúc có hàng ngàn sinh viên phải bỏ tiền túi ra theo học đại học và đã tốt nghiệp nhưng không có việc làm thì hàng năm Nhà nước đã phải chi một khoản tiền rất lớn để tổ chức ĐHTC cho cán bộ không đủ tiêu chuẩn để theo đại học! Như vậy là những "cán bộ" này có đặc quyền để được hưởng một đặc lợi đầy bất công. Sự bất công này còn đưa tới nhiều bất công khác nữa là ĐHTC đã trở thành một hình thức hợp thức hóa bằng cấp để "nâng lương" và "bổ nhiệm" như luôn luôn đã xảy ra. Đó là chưa kể việc những lộn xộn "5C" này đã để ra một tệ nạn khác nữa là các trung tâm giáo dục thường xuyên ở các tỉnh biến thành những cơ sở kinh doanh giáo dục mở lớp để thu học phí, bán tài liệu sách vở, tổ chức luyện thi v.v...



Việt Nam và Thái Lan hợp tác lập lại trật tự trên Vịnh Thái Lan

Để đối phó với tình trạng không an ninh trên vùng Vịnh Thái Lan do những tranh chấp về đánh cá, có khi bằng súng đạn, hai chính quyền Thái Lan và Việt Nam đã thỏa thuận thành lập một Ủy ban để thảo luận biện pháp lập lại trật tự, duy trì ổn định trong vùng này.

Theo lời của Thứ trưởng ngoại giao Vũ Khoan, hai bên đã thỏa thuận trên ba nguyên tắc cơ bản: 1- Lập lại trật tự trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và lợi ích của nhau 2- Hết sức tránh sử dụng lực lượng vũ trang như không quân, hải quân khi có tranh chấp. Nếu có vi phạm thì xử lý theo luật pháp từng nước hay thông lệ quốc tế 3- Hai bên cùng thỏa thuận giáo dục và quản lý ngư dân tôn trọng vùng biển của nhau và nhất trí dùng Ủy ban để dàn xếp những tranh chấp nếu xảy ra.



Đại học hoàng gia Úc RMIT thường xuyên cấp học bổng cho đại học VN

Thực hiện chiến lược "quốc tế hóa trong vùng Đông Nam Á" của mình, Đại học Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT) đã quyết định từ 1995, cứ hai năm sẽ cấp cho hệ thống Việt Nam 10 học bổng theo học các chương trình Thạc sĩ (Master) tại Úc. Thời hạn của mỗi học bổng là hai năm và trị giá của nó là 45.000 USD, 30 học bổng để theo học chương trình "Thạc sĩ về Công nghệ học hệ thống" (Master of Engineering in Systems Engineering) giảng dạy tại Việt Nam theo lối hàm thụ (học từ xa), mỗi học bổng trị giá 7000 USD.

Ngoài ra, Đại học RMIT còn giúp hệ thống đại học VN một chương trình tư vấn giáo dục, xây dựng hệ thống kiểm tra, đánh giá, đảm bảo chất lượng và phát triển giáo dục, tham gia chương trình khu công nghiệp kỹ thuật cao ở Sài Gòn.



Vấn đáp giữa Diễn đàn kinh tế và nhà cầm quyền Việt Nam

Diễn đàn Kinh tế (WEF, World Economic Forum) là một tổ chức quốc tế đã có quan hệ với Việt Nam từ 1988 để tìm hiểu về cơ hội kinh doanh khi tại đây đã được đặt ra vấn đề đổi mới kinh tế. Các cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa WEF đã diễn ra ở Thụy Sĩ. Năm 1990, ông Võ Văn Kiệt với tư cách Thủ tướng của chính quyền Việt Nam đã tham dự cuộc họp của WEF ở Davos, Thụy Sĩ. Hình thức hội họp của WEF là mọi người đến gặp nhau, trực tiếp cùng nhau hỏi đáp rồi từ đó lập nên những mối quan hệ nếu thấy thích hợp.

Năm nay WEF đã chọn Việt Nam làm diễn đàn và tối ngày 6-4-95, một chuyến máy bay đặc biệt chở hơn 100 doanh nhân và viên chức nước ngoài đã hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất để họ tham dự Diễn đàn kinh tế. Nhà cầm quyền Việt Nam hy vọng thuyết phục được những người đến trực tiếp tham vấn mình để thuyết minh về cái gọi là kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và nhất là để thu hút đầu tư ngoại quốc.

Được phóng viên của báo Tuổi Trẻ phỏng vấn chớp nhoáng tại sân bay, ông Bill Tucker, phó giám đốc biên tập tài chính quốc tế của Hãng truyền hình Mỹ CNN đã có những nhận xét không vòng vo tam quốc về lời than phiền của các doanh nhân Mỹ và nước ngoài cho rằng môi trường đầu tư ở Việt Nam có những thủ tục nhiều khê, tắc nghẽn (ách tắc) địa phương v.v... Ông nói: "*Thận trọng ! Các nhà đầu tư đều thận trọng khi quyết định bỏ tiền vào bất cứ nơi nào trên thế giới. Các bài báo do vậy rất quan trọng, chúng đưa ra những lời cảnh báo. Nói chung, VN là một nơi hấp dẫn cho đầu tư nhưng dĩ nhiên người ta muốn biết cụ thể phải cẩn thận điều gì ! Đây là lần đầu tiên tôi đến Việt Nam, tôi cũng muốn biết rất nhiều điều. Sau khi bỏ cấm vận, người Mỹ muốn tìm hiểu người Việt Nam buôn bán và làm ăn với thế giới ra sao*".

Ngày hôm sau 7-5-95 Phó thủ tướng Phan Văn Khải và các thành viên khác của Chính phủ Kiệt đã tới Dinh Thống Nhất, TP HCM nơi WEF họp để trả lời các câu hỏi của các hơn 70 nhà lãnh đạo doanh nghiệp và viên chức nước ngoài. Sau phát biểu của phía Việt Nam, nhiều người đã đặt câu hỏi. Theo báo Tuổi Trẻ thì các câu hỏi đã tập trung vào ba trọng điểm: Vấn đề tư nhân và tư nhân hóa ở VN, vấn đề ngân hàng và thị trường tiền tệ và vấn đề môi trường đầu tư nước ngoài. Cuộc vấn đáp đã kéo dài trong hai ngày 7 và 8-4-95.

Về điểm thứ nhất, các câu hỏi sau đây đã gây được sự chú ý

Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do hội họp tại Hoa Thịnh Đốn

Hạ tuần tháng 4-95, nhiều giấy mời do thượng nghị sĩ Mỹ Rod Grames ký tên đã được Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do (International Committee For A Free Vietnam, ICFV, tiếng Việt: UBQTYTVNTD) gửi tới cho một số cá nhân và hội đoàn người Việt tại Paris để mời họ tham dự cuộc hội thảo ngày 2-5-95 tại Hoa Thịnh Đốn. Cuộc gặp gỡ này sẽ diễn ra trong phòng hội của Thượng viện Hoa Kỳ, với sự tham dự của các thành viên của UBQTYTVNTD và các quan khách đến từ các nước Pháp, Bỉ, Anh, Hòa Lan, Gia nã đại, Úc v.v... Trong chương trình có ghi rõ là có nhiều "nhà lãnh đạo quốc gia nổi tiếng Việt Nam" (prominent vietnamese nationalists leaders) cũng sẽ hiện diện trong buổi họp này.

Về lý do cuộc hội thảo, UBQTYTVNTD cho biết là để đánh dấu 20 năm bộ đội miền Bắc vào chiếm miền Nam, buộc chính quyền miền này phải đầu hàng. Trong suốt thời gian đó, nhân dân Mỹ đã phải gánh chịu hậu quả cuộc thất trận ở Việt Nam và 70 triệu nhân dân cả nước Việt Nam đã phải sống dưới một chế độ toàn trị và trong bần cùng, không hy vọng có lối thoát.

Cho nên cuộc họp ngày 2-5-95 nhằm tập trung bàn về những "phương cách buộc Chính phủ Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do dân chủ của nhân dân Việt Nam".

Các diễn giả được trừ liệu gồm có thượng nghị sĩ Jim Short, đồng chủ tịch của Phân bộ Úc, phó chủ tịch Hạ viện Gia nã đại, cựu đồng chủ tịch Phân bộ Gia nã đại, các đại diện các tổ chức yểm trợ Ủy ban, đại tướng W. Wesmoreland và cựu đại sứ W. Colby. Hai nhân vật này sẽ đọc hai bài diễn văn rất được chờ đợi.

Luật sư Stephen Young là người đúc kết các ý kiến được phát biểu trong cuộc họp.

Tiếp theo chương trình hội thảo là một cuộc tiếp tân kéo dài hai tiếng đồng hồ, cũng tại Thượng Viện để các người tham dự có dịp gặp nhau thân mật và trao đổi ý kiến.

Tưởng cũng nên nhắc lại rằng ngày 30 tháng Tư năm nay tại Sai Gòn, chính quyền cộng sản đã linh đình làm lễ kỷ niệm 20 năm giải phóng miền Nam. Trên khán đài diễn hành có đủ mặt các nhà lãnh đạo cộng sản, tướng Võ Nguyên Giáp một thời thất sủng nay cũng thấy xuất hiện bên cạnh ông Đỗ Mười. Trước đó, báo chí cộng sản rầm rộ khoa trương chiến thắng đã đánh bại Mỹ Ngụy. Nhưng trong buổi lễ, họ mời các cựu chiến binh Mỹ đến dự và tất cả cố gắng ngoại giao của họ hiện nay là lập lại được quan hệ ngoại giao với "tên đầu sỏ đế quốc"! Chỉ có những người quốc gia Việt Nam là vắng mặt vì còn phải ngồi tù hay tự lưu đày ở hải ngoại.

Đỉnh chính

Thông Luận số 81, bài "Xây dựng một hệ thống pháp luật ở Việt Nam trong tương lai" của ông Lê Minh Văn: trang 24, cột trái, giòng 4 từ dưới lên, xin đọc là: "Đệ tử quyền của Alfonsin không mới nhưng thể hiện rõ nét dân chủ hơn ý niệm bài trừ tham nhũng nặng tình hành chánh đã được nghiên cứu và đưa vào Hiến Pháp Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam dưới định chế được gọi là Giám Sát Viện". Ban biên tập xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

Đó là một phiên tòa trọng đại. Sau bản cáo trạng 60 trang, quan chánh án hỏi:

- Các bị can bị kết tội đòi dân chủ đa nguyên, đòi bầu cử tự do. Các bị can có nhận tội không?

Một bị can trả lời:

- Đòi thì có. Phạm tội thì không. Đó là một cái quyền, không phải một cái tội.

- Bị can phạm thêm cái tội cãi bướng. Tòa xử 17 năm tù: 11 năm về tội đòi hỏi vô vắn, 6 năm về tội cãi bướng trước tòa án nhân dân.

Bị can: - Nhân dân! Ai thấy nhân dân ở đâu?

Tòa chợt nhận ra sự sơ xuất. Hấp tấp quá, người ta quên mất nhân dân. Bèn truyền mang nhân dân vào. Nhân dân là hai người phúc hậu, vô khí cãi tới mang tai. Nhân dân bao giờ cũng gồm hai người. Bởi Tòa e rằng một người mà đại diện cho 75 triệu thì hơi quá, e có thiên vị. Và muốn nhân dân bàn cãi cho ra lẽ thì nên có hai người hơn là một mạng. Tòa đọc lại bản cáo trạng. Nhân dân bàn cãi sôi nổi. Cuối cùng một phần hai dân số đứng dậy, thưa:

- Nhân dân thấy bị can có tội xúi con nít ăn cứt gà, nhưng không vô trang, phá phách gì. Nếu xử 17 năm, e rằng sau này không biết phải xử ra sao những tên phá hoại ác ôn hơn. Bấy giờ bọn chúng đang ào ào lên tứ phía.

Quan chánh án suy nghĩ rồi phán:

- May cho các anh được nhân dân khoan hồng. Tòa rút án xuống còn 15 năm. Các bị can hãy cảm ơn nhân dân.

Lính xách cổ lôi xềnh xệch các bị cáo ra, vì thay vì cảm ơn, tội phạm còn tiếp tục cãi bướng.

Quan bồi thẩm ghé tai chánh án, hỏi: "Tại sao 15 năm? Tại sao không 14 hay 16?"

Cánh án giải thích: "15 là con số lẻ. Muốn luật pháp công minh, bao giờ cũng phải chọn số lẻ".

Bồi thẩm chợt dạ: bao nhiêu năm còn cầm cân nảy mực, ngài tự giạt mình đã không hiểu kịp cái suy luận của Tòa.

Lính áp giải một loạt bị can khác, bị kết tội âm mưu tổ chức hội thảo về phát triển quốc gia. Nhân dân bàn cãi hai giờ 45 phút, cuối cùng, gãi tai, gãi đầu:

- Chúng tôi không hiểu "hội thảo" là cái gì, "phát triển" là cái gì, nên khó nghị án.

Đến lượt Tòa gãi đầu, gãi tai. Rồi truyền đem vào một cuốn tự điển của nhà nước. Bồi thẩm tra tự điển, thưa:

- Trong từ điển, không thấy có mấy chữ đó.

Chánh án nổi giận:

- Lại thêm cái tội vi phạm những cái không có trong từ điển. Tòa tạm giam 10 năm để nghiên cứu.

Bồi thẩm ghé tai chánh án: "Tại sao 10 năm? Tại sao không 9 hay 11?"

Chánh án nghiêm giọng: "Mười là con số chẵn. Thịnh thoảng phải đổi mới!". Bồi thẩm chợt dạ, tự giạt mình đã không nghĩ đến cái chuyện đổi mới là chuyện rất hệ trọng.

Phiên tòa xảy ra tại cái xứ Giao Chỉ (đán xứ này có hai ngón chân cái giao nhau) thuở trời đất còn hỗn mang, 3112 năm trước khi một người Pháp-lang-sa là Mạnh-Đức Tư-Cưu (Montesquieu) viết cuốn Vạn Pháp Tinh Lý (L'esprit des Lois).

Ngày nay, chuyện ấy cố nhiên là không thể xảy ra, vì vậy gọi là chuyện cổ tích, viết cho con nít đọc chơi.

Đờ Gàn

Bệnh viện Từ Dũ và chủ nghĩa xã hội

Ở Sài Gòn, hầu như mọi người đều biết đến bệnh viện Từ Dũ. Sau 1975, nhà nước cộng sản muốn xóa cái tên "phi cách mạng" Từ Dũ đi, đổi tên là Bệnh viện Phụ sản Thành phố Hồ Chí Minh. Các chuyện tiểu lâm ở đây còn lưu truyền Bệnh viện Từ Dũ đã được đổi tên thành "Xưởng đẻ" cho có vẻ cách mạng và góp phần làm trong sáng tiếng Việt! Tuy nhiên người dân ai cũng chỉ gọi và biết đến bệnh viện Từ Dũ nên cuối cùng Nhà nước phải chính thức viết lên bảng hiệu là Bệnh viện Phụ sản TP/HCM Từ Dũ.

Mới đây, nhân phải vào lưu trú ở đây một thời gian để chăm sóc người bệnh là thân nhân, tôi có dịp hiểu thêm về bệnh viện nổi tiếng này. Ngoài một tòa nhà cũ hai tầng với hệ thống thang máy cổ lỗ sĩ, nhà vệ sinh chưa được sạch sẽ, một tòa nhà cũ khác được cải tạo, sửa chữa và trang bị lại khá tiện nghi. Có thêm một tòa nhà mới do Làng Hòa Bình OBERHAUSEN, CHLB Đức xây dựng tặng năm 1990, một Bình Thạnh Clinics do "Những người bạn Nhật" xây dựng tặng năm 1992. Bệnh viện có khoa phụ, khoa sản, khoa sơ sinh, khu xét nghiệm, khu được... và các phòng với máy móc hiện đại.

Đội ngũ y, bác sĩ, nữ hộ sinh và hộ lý, nhân viên trong đó có nhiều người tài năng và tận tâm, đã phục vụ cho đông đảo đồng bào đủ các giới, đặc biệt các sản phụ sinh khó và những người mắc bệnh hiểm nghèo. Biết bao bà mẹ và trẻ em đã được cứu sống, biết bao phụ nữ đã thoát khỏi đau khổ và bệnh tật.

Bệnh viện lúc nào cũng tấp nập người bệnh và thân nhân, không chỉ ở các quận huyện của Sài Gòn mà còn ở các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên, đôi khi quá tải, mỗi giường phải nằm hai người bệnh. Trong giờ nghỉ và cả trong giờ làm việc, thường xuyên có thân nhân người bệnh nằm ngồi ngón ngang chung giường với người bệnh, dọc hành lang ngoài sân, trên ghế đá. Tuy thế, đội ngũ nhân viên làm vệ sinh của bệnh viện hầu như làm việc suốt ngày đêm nên bảo đảm bệnh viện nói chung khá sạch sẽ.

Vào các giờ thăm bệnh, nhất là chiều tối, thân nhân đi thăm viếng đông đảo như ngày hội, xe cộ gởi đầy hai, ba bãi xe lớn. Căng tin và hàng quán cũng phục vụ cho người bệnh, thân nhân và cả y, bác sĩ, nhân viên bệnh viện ăn uống, giải khát khá vệ sinh với thực đơn phong phú và giá cả rẻ hơn bên ngoài. Bệnh viện còn có dịch vụ đưa sản phụ về do Đoàn Thanh niên của bệnh viện đảm trách tuy với một xe cũ kỹ mà tài xế loay hoay sửa chữa luôn tay trong khi chờ đợi. Nhưng ai có tiền khỏi lo, chỉ cần gọi điện thoại, lập tức có taxi (loại xe tối tân có máy lạnh) đến phục vụ ngay tận thêm bệnh viện.

Mới đây, bệnh viện mở dịch vụ mới, chính thức viết thông báo cho mọi người biết (từ 10-5-94):

Phòng sanh dịch vụ đặc biệt:

- Sanh theo dõi, vô cảm 500.000đ ngoại kiều: 200\$
- Tiền phòng trong ngày 200.000đ ngoại kiều: 40\$
- Mổ lấy thai 600.000đ ngoại kiều: 500\$
- May thẩm mỹ 250.000đ

(con dạ, có yêu cầu)

Đặc điểm:

- 1) Có tiện nghi như gia đình (phòng có tivi, máy lạnh, tủ lạnh, video...)
- 2) Có mặt một thân nhân khi chuyển dạ
- 3) Được quyền chọn bác sĩ. Có máy móc, bác sĩ và nữ hộ sinh theo dõi riêng
- 4) Sanh tại giường nằm

Thông Luận 82 - Tháng 5.95

Mở dịch vụ: (được quyền chọn bác sĩ và mổ nhanh, không phải chờ đợi)

- loại đặc biệt: 1 triệu đồng

- loại 1: 800.000 đ

- loại 2: 600.000 đ

Phòng nằm dịch vụ:

- loại 1 giường: 150.000đ/ngày (có máy lạnh, giường nằm cho người thân và các tiện nghi khác)

- loại 2 giường: 35.000 đ/ngày

- loại 3 giường: 25.000 đ/ngày

(Các chi phí trên đây chưa tính tiền thuốc và tiền điều trị)

Nhiều người hưởng ứng chủ trương này. Ai có tiền yên chí được phục vụ tốt, khỏi phải chạy chọt, đút lót mọi chỗ như trước đây. Ai không giàu có nhưng vì lo cho thân nhân cũng ráng xoay sở để thân nhân được khám chữa chu đáo. Các bác sĩ giỏi cũng yên tâm và thanh thản hành nghề. Bệnh viện tăng thêm thu nhập một cách chính đáng.

Chỉ tiếc rằng chủ trương này hình như không phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhiều cán bộ, công nhân viên (thuộc giai cấp lãnh đạo cách mạng?) than phiền khi vào nằm viện với quy chế bảo hiểm y tế, họ không được nằm phòng đẳng hoàng, thuốc men không đầy đủ, thậm chí bị bớt liều lượng, cung cấp thuốc quá hạn. Họ kháo nhau tốt hơn chịu tốn tiền, không đưa thẻ bảo hiểm y tế ra, vì khi được đưa vào phòng y tế bảo hiểm y tế, thấy tệ quá muốn đổi phòng và chế độ điều trị cũng không được. Còn đông đảo nhân dân lao động nghèo khổ thì cứ vào nằm phòng tập thể 10-15 giường, sử dụng phòng vệ sinh chung không mấy sạch sẽ. Thân nhân của họ, những người ở xa cơm đùm cơm bó đến nuôi bệnh nằm ngón ngang khắp nơi. May thay còn có những bôngcây hoa sứ và những cây mát trong sân che chở họ! Và nhân viên bệnh viện cũng thương tình không nỡ đuổi.

Nhưng đó không phải là do định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nam Long

Thảo luận bàn tròn "Việt Nam, hôm nay và ngày mai"

do Câu lạc bộ thân hữu Thông Luận tổ chức với
bốn chủ đề:

**Kinh tế và xã hội
Nhân quyền và ổn định
Việt kiều và đất nước
Việt Nam và quốc tế**

vào ngày Chủ nhật 14-5-1995
từ 9 giờ 30 đến 19 giờ
tại hội trường d'Artagnan, 80 rue Vitruve, 75020
Paris

métro: Porte de Bagnolet; Porte de Montreuil hay
Alexandre Dumas.
(Có thể ăn trưa tại chỗ)

Vào cửa tự do.

Xin mời quý độc giả và thân hữu tham dự đông đảo

Sở Tay

Về chó và người

Tôi đang ở văn phòng vật lộn với một hồ sơ thì điện thoại reo. Đầu dây là một chị bạn. Chị nói dồn dập và gần như nức nở: "Tôi xúc động quá anh ạ. Không thể chịu được. Tôi vừa mới xem một phóng sự về Việt Nam. Tàn nhẫn quá anh ạ. Người ta đưa nhau ăn thịt chó. Ghê rợn quá. Con chó là con vật khôn, bạn của loài người. Thế mà lại đem giết, nhậu với rượu đế. Thế giới coi những cảnh ấy nghĩ gì về Việt Nam...". Tôi hỏi: "Họ ăn như thế nào?". Chị bạn khựng lại, như không hài lòng với câu hỏi vô duyên của tôi, nhưng chị cũng đáp: "Tôi không biết, nhưng hình như là nướng". Rồi chị tiếp tục: - Các anh là những người hoạt động chính trị, cần có thái độ. Các anh phải phát động một cuộc tranh đấu đòi chấm dứt ngay việc ăn thịt chó.

Tôi ngần ngại:

- Tôi hiểu xúc động của chị, nhưng còn nhiều vấn đề khó khăn lắm. Ngay cả các trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà tu hành họ còn bỏ tù. Quyền sống của con người còn chưa được tôn trọng, nói gì đến quyền sống của chó. Nước ta chưa được văn minh lắm.

Hôm đó tôi đã làm một người thất vọng.

Chị bạn tôi du học và sinh sống lâu năm tại Pháp nên đã tiêm nhiễm nếp sống ở đây. Người Pháp có đặc tính là rất quý chó. Trong nấc thang giá trị của họ, quý nhất là con nít, thứ nhì là đàn bà, thứ ba là chó, rồi mới đến đàn ông. Một hoạt cảnh đặc thù của Paris là một bà già dắt chó đi dạo phố, mệp mòi và vất vả vì bị con chó kéo đi xềnh xệch, luôn miệng rầy la con chó. Đó là quốc hồn quốc túy của dân Tây. Chưa biết yêu chó là chưa hoàn toàn hội nhập vào xã hội Pháp. Cái bất lợi của đặc tính dân tộc này khá lớn. Người ta dắt chó không phải chỉ để đi dạo, mà còn có mục tiêu cụ thể là để chó giải quyết vấn đề vệ sinh ngay trên đường phố. Đi dạo đường phố Paris, bạn phải coi chừng để đừng dẫm đạp lên những thứ ấy. Tôi đã bị vài lần, và mỗi lần như vậy vừa bực mình vừa què một cục, chẳng giống ai, nghe nói hên lắm.

Đã có vấn đề tất phải có giải pháp nếu không thì chắc chắn chỉ trong vòng nửa tháng Paris sẽ không còn là thủ đô ánh sáng mà sẽ... rất thom.

Giải pháp rất hiện đại và ngoạn mục. Một thanh niên cường tráng cưỡi một chiếc mô-tô đồ sộ tuần hành một cách bề vệ trên đường phố. Chợt thấy một bãi là chiếc mô-tô xồng

xộc nhảy lên hè phố, đi sát lại đối tượng, rồi một càng xòe ra, đối tượng bị hút trong chớp nhoáng, kế đó là vòi xịt nước, bàn chải xoay xè xè chà sát. Tất cả hoàn toàn tự động. Trong vài giây sự sạch sẽ toàn diện lại được vân hồi, và chàng trai trẻ trên chiếc mô tô lộng lẫy lại tiếp tục nhón như cười ngửa xem hoa. Theo Sở Vệ Sinh thành phố Paris, giá thành của một vụ nhặt hoa như vậy là 150 Francs, hay 320.000 đồng VN, tương đương với tiền lương căn bản của một giáo sư đại học tại Việt Nam. Sở Vệ Sinh Paris đã phải huy động cả một tiểu đoàn trang bị cơ giới tối tân. Trung bình một tháng mỗi con chó gây phí tổn cả ngàn Francs.

Hè năm ngoái, lang thang trong một thành phố bờ biển tôi chợt dừng lại trước một tiệm hót chải lông chó và giặt mình. Vừa hót, vừa chải, vừa uốn mỗi lần tốn 300 Francs. Tôi hỏi một bà dắt chó đi ra bao lâu bà làm đẹp cho chó một lần, bà ấy đáp: "Tùy ông muốn chó đẹp hay không, tôi thì mỗi tháng một lần". 300 F hay 650.000 đồng VN mỗi tháng, tương đương với lương của một giám đốc, dĩ nhiên chỉ là lương chính thức thôi còn phụ thu khác không ai biết được, chỉ biết các ông giám đốc hiện nay sống rất khỏe, họ có bí quyết riêng, ở đây tôi chỉ nói về chó.

Một người bạn Pháp đề nghị tặng cho các con tôi một con chó caniche. Các con tôi vui mừng hớn hở, nhưng khi hỏi kỹ ông bạn Pháp về những bỗ phận và chi phí đối với chó, tôi đành chào thua. Nào hót chải, nào dắt cho đi vệ sinh, nào thú y, tiêm chủng và thực phẩm cho chó...

Nói về thực phẩm của chó, trên màn ảnh Tivi tối nào cũng có hai ba phim quảng cáo. Các nhà sản xuất thi nhau tán tụng thực phẩm chó của mình là thơm ngon, hợp khẩu vị chó, bảo đảm chó sẽ mền chủ v.v... Thực phẩm trước hết là để cho chó sướng miệng và khoái ý, vì các hãng sản xuất khoe thực phẩm của mình ít năng lượng, chó sẽ không mập ú, sẽ giữ nguyên những đường cong thẩm mỹ của cơ thể. Tính ra trung bình mỗi con chó ít nhất cũng tốn 2.000 F hay 400 USD mỗi năm. Số tiền ấy đủ nuôi ba trẻ em Việt Nam.

Chính quyền xã hội chủ nghĩa quả quyết theo đuổi chính sách ổn định chính trị. Họ nhốt giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bắt hòa thượng Quảng Độ... Ai chẳng biết như thế là quá đáng. Nhưng có nhiều người lại lý luận rằng cũng phải hiểu cho nhà cầm quyền, họ đang theo đuổi một mục đích cao quý hơn: phát triển kinh tế. Theo kế hoạch thì đến năm 2000, nếu tất cả đều xuống xê thì lợi tức bình quân của mỗi người Việt Nam có thể đạt tới 400 USD. Như vậy thì ta hãy cứ kiên nhẫn, hãy cứ hy sinh tự do, dân chủ, nhân quyền đi, hãy để họ tùy tiện bắt bớ và bỏ tù. Để bù lại, sang thế kỷ 21, biết đâu họ chẳng thành công và đem lại cho dân ta một mức sống tương đương với kiếp chó?

Phù Du

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó